

Thế chiến quốc - Tổng quan - 1



Thế chiến quốc

01.10.2023

1. Giám đốc CIA William Burns nói về tương lai hỗn loạn của thế giới
2. Mỹ, Trung đề ra tầm nhìn về trật tự thế giới mới giữa khác biệt về nhân quyền
3. Không còn biện minh cho chính sách trung lập trong trật tự chính trị lưỡng cực mới
4. Châu Á - Thái Bình Dương: Mỹ đặt nền móng cho liên minh cạnh tranh với Trung Quốc
5. “Chuỗi cung ứng” IPEF: Mỹ và 13 nước hợp tác tránh phụ thuộc Trung Quốc
6. Chúng ta nên sợ Trung Quốc đến mức nào?
7. Chúng ta nên đối phó với sự suy tàn của Trung Quốc như thế nào?
8. Biển Đông là địa bàn trọng yếu nhằm đề kháng sự bành trướng của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương
9. Trung-Mỹ gặp nhau trước thế Chiến Quốc vừa đàm phán vừa đối đầu?
10. Chiến lược bành trướng của Trung Quốc trên Biển Đông, Nam Thái Bình Dương và đối phó của G7
11. Các tạp chí khoa học: Mặt trận mới trong tranh chấp Biển Đông
12. Trung Quốc thám hiểm đáy Biển Đông để thống trị đại dương
13. Trung Quốc vẽ bản đồ đáy biển để tàu ngầm nguyên tử hoạt động
14. 6 cường quốc bậc trung Nam Bán Cầu “quyết định” cục diện địa chính trị thế giới
15. 6 quốc gia sẽ quyết định tương lai của địa chính trị
16. Ukraine phải thắng Nga – nếu không tất cả chúng ta sẽ thua
17. Yếu tố Việt Nam trong cuộc đối đầu Mỹ - Trung
18. Quan hệ Mỹ - Việt trong bàn cờ chiến lược Mỹ - Trung
19. Việt Nam và Mỹ “trở về tương lai”
20. Hàm ý của việc thiết lập Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt-Mỹ
21. Việt - Mỹ thắt chặt quan hệ, không để Trung Quốc “lộng hành” ở Biển Đông
22. Giới chuyên gia: Đối tác Chiến lược không phải là dấu hiệu Việt Nam sẽ liên kết với Mỹ
23. Tuần duyên Mỹ sẽ thực thi các quy định hàng hải tại vùng biển Palau
24. Liên Âu lo ngại về những nguy cơ do việc tổng thống Nga Putin bị suy yếu
25. Wagner nổi loạn : Hệ quả nào cho tập đoàn lính đánh thuê ở châu Phi ?
26. Tổ chức Nobel rút ý định mời đại sứ Nga, Belarus và Iran dự lễ trao giải Nobel
27. NATO tuyên bố sẵn sàng bảo vệ các nước đồng minh trước mọi đe dọa từ Nga hay từ Belarus
28. NATO có thêm cơ hội kiềm chế Nga với sự gia nhập của Phần Lan, Thụy Điển

29. Ngoại trưởng Ý công du Trung Quốc, chuẩn bị khả năng rút Ý ra khỏi dự án Những Con Đường Tơ Lụa Mới
30. G7 huy động 600 tỉ đô la cạnh tranh với dự án “Một vành đai một con đường” Trung Quốc
31. Chiến tranh lạnh Mỹ – Trung, cuộc chiến Ukraine và xung đột Đài Loan.
32. Tại sao chiến tranh với Trung Quốc về Đài Loan có thể hủy hoại nền kinh tế toàn cầu

Giám đốc CIA William Burns nói về tương lai hỗn loạn của thế giới

24/05/2022

Capture à partir de : [nghiencuuquocte](https://www.nghiencuuquocte.com)



Nguồn: Edward Luce, “[What the CIA thinks: William Burns on the new world disorder](https://www.ft.com/content/13/05/2022/what-the-cia-thinks-william-burns-on-the-new-world-disorder),” *Financial Times*, 13/05/2022.

Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Phụng

Năm mươi năm sau ‘cuộc đảo chính’ Chiến tranh Lạnh của Nixon, người Mỹ đang đối mặt với một trật tự toàn cầu mới.

Chúng ta không thường xuyên được gặp những người có số tuổi đạt đến ba chữ số. Henry Kissinger, người sẽ bước sang tuổi 99 vào tháng này, hiện đã già hơn bất kỳ chính khách nào còn sống trên thế giới. Tại Lễ hội FTWeekend ở Washington vào thứ Bảy tuần trước, chiến lược gia Chiến tranh Lạnh đã nhận xét rằng nhân loại “hiện đang sống trong một kỷ nguyên hoàn toàn mới.” Xét đến việc ông đã sống được 40% lịch sử nền cộng hòa Mỹ, Kissinger có quyền đưa ra nhận định đó – bất kể người ta nghĩ thế nào về hồ sơ đầy tranh cãi của ông.

Thế nhưng William Burns, 66 tuổi, giám đốc CIA, mới là người mang đến tin tức chính của lễ hội. Burns nói rằng Tập Cận Bình, nhà lãnh đạo Trung Quốc, “đang lo lắng trước những tổn hại về danh tiếng có thể xảy đến với Trung Quốc khi họ ủng hộ sự tàn bạo trong hành động xâm lược của Nga đối với người Ukraine”.

Tuy nhiên, bất chấp việc Vladimir Putin đe dọa dùng đến vũ khí hạt nhân, Burns nói rằng Mỹ vẫn tiếp tục coi Trung Quốc, chứ không phải Nga, là đối thủ chính của mình. “[Putin] thể hiện theo một cách rất đáng lo ngại rằng các cường quốc đang suy yếu có thể làm loạn, chí ít cũng bằng với các cường quốc đang trỗi dậy,” ông nói. Nhưng Trung Quốc là mối đe dọa lớn hơn.

Một trong những lợi ích của lịch sử là nó cho phép bạn hình dung ngày hôm nay dưới một góc nhìn khác. Như câu nói của người Liên Xô: “Tương lai là tất định. Quá khứ mới là vô định.” Tuy nhiên, hiện tại của ngày hôm nay là điều mà người ta có thể định hình.

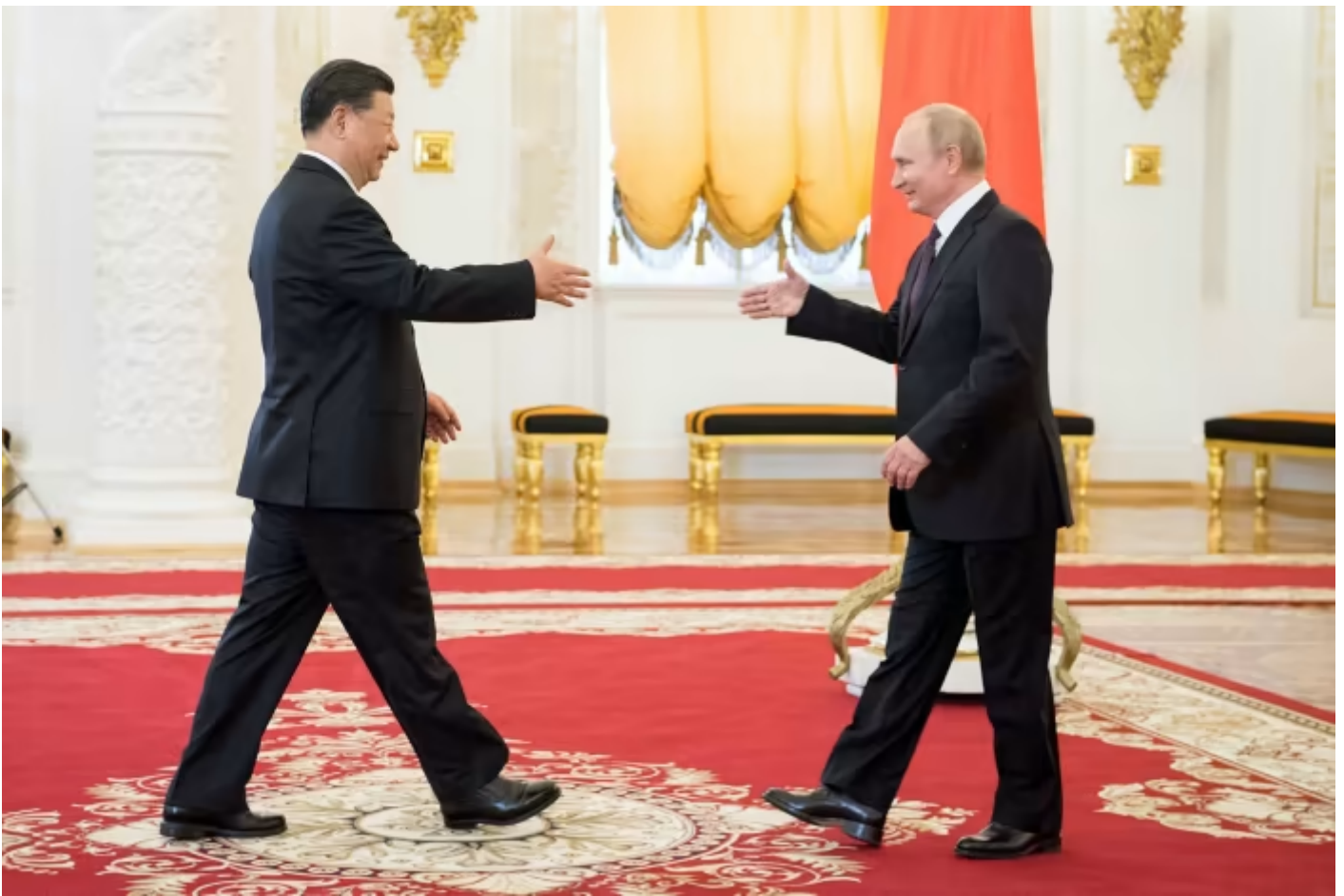
50 năm trước, Kissinger và Tổng thống của ông, Richard Nixon, đã thay đổi cục diện Chiến tranh Lạnh bằng cách mở cửa với Trung Quốc của Mao Trạch Đông. Bằng cách gia tăng sự chia rẽ giữa quốc gia cộng sản lớn nhất thế giới và quốc gia cộng sản hùng mạnh nhất thế giới, chuyến thăm Trung Quốc của Nixon được cho là nước đi hay nhất của Mỹ trên bàn cờ Chiến tranh Lạnh. Đã từng có thời người Mỹ và người Trung Quốc cùng nhau vui vẻ nâng ly, sau khi Nixon và Mao ký Thông cáo chung Thượng Hải năm 1972 – vốn đã được Kissinger bí mật lên kế hoạch bằng chuyến đi ẩn danh tới Bắc Kinh, qua ngã Pakistan. Nhưng ngày kỷ niệm 50 năm của sự kiện này đã trôi qua trong im lặng hồi tháng 2 năm nay. Nhà Trắng của Joe Biden đã phớt lờ đề nghị tổ chức lễ kỷ niệm chung của Trung Quốc.

Lịch sử giờ đã quay ngoắt 180 độ. Năm 1972, Nixon dễ dàng gạt bỏ những lời chỉ trích từ cánh hữu khi thực hiện một thỏa

thuận với Mao ngay giữa bối cảnh Cách mạng Văn hóa của Trung Quốc. Bộ máy chính sách đối ngoại của Mỹ, theo bản năng, đã tận dụng được bước đi này, khiến Liên Xô bị cô lập và suy yếu hơn. Vô đạo đức nhưng hiệu quả. Tất nhiên, ví dụ tương tự thường được nhắc đến là liên minh Mỹ-Anh với Liên Xô của Stalin nhằm đánh bại chủ nghĩa Quốc xã.



Chủ tịch Mao Trạch Đông và Tổng thống Mỹ Richard Nixon tại Trung Quốc vào năm 1972
©Everett/Shutterstock



Tổng thống Nga Vladimir Putin chào đón Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình tại Điện Kremlin vào năm 2019 ©Tân Hoa Xã/Eyevine

Ngược lại, Washington ngày nay gần như nhất trí về một chính sách đối ngoại xem Trung Quốc và Nga là anh em sinh đôi, dù bây giờ Nga đã trở thành ‘cậu em’ yếu hơn. Tổng thống Biden xem chính trường toàn cầu là cuộc cạnh tranh giữa chuyên chế và dân chủ. Kissinger rõ ràng không đồng ý, dù ông luôn cẩn thận không bao giờ lên tiếng công khai về những vấn đề quan trọng. Vị chính trị gia đáng kính không chỉ trả lời bằng loại ngôn từ bí ẩn kiểu Yoda, mà tư thế khom lưng của ông cũng gợi nhớ về nhà hiền triết trong *Chiến tranh giữa các vì sao*. Sự khác biệt trong ý thức hệ không nên là vấn đề chính của cuộc đối đầu, ông nói, “trừ khi chúng ta sẵn sàng biến việc thay đổi chế độ trở thành mục tiêu chính trong chính sách của chúng ta.”

Vậy còn CIA nghĩ gì? Câu hỏi này thường có liên quan vì Burns – nhà ngoại giao chuyên nghiệp đầu tiên trở thành người đứng đầu cơ quan tình báo chính của Mỹ trong 80 năm tổ chức này tồn tại – luôn được đánh giá cao không kém bất kỳ ai trong chính quyền Mỹ. Một trong những người hâm mộ ông lâu dài

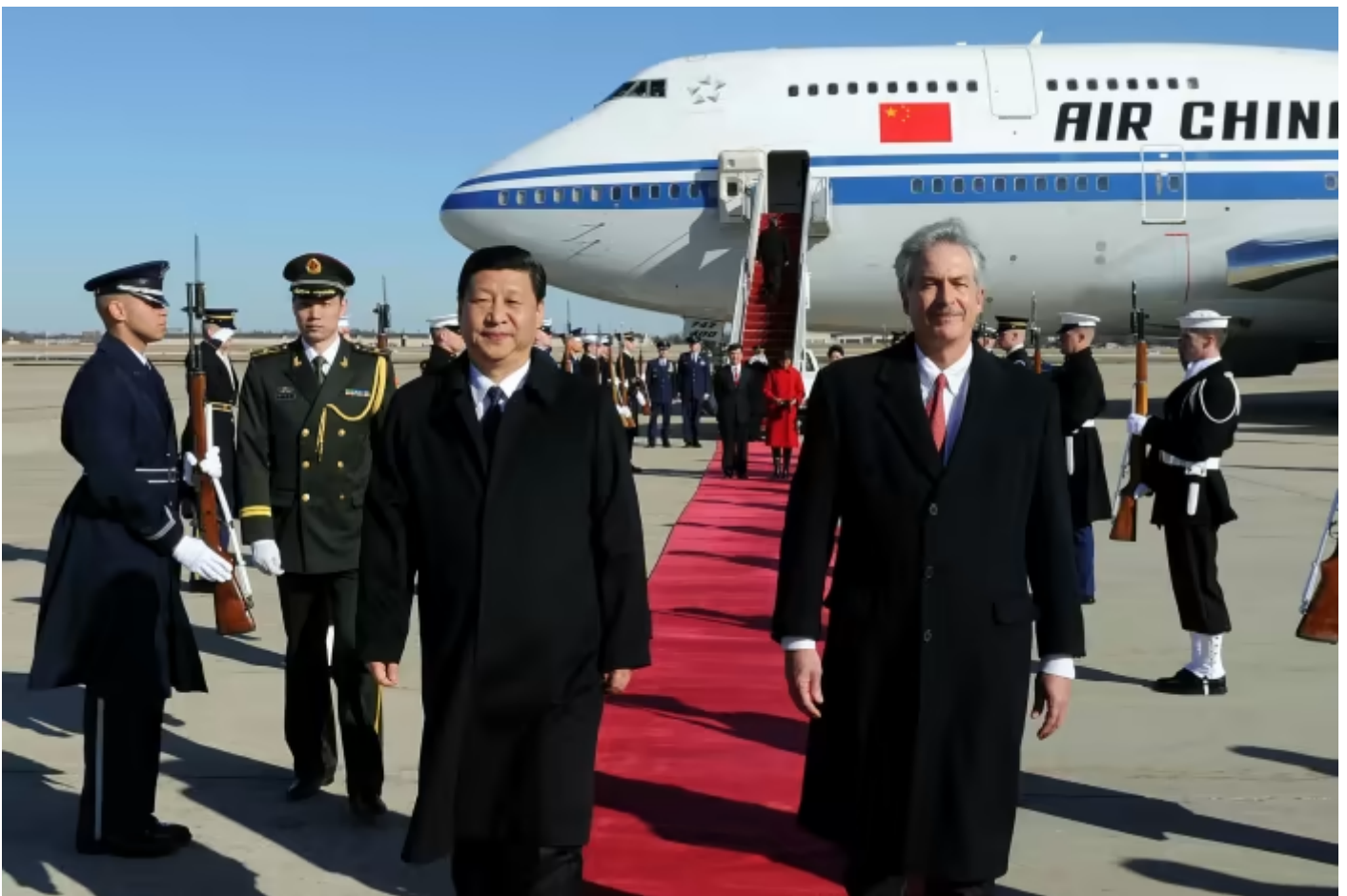
nhất chính là Biden. Tuy nhiên, Burns đã được nhất trí bổ nhiệm bởi một Thượng viện Mỹ phân cực, một điều hiếm hoi tựa như việc nhìn thấy vật thể bay không xác định ở Washington ngày nay. Một số nhà ngoại giao nước ngoài gọi ông là “Ngoại trưởng thứ hai.”

Tháng 11 năm ngoái, khi lực lượng Nga tập trung đông đảo ở biên giới Ukraine, Biden đã cử Burns đến nói chuyện với Putin ở Moscow. Đây lại là một lần đầu tiên khác. Những người đứng đầu cơ quan tình báo thường không được tuyển dụng để gặp gỡ những người đứng đầu các quốc gia có vũ khí hạt nhân. Dù đúng là Putin từng đứng đầu FSB, trước đây được gọi là KGB, nhưng hai người không phải đồng cấp.

Tuy nhiên, Burns là một giám đốc tình báo khác thường. Trải qua nhiều năm ở D.C., tôi chưa hề bắt gặp một nhân vật của công chúng nào mà không ai có thể nói xấu. Lần gần nhất tôi gặp ông là tại buổi ra mắt bộ phim *James Bond* cuối cùng của Daniel Craig, do Đại sứ quán Anh tổ chức vào tháng 10 – một bộ phim tưởng như còn kéo dài hơn cả Chiến tranh Lạnh, với những cuộc đối thoại chắc chắn tệ hơn nhiều. Burns đã vui vẻ tạo dáng chụp một bức ảnh iPhone bên cạnh một khung hình của Bond sắp hết thời.



Vladimir Putin ngồi vào bàn đàm phán bên cạnh Ngoại trưởng Sergei Lavrov, và đối diện với William Burns (lúc đó là Đại sứ Mỹ tại Moscow) vào tháng 03/2008 ©Pool /AFP/Getty Images



Tập Cận Bình (lúc đó là Phó Chủ tịch Trung Quốc) được Burns (lúc đó là Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ) chào đón tới Washington vào tháng 02/2012 ©Tân Hoa Xã/Eyevine

Việc lắng nghe Giám đốc CIA bình luận theo thời gian thực về một cuộc chiến gần như là chiến tranh ủy nhiệm giữa hai cường quốc vũ trang hạt nhân lớn là một trải nghiệm siêu thực (Nga có số lượng đầu đạn hạt nhân chiến lược nhiều như Mỹ; riêng về khoản này, Trung Quốc đứng thứ ba, với khoảng cách rất xa). Là một cựu đại sứ Mỹ nói tiếng Nga tại Moscow, Burns hiểu Putin rất rõ. “Tôi đã đối phó và theo dõi Tổng thống Putin trong nhiều năm, và điều tôi thấy, đặc biệt là trong thập niên vừa qua, là ông ấy giống như một mồi lửa của buồn phiền, tham vọng, và bất an – tất cả được cuộn tròn lại cùng nhau,” Burns nói. “Mức độ chấp nhận rủi ro của ông ấy đã tăng lên trong những năm qua, khi quyền lực của ông ngày càng mạnh hơn, và vòng tròn cố vấn của ông ngày càng thu hẹp lại.”

Một phần vì Mỹ tích cực sử dụng “tình báo phủ đầu” – giải mật có chọn lọc các kế hoạch quân sự của Putin – nên Nga đã buộc phải bắt đầu lại từ đầu. Đối với Ukraine, và những người ủng hộ NATO của họ, triển vọng quân sự hiện tại đang lạc quan hơn bất cứ thời điểm nào kể từ khi cuộc xâm lược nổ ra ngày 24/02. Cuộc tấn công chớp nhoáng nhắm vào Kyiv của Putin đã bị hủy bỏ trong tháng 4, sau khi vấp phải sự kháng cự quyết liệt của người Ukraine, và còn vì lý do thương vong nặng nề. Các vấn đề về tiếp tế và tinh thần đã tạo ra vụ tắc đường dài nhất trên thế giới – đoàn xe tăng và xe bọc thép dài 65 km của Nga cuối cùng đã buộc phải lùi lại.

Nguyên nhân khiến Putin bị sỉ nhục đến từ việc Ukraine có nguồn thông tin tình báo phương Tây về các kế hoạch chiến đấu của Nga rất tốt. Theo Burns, thông tin tình báo phủ đầu cũng cướp đi những luận điệu mà Putin dùng cho cuộc xâm lược. “Tôi nghĩ rằng rất hữu ích khi tước khỏi tay Putin điều mà sau nhiều năm quan sát tôi biết rằng ông ấy đã thành thạo, đó là tạo ra những câu chuyện giả dối để mở đường cho những chiến dịch treo cờ giả (false-flag operations)” ông nói.

Hôm thứ Hai, Putin đã phủ nhận lo ngại về một cuộc tấn công mới và về việc mở rộng chiến tranh trong lúc ông phát biểu với dáng vẻ gần như cam chịu tại Quảng trường Đỏ. Lễ duyệt binh Ngày Chiến thắng 09/05 hàng năm, ngày kỷ niệm vai trò của người Nga trong việc đánh bại Đức Quốc xã trong Chiến tranh Vệ quốc Vĩ đại, được coi là thời điểm để Putin tiết lộ thêm điều mà Kissinger gọi là quan điểm “gần như thần bí” của Tổng thống Nga về lịch sử. Về cơ bản, Putin đã viết lại quá khứ để phục vụ cho câu chuyện của ông về “phi phát xít hóa” Ukraine, cũng như liên kết NATO với thế giới quan bị cho là phát xít của Kyiv. Những sửa đổi của Putin đã tách Mỹ và Anh khỏi chiến thắng trước chủ nghĩa Quốc xã năm 1945. Chúng cũng ngó lơ Hiệp ước Bất tương xâm Xô-Đức năm 1939, trong đó hai chế độ đã đồng ý phân chia Ba Lan và các khu vực khác ở Đông Âu. Liên Xô thực ra đã chiếm Ukraine từ 20 năm trước.

Burns phát biểu hai ngày trước cuộc duyệt binh ở Moscow. Nhưng ông tin chắc rằng cuối cùng Putin sẽ quay trở lại tấn công. Ông nói, cuộc chiến có lẽ đang bước vào giai đoạn tiêu hao, trong đó Nga sẽ tìm cách củng cố và mở rộng vùng đất họ chiếm được ở phía đông, trước khi tập hợp lại để thực hiện một cuộc tấn công khác vào Kyiv. “Tôi nghĩ rằng ngay bây giờ, ông ấy bị thuyết phục rằng nếu quyết tâm, ông vẫn có thể đạt được tiến bộ,” Burns nói.



Binh lính Nga trong lễ duyệt binh Ngày Chiến thắng 09/05 ở Moscow trong tuần này
©Zuma Press/Eyevine

Cho đến nay, thành tích của tình báo Mỹ vẫn rất tốt. Ngoại trừ khả năng quân sự kém cỏi của Nga, điều khiến mọi người phải ngạc nhiên, chính quyền Biden đã đoán đúng gần như mọi động thái của Putin trước khi ông ta thực hiện chúng. Tuy nhiên, xác định lần ranh đở cuối cùng của Putin có lẽ lại là câu chuyện của phỏng đoán. Có vẻ như ngay cả Putin, người chưa cho thấy ông đã nâng cấp chất lượng tình báo của chính mình – vốn còn tệ hơn cả tình báo Ukraine – cũng không biết đâu là lần ranh đở của mình.

Điều này đặt ra một câu hỏi lớn hơn, về việc liệu Biden có đang đẩy sự can dự của Mỹ đi quá xa hay không. Khi chiến tranh nổ ra, Tổng thống đã rất nỗ lực để hạ thấp vai trò của Mỹ trong việc cung cấp vũ khí và dữ liệu cho Ukraine. Lính Nga càng bộc lộ nhiều điểm yếu quân sự, và nhiều hành vi tàn ác càng bị vạch trần, thì Biden càng trở nên táo bạo. Vào tháng 4, ông đã gọi Putin là tội phạm chiến tranh. Ông cũng mô tả cuộc chiến của Nga với Ukraine là “tội ác diệt chủng.” Tuần trước, các

quan chức giấu tên tiết lộ với *New York Times* rằng tình báo Mỹ đã xác định được danh tính 12 tướng Nga đã thiệt mạng trong chiến tranh. Một nguồn tin khác của *Washington Post* nói rằng cơ quan tình báo Mỹ đã hỗ trợ điều phối để giúp đánh chìm Moskva, soái hạm của Nga trên Biển Đen, một trong những đòn tấn công hải quân tàn khốc nhất trong nhiều thập niên.

Biden đã khó chịu khi chứng kiến loạt thông tin rò rỉ, vốn không được giải mật hay được ủy quyền. Nhưng thật khó để không có ấn tượng rằng giọng điệu của Washington đã chuyển từ thận trọng sang khoe khoang. Burns chắc chắn không mong muốn điều này. “Thật là vô trách nhiệm,” ông nói. “Việc mọi người nói quá nhiều, cho dù là tiết lộ tin mật ở nơi riêng tư, hay thảo luận công khai về các vấn đề tình báo, đều rất nguy hiểm.”



Binh sĩ Ukraine mang cờ Mỹ ở Kyiv, ngày 07/03 © Polaris / eyevine

Điều này trở nên đặc biệt đúng khi đối thủ, vốn sở hữu vũ khí hạt nhân, đưa ra thật nhiều gợi ý về chuyện leo thang, vốn là điều mà Putin và các quan chức của ông đang làm. Dù Burns nói rằng tình báo Mỹ chưa phát hiện ra những dấu hiệu cụ thể

cho thấy Putin đang triển khai vũ khí hạt nhân chiến thuật, nhưng tình hình có thể thay đổi bất cứ lúc nào. Luận điệu tận thế của Moscow hiện trái ngược hẳn với phần lớn thời kỳ Chiến tranh Lạnh – chí ít là kể từ Khủng hoảng tên lửa Cuba năm 1962 – khi cả Washington và Moscow đều nói về vũ khí hạt nhân bằng thứ ngôn ngữ mơ hồ.

Burns nói, “Tôi nghĩ điều cực kỳ quan trọng mà cả người Nga và người Mỹ cần nhớ là, ngày nay, chúng ta vẫn là siêu cường hạt nhân duy nhất trên thế giới. Chúng ta cùng nhau kiểm soát 90% vũ khí hạt nhân trên thế giới, và ngay cả trong giai đoạn tồi tệ nhất của Chiến tranh Lạnh, các nhà lãnh đạo của Nga và Mỹ đều thể hiện nhận thức rằng chúng ta có những khả năng đặc biệt nhưng cũng có những trách nhiệm đặc biệt.”

Vậy tiếp theo là gì? Mục tiêu chính thức của Mỹ là muốn Nga bị đánh bại ở Ukraine. Còn mục tiêu không chính thức, mà Biden cũng chẳng buồn ngụy trang, là buộc Putin phải chịu trách nhiệm về tội ác chiến tranh của ông ta. Nói cách khác, Mỹ không muốn gì hơn là một sự thay đổi chế độ. Điều này cũng hoàn toàn đúng với Trung Quốc. Như Burns đã chia sẻ trong phỏng vấn với *Financial Times*, “Không một phút nào tôi không nghĩ rằng cuộc chiến Ukraine đã làm xói mòn quyết tâm giành quyền kiểm soát Đài Loan của Tập trong thời gian qua,” Trung Quốc của Tập Cận Bình vẫn là “thách thức địa chính trị lớn nhất mà chúng tôi phải đối mặt lâu dài với tư cách là một quốc gia.”

Giữa bối cảnh chiến tranh Ukraine, Biden dự kiến sẽ tới thăm Hàn Quốc và Nhật Bản vào tuần tới – chuyến đi nước ngoài đầu tiên của Tổng thống kể từ khi ông đến Warsaw vào tháng 4. Tuần này, ông sẽ tiếp các nhà lãnh đạo của ASEAN, Hiệp hội Các quốc gia Đông Nam Á, tại Washington. Mục tiêu của Mỹ là cô lập Trung Quốc và sau đó thực hiện một số hình thức để

“phân tách” kinh tế, dù vẫn còn thiếu nhiều chi tiết rõ ràng về cách thức triển khai trong thực tế.

Ngày nay, tinh thần chống Trung Quốc ở Washington cũng lên cao như xu hướng phân chia lưỡng đảng. Các thượng nghị sĩ Đảng Cộng hòa gọi Trung Quốc là “đế chế ma quỷ mới.” Tháng trước, một nghị sĩ Đảng Cộng hòa đề xuất một dự luật mới, gọi là luật AXIS – Đánh giá sự Can thiệp và Lật đổ của Tập (Assessing Xi’s Interference and Subversion) – trong đó yêu cầu bộ ngoại giao Mỹ báo cáo về mức độ hỗ trợ của Trung Quốc đối với Nga trong cuộc chiến. Tất nhiên, tên của dự luật là sự gợi nhớ đến liên minh phát xít giữa Đức, Ý, và Nhật trong Thế chiến II.



Mọi người chụp ảnh bài phát biểu của Henry Kissinger được chiếu trên TV tại Thượng Hải nhân kỷ niệm 50 năm Thông cáo chung Thượng Hải ©CNS/AFP/Getty Images

Trường phái chính sách đối ngoại “hiện thực”, mà Kissinger đại diện, đã gây được ấn tượng mạnh trong thời gian gần đây, và điều đó là xứng đáng. Ý tưởng rằng Nga nên có khu vực ảnh hưởng của riêng mình, bao gồm Ukraine, và việc phản đối sự

mở rộng của NATO, có vẻ như là những luận điệu tro trên nếu xét mong muốn chiếm đất rõ ràng của người Nga. Không chỉ là vô đạo đức, mà đó còn là hành động tự hại mình. Nếu Putin thắng ở Ukraine, toàn bộ châu Âu sẽ rơi vào bất ổn. Nhưng mọi thứ có thể sẽ khác, một khi Nga buộc phải thừa nhận thất bại quân sự của mình, vốn có vẻ là điều cuối cùng sẽ diễn ra. Tại thời điểm đó, Mỹ sẽ rơi vào một tình huống chưa từng có, khi phải đối đầu với hai cường quốc quân sự toàn cầu trong một liên minh mang tính tình thế nhằm chống lại Mỹ.

Cuộc xâm lược của Putin đã tạo ra hai phản ứng khác biệt trên khắp thế giới. Phương Tây hiếm khi nào đoàn kết hơn lúc này. Đức đã phá bỏ lập trường tồn tại hàng thập niên của mình – xoa dịu Nga thông qua thương mại và đầu tư. Thay vì nói về việc “Phần Lan hóa” Ukraine, đảm bảo tính trung lập của nước này, giờ đây có vẻ như Phần Lan sẽ tham gia NATO. Thụy Điển cũng đang cân nhắc sẽ làm như vậy.



Vladimir Putin với các nhà lãnh đạo đồng cấp tham gia hội nghị thượng đỉnh BRICS tại Brasília vào tháng 11/2019. Từ trái qua: Tổng thống Nam Phi Cyril Ramaphosa của, Thủ

Tuy nhiên, ngoài phương Tây, thế giới đã phản ứng khác. Các nước lẽ ra thuộc phe dân chủ theo ranh giới phân chia toàn cầu của Biden, chẳng hạn như Ấn Độ và Mexico, đã bỏ phiếu trắng trong các cuộc bỏ phiếu của Liên Hiệp Quốc nhằm lên án hành vi xâm lược của Putin. Nhìn chung, những nước bỏ phiếu trắng hoặc phiếu chống để ủng hộ Nga đại diện cho hơn một nửa dân số thế giới. Nếu sau cùng chính quyền Biden buộc các nước thứ ba phải lựa chọn giữa Mỹ và Trung Quốc, trong bối cảnh phân tách kinh tế và công nghệ, thì không rõ phần lớn sẽ đi theo con đường nào. Ví dụ, các nước ASEAN có trao đổi thương mại với Trung Quốc gần gấp đôi so với Mỹ. Họ không muốn bị buộc phải lựa chọn. Nhưng nếu họ buộc phải chọn, thì câu trả lời có thể không phải là Washington.

Theo cách nói của Robert Kagan, Mỹ là một “quốc gia nguy hiểm” – đó là một cách nói khác rằng Mỹ đã sẵn sàng sử dụng vũ lực để xuất khẩu lý tưởng của mình. Tuy nhiên, lịch sử cho chúng ta biết rằng, Mỹ hoạt động hiệu quả nhất khi thực dụng, chẳng hạn như trong Chiến tranh Lạnh và Thế chiến II. Câu hỏi quan trọng thời hậu chiến đối với Mỹ sẽ là liệu họ có tìm cách thúc đẩy Nga và Trung Quốc xích lại gần nhau hơn, hay sẽ tìm kiếm những cách thức ngoại giao sáng tạo để phá lỏng sự liên kết này.

Với cả hai cách tiếp cận, rủi ro đều rất lớn. Kissinger nói, “Hiện chúng ta đang phải đối mặt với những công nghệ mà sự trao đổi nhanh chóng ... có thể tạo ra mức độ thảm họa thậm chí không thể tưởng tượng được.” Thế giới đang chứng kiến việc lịch sử của Nga có thể khó lường đến mức nào. Nhưng việc Putin lạm dụng quá khứ có thể trở nên không là gì so với sự bất định đang bao trùm tương lai của tất cả mọi người.

Mỹ, Trung đề ra tầm nhìn về trật tự thế giới mới giữa khác biệt về nhân quyền

16/09/2023

VOA News

Capture à partir de : [voatiengviet](https://www.voatiengviet.com)



Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken.

Khi các nhà lãnh đạo toàn cầu hội tụ tại New York để tham dự cuộc họp Đại hội đồng Liên hiệp quốc lần thứ 78 trong tháng này, Hoa Kỳ và Trung Quốc, vốn đang trong một cuộc cạnh tranh khốc liệt nhằm mở rộng ảnh hưởng toàn cầu, đã tiết lộ những tầm nhìn đặc biệt cho kỷ nguyên trật tự quốc tế tiếp theo.

“Một kỷ nguyên đang kết thúc, một kỷ nguyên mới đang bắt đầu,” Ngoại trưởng Hoa Kỳ Antony Blinken nói khi ông phác thảo kế hoạch chi tiết đầy tham vọng của chính quyền Biden cho tương lai vào ngày 13/9.

Ông Blinken cho biết Hoa Kỳ đang xây dựng các liên minh để củng cố nền dân chủ, thúc đẩy nhân quyền và tăng cường phát triển kinh tế.

Chỉ trích Trung Quốc vì ủng hộ các chế độ chuyên quyền trên toàn thế giới và Nga vì đã phát động cuộc chiến phi nghĩa chống lại Ukraine, ông Blinken tuyên bố cam kết của Hoa Kỳ trong việc nuôi dưỡng các liên minh nhằm củng cố nền dân chủ, bảo vệ nhân quyền và thúc đẩy phát triển kinh tế.

Trong khi đó trong tuần này, Bắc Kinh đã công bố Đề nghị của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về Cải cách và Phát triển Quản trị Toàn cầu.

Đề nghị dài 5.400 từ của Trung Quốc nói: “Nhân loại một lần nữa đứng trước ngã ba đường”, trong đó kêu gọi chủ nghĩa đa phương lớn hơn trong các vấn đề quốc tế với cốt lõi là một Liên hiệp quốc được cải tổ và một Hội đồng Bảo an mở rộng.

“Cùng nhau, chúng ta sẽ tạo ra một tương lai tốt đẹp hơn cho nhân loại”, Đề nghị kết luận.

Những nghi ngờ dai dẳng

Mỹ và Trung Quốc đều bày tỏ mong muốn về một hệ thống quản trị toàn cầu với sự tham gia ngày càng tăng của các nước đang phát triển. Cả hai đều đồng ý về sự cần thiết phải mở rộng Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc. Nhưng việc mở rộng vẫn là chủ đề tranh luận sôi nổi mà không có hành động cụ thể từ cả hai phía.

Ngoài ra, còn có những nghi ngờ về ý định thực sự của hai siêu cường.

Ông Hossein Askari, giáo sư chính trị tại Đại học George Washington ở thủ đô Hoa Kỳ, nói: “Những gì cả hai bên nói không phải là điều họ thực sự muốn”.

Bên dưới vỏ bọc của chủ nghĩa đa phương, các cường quốc có thể tìm cách bảo vệ và mở rộng lợi ích của chính họ, ông Askari nói với VOA.

“Vì vậy, Trung Quốc, Nga nói rằng họ muốn một thế giới đa cực mới không có quyền lực thống trị. Nhưng đó là cuộc nói chuyện ngọt ngào của họ. Họ tán thành quyền lực mới cho Nam [Toàn cầu] để nhận được sự hỗ trợ của họ trong cuộc đấu tranh với Hoa Kỳ,” ông Askari nói.

“Mặt khác, Mỹ muốn đứng đầu thế giới đơn cực. Mỹ cần các liên minh mới trên khắp thế giới để thách thức một Trung Quốc đang trỗi dậy”, ông lưu ý.

Xây dựng một thế giới đa cực thực sự sẽ đòi hỏi các siêu cường sẵn sàng nhượng bộ hoặc chia sẻ ảnh hưởng không

đồng đều của họ trên trường quốc tế để trao quyền cho phần lớn các quốc gia kém quyền lực hơn.

Ông Jeffrey Taliaferro, giáo sư khoa học chính trị tại Đại học Tufts ở Medford, Massachusetts, nói: “Đây không hẳn là một ‘chiến thắng’ cho số lượng lớn các quốc gia đang phát triển.”

Ông Taliaferro nói với VOA: “Mặc dù các quốc gia Nam Toàn cầu có thể có thêm một chút ‘tiếng nói’ trong các diễn đàn như BRICS, G20 và các địa điểm khác, nhưng hai siêu cường vẫn sẽ nắm quyền quyết định”.

Hoa Kỳ và các đồng minh phương Tây – về mặt lịch sử là những kiến trúc sư của các thể chế toàn cầu hậu Thế chiến II và hậu Chiến tranh Lạnh – đã thành lập các liên minh đáng gờm để bảo vệ và thúc đẩy lợi ích chung của họ.

Cùng lúc đó, Trung Quốc, bất chấp những lời chỉ trích về hệ thống chính trị độc đảng của mình, vẫn đang thu hút được sự chú ý của dư luận toàn cầu với tư cách là một cường quốc thế giới đang phát triển.

Một cuộc khảo sát gần đây được thực hiện bởi Quỹ George Marshall, hay GMF, chỉ ra rằng các thể hệ trẻ ở Hoa Kỳ, Canada, Thổ Nhĩ Kỳ và Châu Âu có xu hướng dự đoán sự thay đổi theo hướng đa cực, với việc Trung Quốc thay thế Hoa Kỳ trở thành quốc gia có ảnh hưởng nhất thế giới, và Liên hiệp châu Âu nổi lên như một người chơi thứ ba có ảnh hưởng hơn.

Nhân quyền

Một trong những điểm khác biệt chính giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc là lập trường của họ về nhân quyền phổ quát.

Các quan chức Hoa Kỳ nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, bao gồm cả quyền của phụ nữ và người thiểu số, như một yếu tố cốt lõi trong chính sách đối ngoại của họ.

Ông Blinken hình dung đây là “một thế giới nơi luật pháp quốc tế và các nguyên tắc cốt lõi của Hiến chương Liên hiệp quốc được tôn trọng và nơi các quyền con người phổ quát được tôn trọng.”

Trong khi đó, Trung Quốc cho rằng không có cách tiếp cận chung nào để thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền vì bối cảnh lịch sử, di sản văn hóa, hệ thống xã hội và mức độ phát triển kinh tế xã hội giữa các quốc gia khác nhau.

Các cáo buộc về vi phạm nhân quyền của Trung Quốc, chẳng hạn như cáo buộc diệt chủng người Hồi giáo Uyghur và hạn chế quyền tự do ngôn luận, đã khiến Hoa Kỳ lập luận rằng tội ác chống nhân loại không nên chỉ được coi là vấn đề nội bộ của một quốc gia.

Theo ông Blinken, Hoa Kỳ đặt mục tiêu bảo vệ khỏi một thế giới nơi các chế độ độc tài ưu tiên duy trì và làm giàu cho chế độ bằng sự tổn hại của người dân và các nước láng giềng.

Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã phải đối mặt với những lời chỉ trích vì dường như dành sự ưu đãi cho một số chế độ đàn áp, dẫn đến sự chia rẽ đáng chú ý trong nhận thức của các cường quốc, ngay cả ở các nước phương Tây.

Cuộc khảo sát của GMF cho thấy rằng so với những người lớn tuổi, những người được hỏi trẻ tuổi có nhiều khả năng nhìn nhận ảnh hưởng của Mỹ một cách tiêu cực hơn và nhìn nhận ảnh hưởng của Trung Quốc và Nga một cách tích cực hơn.

Khi các cường quốc kinh tế và quân sự vượt trội trên thế giới vạch ra lộ trình cho một trật tự thế giới mới, mối lo ngại ngày càng gia tăng về những rủi ro tiềm ẩn, bao gồm đối đầu quân sự và thậm chí cả xung đột hạt nhân.

Ông Taliaferro nói: “Một cuộc đối đầu quân sự trực tiếp giữa Mỹ và Trung Quốc hoặc Mỹ và Nga sẽ là thảm họa, vì cả ba đều là siêu cường có vũ khí hạt nhân”.

Không còn biện minh cho chính sách trung lập trong trật tự chính trị lưỡng cực mới

Capture à partir de : [baotiengdan](https://baotiengdan.com)

Đào Tăng Dực

21-9-2023

Từ giữa đến cuối thế kỷ 20, sau Đệ Nhị Thế Chiến đến Thập Niên 1980, nhân loại sống trong giai đoạn Chiến Tranh Lạnh giữa Thế Giới Tự Do gồm các quốc gia dân chủ (liberal democracies) dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ bên này và Thế Giới Cộng Sản gồm các quốc gia cộng sản (communist countries) dưới sự lãnh đạo của Liên Bang Xô Viết, bên kia.

Chiến tranh lạnh không có nghĩa là không có chiến tranh nóng, nhưng chỉ có chiến tranh nóng gián tiếp giữa Hoa Kỳ của khối tự do và Liên Xô của khối cộng sản, qua những quốc gia đàn em nhược tiểu. Tiêu biểu nhất là cuộc chiến tại Việt Nam từ năm 1961 đến 1975. Giai đoạn chiến tranh lạnh này cũng bao gồm những yếu tố khác như: Chạy đua vũ khí giữa Hoa Kỳ và Liên Bang Xô Viết, chạy đua vũ khí hạt nhân, chiến tranh tâm lý, tuyên truyền, chạy đua thám hiểm không gian và tương tranh ý thức hệ...

Yếu tố đáng chú ý nhất của giai đoạn Chiến Tranh Lạnh này là bản chất tương tranh ý thức hệ có tính lưỡng cực (bipolar) giữa các quốc gia tự bản theo tự do dân chủ (liberal democracy) và các quốc gia cộng sản theo ý thức hệ Mác – Lê trường phái Đệ Tam Quốc Tế (Marxist Leninist ideology of the Third International Faction).

Hệ lụy của tính tương tranh này là một phong trào với bản chất trung lập, gọi là Phong Trào các Quốc gia Không Liên Kết (The non-Aligned Movement). Phong trào này được thành lập vào năm 1961 nhằm mục tiêu liên kết các quốc gia thực sự trung lập, đang phát triển, không chấp nhận những cực đoan của cả hai chủ nghĩa tự bản và cộng sản, hầu góp phần cho tiến trình giải tỏa các chế độ thực dân, giành độc lập cho các thuộc địa.

Năm quốc gia và chính khách khai sáng phong trào này bao gồm Tổng thống Sukarno của Indonesia, Jawaharlal Nehru của India, Tổng thống Josip Broz Tito của Yugoslavia, Tổng thống Gamal Abdel Nasser của Ai Cập và Tổng thống Kwame Nkrumah của Ghana.

Các dân tộc và nhà lãnh đạo này, thay vì ủng hộ các nước tự do dân chủ, lại chọn con đường không liên kết và trung lập, vì họ biện minh rằng, cả Tư Bản Chủ Nghĩa lẫn Cộng Sản Chủ Nghĩa đều có những khuyết điểm mà họ không thể chấp nhận. Tuy họ đánh giá không trung thực bản chất độc tài và tàn ác vô giới hạn của các chế độ cộng sản, nhưng ít nhất trên nguyên tắc, biện minh của họ tạm chấp nhận được.

Trong suốt giai đoạn tương tranh ý thức hệ này, CSVN minh thị là một thành phần bất khả phân ly của phe ý thức hệ Mác – Lê thuộc trường phái Đệ Tam Quốc Tế.

Sau khi Liên Bang Xô Viết và toàn bộ khối CS Đông Âu sụp đổ vào đầu thập niên 90, thì thế giới lưỡng cực biến mất và Hoa Kỳ trở thành siêu cường duy nhất. Tuy nhiên, với sự trỗi dậy của Cộng sản Trung Quốc như nền kinh tế số 2 toàn cầu, chỉ sau Hoa Kỳ, thì một trật tự thế giới lưỡng cực mới được thành lập.

Lần này, không còn là một cuộc tương tranh giữa Tư Bản Chủ Nghĩa dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ và Cộng Sản Chủ Nghĩa dưới sự lãnh đạo của Liên Bang Xô Viết vì Liên Bang Xô Viết đã sụp đổ. Lần này, thế tương tranh lưỡng cực rõ nét là Thế Giới Tự Do Dân Chủ dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ bên này và Thế Giới Độc Tài dưới sự lãnh đạo của CSTQ bên kia.

Nhìn từ một góc cạnh khác, nhất là từ khi Liên Bang Nga (hậu duệ của Liên Bang Xô Viết) dưới sự lãnh đạo của nhà độc tài Putin xâm chiếm Ukraine và nhà độc tài Tập Cận Bình của CSTQ gây sóng gió tại Biển Đông và Đài Loan, thì Thế Giới Tự

Do Dân Chủ đại diện cho Tính Thiện và Thế Giới Độc Tài đại diện cho Tính Ác.

Yếu tố ý thức hệ đã hoàn toàn biến mất trong thế lưỡng cực toàn cầu mới này. Lý do là Thế giới Độc tài đại diện cho Tính Ác bao gồm nhiều quốc gia tạp chủng như: CSTQ mang tính cộng sản dù chỉ trên danh nghĩa, LB Nga là độc tài Phát Xít, Iran là độc tài giáo phiệt và Bắc Triều Tiên là Cộng sản khát máu mang tính CS nguyên thủy của Stalin.

Câu hỏi chúng ta phải nêu ra là: Trong trật tự chính trị lưỡng cực giữa Dân Chủ và Tính Thiện bên này và Độc Tài với Tính Ác bên kia, thì CSVN đứng về bên nào?

Câu trả lời đơn giản và toàn thể nhân loại đều chứng kiến rõ: Đó là đảng CSVN tự trong bản chất là thuần độc tài và gian ác. Chính vì thế, tại Liên Hiệp Quốc, trong khi toàn thể nhân loại văn minh đứng về phe Ukraine (trên đà dân chủ hóa đất nước) thì lập tức sau ngày Liên bang Nga xâm lăng Ukraine (22 tháng 4 năm 2022), CSVN hoặc bỏ phiếu chống lại các nghị quyết lên án Nga, hoặc bỏ phiếu trung lập nhưng có lợi cho Nga, rập khuôn CSTQ.

Tuy nhiên, ngay cả sau khi đã dâng hiến Ải Nam Quan, một nửa Thác Bản Giốc, toàn bộ Hoàng Sa, một phần Trường Sa và nhiều vùng lãnh thổ, lãnh hải khác để CSTQ cấp cho chỗ dựa, thì tên đàn anh Đế Quốc này vẫn chưa thỏa mãn, ngày đêm xâm lấn các mỏ dầu Việt Nam trên Biển Đông, dòm ngó các đảo tại Trường Sa của Việt Nam. Tiếp theo đó, Putin của Nga lại công khai ủng hộ bá quyền Trung Quốc và Đường Lưỡi Bò tại Biển Đông.

Kết quả là, vào ngày 10 tháng 9 vừa qua, nhân chuyến thăm viếng Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden, Mỹ – Việt đã ký hiệp ước, nâng cấp đối tác giữa Hoa Kỳ và Việt Nam lên cấp cao nhất, ngang hàng với Nga, CSTQ, Ấn Độ và Nam Hàn. Đó là cấp Đối Tác Chiến Lược Toàn Diện.

Đây thật sự là một tiến bộ vô cùng nhỏ, quá trễ (too little, too late) và thiếu thành thật vì trong bản chất, CSVN là một thành phần bất khả phân ly của Phe Độc Tài và Tính Ác.

Biện minh của các quốc gia không liên kết khi xưa là cả Tư Bản Chủ Nghĩa lẫn Cộng Sản Chủ Nghĩa (tương tranh ý thức hệ) đều có những khuyết điểm không chấp nhận được.

Tuy nhiên biện minh tương tự của CSVN hôm nay, để đứng trung lập, không còn là một mệnh đề có thể đứng vững vì sự tương tranh ngày hôm nay là tương tranh giữa dân chủ bên này và độc tài bên kia, giữa tính thiện bên này và tính ác bên kia. Không thể trung lập khi thiện và ác xung đột nhau được.

Mâu thuẫn nội tại này trong tâm thức của đảng CSVN là một mâu thuẫn mang tính sống còn cho dân tộc và cho đảng.

Nếu còn bám víu CSTQ và phe tính ác, thì đất nước sẽ ngày càng lụn bại, rơi vào tay CSTQ. Nếu thực tâm đứng về phía tính thiện thì phải thay đổi toàn diện bản chất nội tại, hóa ác tâm thành thiện tâm, cải tổ hệ thống chính trị, dân chủ hóa đất nước, và đảng có thể diệt vong.

Muốn dân tộc sống còn thì đảng phải diệt vong là lý lẽ này.

Châu Á - Thái Bình Dương: Mỹ đặt nền móng cho liên minh cạnh tranh với Trung Quốc

Đăng ngày: 10/09/2022 - 13:37

Capture à partir de :[RFI](#)

Sau hai ngày đàm phán, ngày 09/09/2022, tại Los Angeles, Mỹ đã đặt được nền móng cho liên minh với 13 nước châu Á-Thái Bình Dương trong Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ -Thái Bình Dương - IPEF. Các nước tham gia đã đưa ra tuyên bố chung cam kết hợp tác trong bốn lĩnh vực : Thương mại (gồm cả kinh tế số), chuỗi cung ứng, năng lượng xanh và chống tham nhũng.



Ảnh minh họa: Một cảng biển bốc dỡ hàng hóa ở Bangkok, Thái Lan, ngày 15/10/2021.AP - Sakchai Lalit

Vấn bản mà 14 nước thông qua được coi là « lộ trình cho các cuộc đàm phán tương lai », theo bộ trưởng Thương Mại Mỹ Gina Raimondo. Bà cũng khẳng định thỏa thuận « sẽ tạo nhiều việc làm ở Mỹ cũng như ở các nước khác trong IPEF », trong đó có Việt Nam.

Theo AFP, Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ-Thái Bình Dương được tổng thống Mỹ Joe Biden khởi xướng tháng 05/2022 với hy vọng tái lập trụ cột kinh tế trong chiến lược của ông về khu vực Ấn Độ -Thái Bình Dương và cũng nhằm làm đối trọng với sáng kiến Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực- RCEP của Trung Quốc.

Tuy nhiên, nhiều chuyên gia không tin vào khả năng thực thi của IPEF, vì các điều khoản liên quan đến giảm thuế, hoặc tạo điều kiện thâm nhập thị trường Mỹ đã bị loại khỏi thỏa thuận. Sau khi tổng thống Donald Trump rút Mỹ khỏi hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương - TPP, người kế nhiệm là ông Joe Biden cũng không đưa Mỹ trở lại hiệp định, do công luận trong nước vẫn lo ngại về nguy cơ việc làm tại Mỹ bị đe dọa.

Ngược lại, dù vẫn mang tính biểu tượng, sáng kiến dường như được giới doanh nhân Mỹ ủng hộ, vì « nếu Mỹ vắng mặt ở

trong vùng, thì đó sẽ là một nguy cơ, do Trung Quốc vẫn hỗ trợ (cho những nước trong vùng) về cơ sở hạ tầng ».

“Chuỗi cung ứng” IPEF: Mỹ và 13 nước hợp tác tránh phụ thuộc Trung Quốc

Đăng ngày: 05/06/2023 - 16:32

Capture à partir de :[RFI](#)

Đại dịch Covid và cuộc xâm lăng Ukraina của Nga đã phơi bày một thực tế: Tính dễ tổn thương của nền kinh tế toàn cầu. Nhiều nền kinh tế lâm vào tình trạng thiếu hụt nặng nề các loại hàng hóa thiết yếu. Một nguyên nhân căn bản được chỉ ra: Phụ thuộc quá nhiều vào thị trường Trung Quốc.



Bộ trưởng 14 nước tham dự Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế Ấn Độ - Thái Bình Dương (IPEF) chụp ảnh ở Los Angeles, California, ngày 8/9/2022. AFP - FREDERIC J. BROWN

Chủ động về “các chuỗi cung ứng hàng hóa” ngày càng được nhiều quốc gia coi như một vấn đề an ninh quốc gia. Chính quyền Mỹ thời tổng thống Joe Biden đã xác định từ sớm việc chủ động “các chuỗi cung ứng hàng hóa” là một trụ cột trong chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương. “Các chuỗi cung ứng” là một trong nội dung chính của IPEF, Khuôn Khổ Kinh Tế Ấn Độ-Thái Bình Dương vì Thịnh vượng (IPEF là tên gọi tắt của Indo-Pacific Economic Framework for Prosperity). Tham gia

IPEF có 14 quốc gia đối tác, gồm Úc, Brunei, Fiji, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Malaysia, New Zealand, Philippines, Singapore, Hàn Quốc, Thái Lan, Hoa Kỳ và Việt Nam. IPEF cũng thường được gọi với tên rút gọn là "Khuôn Khổ Kinh Tế Ấn Độ-Thái Bình Dương".

Nhóm IPEF đã đạt được một thỏa thuận sơ bộ về “Các chuỗi cung ứng” hôm 23/05/2023, sau gần một năm chuẩn bị. Đối với một số chuyên gia, đây là một “thỏa thuận về chuỗi cung ứng đa phương quy mô lớn đầu tiên trên thế giới”.

"Chuỗi cung ứng" suy sụp kéo dài : Thách thức an ninh kinh tế toàn cầu

Chuyên gia về an ninh và chiến lược người Ấn Độ, [bà Rajeswari Pillai Ralagopalan](#), trong một bài viết trên The Diplomat, lưu ý trước hết đến tình trạng chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn nghiêm trọng trở thành thách thức kéo dài đối với kinh tế toàn cầu. Hồi tháng 12/2021, gần 2 năm kể từ đầu đại dịch, tuần báo kinh tế The Economist dự báo “kỷ nguyên của những điều không thể đoán trước được sẽ không chấm dứt”. Theo báo cáo của Loadstar, đăng tải trên trang mạng Maersk, của tập đoàn vận tải biển Đan Mạch lớn nhất thế giới, "tính đến ngày 21/10/2022, khối lượng vận chuyển bằng đường biển trung bình trong 14 ngày tại cảng Thượng Hải đã giảm 15%, Thâm Quyển giảm 21% và Ninh Ba-Chu San giảm 29%. Điều này đã dẫn đến một loạt gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu và tình trạng tắc nghẽn cảng vẫn là mối lo lớn với các cảng Bắc Âu." Tình hình gián đoạn, tắc nghẽn nói trên của Bắc Âu cũng là tình hình của nhiều nơi trên thế giới, bao gồm cả ở vùng Ấn Độ-Thái Bình Dương.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự gián đoạn, tắc nghẽn của các chuỗi cung ứng toàn cầu, như chiến tranh Ukraina, đặc biệt gây gián đoạn chuỗi cung ứng lương thực, thực phẩm, hay tình hình kinh tế suy thoái, cùng các bất trắc về khí hậu. Tuy nhiên,

sự phụ thuộc quá nhiều vào Trung Quốc đã được giới chuyên gia chỉ ra như một nguyên nhân hàng đầu.

Phục hồi "Chuỗi cung ứng", phát hiện sớm trục trặc và phòng ngừa rủi ro

“Xây dựng khả năng phục hồi chuỗi cung ứng”, “phát hiện kịp thời” sự gián đoạn của chuỗi cung ứng, hợp tác để khắc phục, cũng như dự đoán và phòng ngừa “các rủi ro” là điều mà nhiều quốc gia mong muốn. Cách đây ít năm, ba nước Úc-Nhật Bản-Ấn Độ đã đưa ra Sáng kiến phục hồi chuỗi cung ứng, nhưng quy mô hợp tác với 14 quốc gia, chiếm hơn 40% GDP toàn cầu nói trên là điều chưa từng có.

Theo [thông báo của đại sứ quán Mỹ tại Indonesia](#), quốc gia thành viên IPEF, thỏa thuận về các chuỗi cung ứng của Khuôn Khổ Kinh Tế Ấn Độ-Thái Bình Dương (IPEF) đặt mục tiêu “tăng cường khả năng phục hồi, tính hiệu quả, năng suất, tính bền vững, tính minh bạch, đa dạng hóa, an toàn, công bằng và tính toàn diện của chuỗi cung ứng thông qua cả các hoạt động hợp tác và các hành động riêng của từng đối tác IPEF”.

Những điểm quan trọng trong Thỏa thuận của 14 nước

Thỏa thuận sơ bộ về “Các chuỗi cung ứng” của Khuôn Khổ Kinh Tế Ấn Độ-Thái Bình Dương hiện còn chờ được các quốc gia thành viên chính thức phê chuẩn. Tuy nhiên, đây là mảng được hoàn thiện sớm nhất trong số 4 mảng chính, còn gọi là “bốn trụ cột” của Khuôn Khổ Kinh Tế Ấn Độ-Thái Bình Dương, bao gồm trụ cột thứ nhất về thương mại, trụ cột thứ hai chuỗi cung ứng, trụ cột thứ ba về kinh tế xanh và trụ cột thứ tư kinh tế công bằng/chống tham nhũng. Theo chuyên gia Ấn Độ Rajeswari Pillai Ralagopalan, chỉ riêng việc trụ cột thứ hai là trụ cột được hoàn thiện sớm nhất trong Khuôn Khổ Kinh Tế Ấn Độ-Thái Bình Dương cho thấy nhiều quốc gia mong muốn đóng một vai trò lớn hơn trong nỗ lực của Hoa Kỳ nhằm định hình lại các chuỗi cung ứng trên quy mô toàn cầu.

Về thỏa thuận này, [Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế \(CSIS\)](#), có trụ sở tại Washington, trong một bài giải đáp về vấn đề này, nhấn mạnh đến “ba cấu trúc” vừa được các bên quyết định lập ra để thực thi các mục tiêu của thỏa thuận về “Các chuỗi cung ứng” của IPEF. Cụ thể là “Hội đồng Chuỗi cung ứng” (IPEF Supply Chain Council), “Mạng lưới ứng phó khủng hoảng Chuỗi cung ứng” (IPEF Supply Chain Response Network), “Ban Cố vấn Quyền Lao động” (IPEF Labor Rights Advisory Board).

Mạng ứng phó khủng hoảng chuỗi cung ứng có nhiệm vụ thiết lập một mạng liên lạc khẩn cấp, hỗ trợ chia sẻ thông tin và hợp tác giữa các đối tác của IPEF, để “phản ứng nhanh hơn và hiệu quả hơn nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến nền kinh tế”. “Hội đồng Chuỗi cung ứng” có trách nhiệm xây dựng khả năng phục hồi và khả năng cạnh tranh trong một số lĩnh vực quan trọng. Hội đồng có nhiệm vụ giám sát việc phát triển “kế hoạch hành động” cho các lĩnh vực này, giúp các công ty chủ động xác định được các lỗ hổng trong chuỗi cung ứng và có cách giải quyết.

Ban Cố vấn Quyền Lao động là một cơ quan tư vấn, gồm đại diện của chính phủ, người lao động, có nhiệm vụ xác định các lĩnh vực mà các lĩnh vực mà “một số vấn đề liên quan đến quyền hạn của người lao động, đe dọa đến khả năng phục hồi và tính toàn vẹn của chuỗi cung ứng nói chung”. Thỏa thuận Hoa Kỳ-Mêhicô-Canada đã cung cấp một mô hình về vấn đề này.

Vai trò đầu tàu của Mỹ

Trong khi chờ đợi các quốc gia phê chuẩn văn bản thỏa thuận cuối cùng, Hoa Kỳ đi đầu trong việc cam kết thực hiện một số chương trình gọi là “xây dựng năng lực và kỹ thuật mới”. Cụ thể là một số dự án thí điểm vận chuyển kỹ thuật số, bao gồm một dự án với Cảng Singapore, mở rộng chương trình Đối tác Thương mại Hải quan chống khủng bố (CTPAT) của Hoa Kỳ ở

Ấn Độ-Thái Bình Dương, tổ chức các khóa đào tạo, hội nghị chuyên đề và “phái đoàn thương mại hai chiều” với các đối tác của IPEF.

Về phía Ấn Độ, một quốc gia trụ cột của IPEF, bộ Thương Mại và Công nghệ Ấn Độ ra một thông cáo cho biết New Delhi đánh giá cao tác động của thỏa thuận về các chuỗi cung ứng, cho phép: “thúc đẩy hội nhập sâu hơn các nền kinh tế và chuỗi cung ứng/giá trị trong khối các nước IPEF”.

Bắc Kinh: Mỹ dựng lên một “kẻ thù tưởng tượng” để thúc đẩy bảo hộ mậu dịch

Thỏa thuận sơ bộ về “Các chuỗi cung ứng” trong Khuôn Khổ Kinh Tế Ấn Độ-Thái Bình Dương, với 14 quốc gia thành viên, do Mỹ chủ trì được thông qua hôm 23/05, tại Detroit, Michigan (Mỹ), bên lề hội nghị khối APEC. Ít ngày trước khi bộ trưởng Thương Mại Trung Quốc Vương Văn Đào (Wang Wentao) có cuộc hội kiến với bộ trưởng Thương Mại Hoa Kỳ và trưởng Đại diện Thương mại Hoa Kỳ tại Mỹ. Cuộc hội kiến được coi là của quan chức cao cấp hai bên kể từ vụ khủng hoảng khinh khí cầu Trung Quốc bị bắn hạ trong không phận Mỹ.

[Tờ Hoàn Cầu Thời Báo](#), một cơ quan phát ngôn chính của đảng Cộng Sản Trung Quốc, trong bài “Mỹ ép đồng minh nhắm vào Trung Quốc tại IPEF” (ngày 28/05), đã dẫn lời một số chuyên gia Trung Quốc, lên án thỏa thuận này, khẳng định “những nỗ lực như vậy chắc chắn sẽ thất bại, vì sẽ không có gì hơn là những lời sáo rỗng”. Ông He Weiwen, một thành viên cấp cao của Trung tâm Trung Quốc và Toàn cầu hóa, cho rằng “IPEF không phải là một hiệp định thương mại cũng không phải là một cộng đồng kinh tế, mà chỉ là một Khuôn Khổ (lồng lẻo), vì vậy sẽ không có hiệu quả thực sự”.

Vẫn trên Hoàn Cầu Thời Báo, Chen Jia, chuyên gia độc lập về các vấn đề chiến lược toàn cầu, coi việc Hoa Kỳ cố tình tách rời các chuỗi cung ứng khỏi Trung Quốc là một nỗ lực nhằm “thu

lợi ích chính trị và kinh tế cho nước Mỹ từ các đồng minh” dựa trên việc dựng lên “một kẻ thù tưởng tượng”.

Hoàn Cầu Thời Báo gọi các nỗ lực nói trên của Khuôn Khổ Kinh Tế Ấn Độ-Thái Bình Dương, do Mỹ chủ trì, là hành động theo “chủ nghĩa đơn phương và chủ nghĩa bảo hộ”. Tờ báo dẫn ra ví dụ cho thấy các chuỗi cung ứng toàn cầu móc nối mật thiết, ví dụ như khoảng 40% xuất khẩu chip của Hàn Quốc là sang Trung Quốc, trong khi công nghệ và thiết bị của Mỹ là cần thiết cho các nhà sản xuất chip của Hàn Quốc như Samsung Electronics và SK Hynix. Bắc Kinh kêu gọi Washington trở lại với nguyên tắc “thương mại đa phương và thúc đẩy phát triển thương mại bền vững và toàn diện”.

Quyết tâm hoàn tất trước tháng 11

Nhìn chung, bất luận phản ứng của Trung Quốc ra sao, mảng “Các chuỗi cung ứng” trong Khuôn Khổ Kinh Tế Ấn Độ-Thái Bình Dương, của 14 quốc gia Ấn Độ - Thái Bình Dương, do Mỹ chủ trì đang trên đường hoàn tất. Theo Trung tâm CSIS, các đối tác của dự án này hy vọng kịp hoàn tất thỏa thuận này trước tháng 11, cùng với ba trụ cột khác của Khuôn Khổ Kinh Tế Ấn Độ-Thái Bình Dương. Tháng 11 sẽ là thượng đỉnh của Diễn đàn Hợp tác Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), do Mỹ chủ trì.

Các chuyên gia Trung tâm CSIS cũng ghi nhận một số thách thức lớn với dự án bảo vệ “Các chuỗi cung ứng” của Khuôn Khổ Kinh Tế Ấn Độ-Thái Bình Dương vì Thịnh Vượng, vốn “không phải là một thỏa thuận thương mại truyền thống, có nghĩa là các cam kết của Hoa Kỳ đưa ra sẽ không được Quốc Hội đưa vào luật pháp Hoa Kỳ và các cam kết với nước ngoài sẽ không có hiệu lực thực thi đầy đủ”. Tình hình sẽ thêm khó khăn, nếu không có các ưu đãi hoặc cơ chế tài chính cụ thể trong hiệp định.

Chúng ta nên sợ Trung Quốc đến mức nào?

16/08/2023

Capture à partir de : [nghiencuuquocte](https://www.nghiencuuquocte.org)



Nguồn: Stephen M. Walt, “[Here’s How Scared of China You Should Be,](#)” *Foreign Policy*, 07/08/2023

Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Phụng

Một vấn đề quan trọng trong các cuộc tranh luận hiện nay về đại chiến lược của Mỹ là các ưu tiên của nước này trong cuộc cạnh tranh với Trung Quốc. Mỹ nên dành bao nhiêu nguồn lực (tiền bạc, con người, thời gian, sự chú ý,...) cho vấn đề này? Liệu Trung Quốc có phải là thách thức địa chính trị lớn nhất mà Mỹ từng đối mặt, hay chỉ là gã khổng lồ với đôi chân bằng đất sét? Việc chống lại Trung Quốc có nên được ưu tiên hơn tất cả các vấn đề khác (như Ukraine, biến đổi khí hậu, di cư, Iran, ...), hay nó chỉ nên là một trong số nhiều vấn đề và không nhất thiết phải quan trọng nhất?

Đối với một số nhà quan sát – chẳng hạn như Elbridge Colby – chống lại Trung Quốc là ưu tiên cao nhất, và các nhà lãnh đạo Mỹ không được để mình bị phân tâm bởi Ukraine hoặc bất kỳ vấn đề chính sách đối ngoại nào khác. John Mearsheimer, người thỉnh thoảng là đồng tác giả với tôi, và Graham Allison, đồng nghiệp Harvard của tôi, đều quan tâm đến thách thức Trung Quốc, và đặc biệt đến những gì họ coi là nguy cơ chiến

tranh đang gia tăng. Một nhóm cố vấn của Hội đồng Quan hệ Đối ngoại gần đây đã lập luận rằng các xu hướng quân sự ở châu Á đang thay đổi theo hướng có lợi cho Trung Quốc, và kêu gọi nỗ lực gấp đôi để củng cố khả năng răn đe, đặc biệt là tại Eo biển Đài Loan. Hal Brands và Michael Beckley cho rằng sức mạnh của Trung Quốc đang gần đạt đến đỉnh, và Bắc Kinh sẽ chẳng thể làm gì để ngăn chặn sự suy tàn sau cùng của mình, nhưng họ coi khả năng này là một vấn đề cần cảnh giác hơn là một sự trấn an. Ngược lại, Michael Swaine, đồng nghiệp tại Viện Quincy của tôi, và Jessica Chen Weiss, học giả Đại học Cornell, cho rằng chúng ta đang phóng đại mối nguy mà Trung Quốc gây ra và lo lắng rằng hai nước sẽ rơi vào vòng xoáy tự ngờ vực, theo đó khiến cả hai bên cùng thiệt hại bất kể ai là người chiến thắng cuối cùng.

Những đánh giá khác nhau này chỉ là một ví dụ nhỏ về các ý kiến mà bạn có thể tìm thấy nhằm dự đoán quỹ đạo tương lai của Trung Quốc. Tôi không biết ai đúng – và bạn cũng vậy – và tôi thừa nhận rằng một vài trong số các nhà quan sát này biết nhiều về Trung Quốc hơn tôi. Tất nhiên, tôi có linh cảm của mình, nhưng tôi khá thất vọng khi cộng đồng các nhà quan sát Trung Quốc không đạt được sự đồng thuận. Do đó, như một hành động công ích (và hy vọng có thể truyền cảm hứng cho họ), tôi xin nêu năm câu hỏi lớn hàng đầu của tôi về Trung Quốc. Câu trả lời cho những câu hỏi này sẽ cho bạn biết rõ hơn mình nên lo sợ đến mức nào.

1, Tương lai kinh tế của Trung Quốc sáng sủa, đen tối, hay ở đâu đó giữa hai thái cực này?

Quyền lực trong chính trị quốc tế sau cùng vẫn dựa trên kinh tế. Cứ nói tất cả những gì bạn muốn về “sức mạnh mềm,” tài năng của các nhà lãnh đạo cá nhân, tầm quan trọng của “bản sắc dân tộc”, vai trò của cơ hội, và hơn thế nữa. Nhưng khả năng để một quốc gia tự bảo vệ mình và định hình môi trường rộng lớn hơn vẫn phụ thuộc vào sức mạnh kinh tế của nó. Bạn cần một dân số đông để trở thành một cường quốc, nhưng bạn

cũng cần một lượng của cải đáng kể, cùng một nền kinh tế đa dạng và phát triển. Sức mạnh kinh tế cứng là thứ cho phép một quốc gia chế tạo nhiều vũ khí tiên tiến và huấn luyện một quân đội hạng nhất, cung cấp loại hàng hóa và dịch vụ mà những nước khác muốn mua, từ đó nâng cao cuộc sống của chính các công dân nước đó, đồng thời tạo ra thặng dư có thể được sử dụng để xây dựng ảnh hưởng khắp thế giới. Được nước khác công nhận là có năng lực và thành công về kinh tế cũng là một cách để giành được sự tôn trọng của họ, khiến họ lắng nghe lời khuyên của bạn, và nâng cao sức hấp dẫn cho mô hình chính trị của bạn.

Thành tích kinh tế của Trung Quốc trong 40 năm qua thật phi thường, và không một nhà phân tích nghiêm túc nào tin rằng nền kinh tế nước này sẽ suy thoái đến mức bị tụt khỏi hàng ngũ các cường quốc. Tuy nhiên, như sự phục hồi chậm chạp sau COVID đã cho thấy, nền kinh tế Trung Quốc đang phải đối mặt với những cơn gió ngược ngày càng mạnh và khó mà yếu đi. Dân số nước này đang già đi và giảm dần, nghĩa là lượng người lao động ngày càng ít sẽ phải hỗ trợ lượng người về hưu ngày càng nhiều. Tỷ lệ thất nghiệp của thanh niên là hơn 21%, và tăng trưởng năng suất nhân tố tổng hợp (Total Factor Productivity, TFP) đã giảm mạnh trong thập niên vừa qua. Hệ thống tài chính của Trung Quốc vẫn còn thiếu minh bạch và ngập trong nợ, trong khi lĩnh vực bất động sản – từng là một nguồn tăng trưởng chính – cũng gặp khó khăn lớn. Tổng hợp những điều này lại với nhau, chúng ta sẽ hiểu tại sao nhiều nhà phân tích lại bi quan về triển vọng dài hạn của Trung Quốc. Như tôi sẽ thảo luận dưới đây, chính sách của Mỹ và chất lượng lãnh đạo của Trung Quốc có thể làm cho những vấn đề này trở nên tồi tệ hơn.

Tuy nhiên, tin vào thất bại của Trung Quốc sẽ là một vụ cá cược rủi ro. Các ngành công nghiệp của nước này đang thống trị một số lĩnh vực quan trọng – bao gồm công nghệ năng lượng mặt trời và gió – và ngành xe điện của họ cũng vượt trội

hơn phần còn lại của thế giới. Ba trong số các công ty xây dựng hàng đầu thế giới (gồm cả công ty có doanh thu hàng năm lớn nhất) là của Trung Quốc. Nước này đã tìm đủ mọi cách để đảm bảo quyền tiếp cận các khoáng sản và kim loại quan trọng, và dần dần có thể ở vào vị trí từ chối quyền tiếp cận của những nước khác. Có đủ mọi lý do để kỳ vọng Trung Quốc sẽ tiếp tục là một chủ thể kinh tế lớn trong tương lai xa. Nhưng câu hỏi lớn là liệu họ có vượt qua được Mỹ, và để Mỹ vĩnh viễn tụt lại phía sau trong hầu hết các khía cạnh của sức mạnh kinh tế, hay hai bên sẽ ngang hàng với nhau. Ngay cả khi biết câu trả lời cho câu hỏi này, bạn vẫn còn lâu mới biết mình nên lo lắng đến mức nào.

2, Các biện pháp soát xuất khẩu của Mỹ có hiệu quả không?

Cách bạn trả lời câu hỏi đầu tiên phụ thuộc một phần vào việc bạn có tin rằng cuộc thương chiến của chính quyền Biden chống lại Trung Quốc sẽ thành công hay không. Bằng cách ngăn Trung Quốc tiếp cận chất bán dẫn tiên tiến (và các công nghệ liên quan), Mỹ đang hy vọng duy trì ưu thế công nghệ trong lĩnh vực quan trọng này. Dù các quan chức Mỹ nhấn mạnh rằng những biện pháp này chỉ giới hạn trong các quan ngại an ninh quốc gia hẹp (điều mà Cố vấn An ninh Quốc gia Jake Sullivan mô tả là “sân nhỏ và hàng rào cao”), mục đích thực sự có lẽ là làm chậm bước tiến công nghệ của Trung Quốc trên diện rộng.

Câu hỏi đặt ra là liệu chiến dịch này có thành công trong dài hạn hay không. Ngay cả việc phân tách một phần cũng đòi hỏi sự trả giá, và những hạn chế này sẽ làm chậm sự đổi mới ở Mỹ, chưa kể, các quốc gia khác phải tuân theo thì chiến dịch của Mỹ mới có thể hoạt động. Các rào cản công nghệ không bao giờ hiệu quả 100%, và chính sách này mang lại cho Trung Quốc một động lực lớn để dần trở nên tự chủ hơn. Vì lý do này và những lý do khác, các chuyên gia thường không đồng ý về mức độ hiệu quả của các biện pháp này.

Đừng quên rằng khi các biện pháp kiểm soát xuất khẩu phát huy tác dụng – như trường hợp Nhật Bản năm 1941 – thì quốc gia bị nhắm mục tiêu sẽ không khoanh tay chịu đựng. Trung Quốc đã sẵn sàng trả đũa các công ty và đồng minh của Mỹ, và các biện pháp đối phó của họ có thể không dừng lại ở đó.

Tuy nhiên, điểm mấu chốt là nếu bạn tin rằng chiến dịch này sẽ hoạt động hiệu quả, thì bạn sẽ bớt lo lắng hơn về thách thức dài hạn mà Trung Quốc đặt ra đối với vị thế bá chủ của Mỹ hoặc với trật tự toàn cầu hiện có. Nếu bạn tin rằng chiến dịch này chỉ hiệu quả trong một thời gian chứ không phải mãi mãi, hoặc nó cuối cùng sẽ gây ra phản ứng dữ dội ở Trung Quốc và một số quốc gia quan trọng khác, thì bạn nên lo lắng nhiều hơn.

3, Tập Cận Bình là Mao Trạch Đông hay Lý Quang Diệu mới?

Sự trỗi dậy nhanh chóng của Trung Quốc đã bắt đầu dưới “sự lãnh đạo tập thể” thời hậu Mao, dù thực ra Đặng Tiểu Bình là “người đứng đầu trong số những người ngang hàng” trong hệ thống phân cấp của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tuy nhiên, ngày nay, Tập đã tập trung quyền lực ở một mức độ chưa từng thấy kể từ thời Mao, và đã nuôi dưỡng một sự sùng bái cá nhân giống như Mao, theo đó những ý tưởng của ông được cho là không thể sai lầm và những quyết định của ông là không thể bị nghi ngờ.

Để cho một người nắm giữ quyền lực không được kiểm soát trong một quốc gia thường là công thức dẫn đến thảm họa. Không có con người nào lại không thể sai lầm, và việc để một người đầy tham vọng và quyết tâm tự do hành động mà không bị kiểm soát sẽ làm tăng khả năng mắc phải những sai lầm lớn và không được sửa chữa trong một thời gian dài. Bạn chỉ cần nghĩ tới Đại Nhảy Vọt đầy thiếu sót của Mao (gây ra nạn đói giết chết hàng triệu người), hoặc thiệt hại mà Trung Quốc phải gánh chịu trong Cách mạng Văn hóa. Nếu những ví dụ này chưa đủ, hãy xem cái giá phải trả cho những quan điểm tai hại của Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ Recep Tayyip Erdogan về chính

sách tiền tệ, hoặc mớ hỗn độn xảy ra sau khi Elon Musk tiếp quản mạng xã hội trước đây được gọi là Twitter.

Chắc chắn, vẫn có một số cá nhân đặc biệt, những người liên tục đánh bại thị trường và không bao giờ mắc sai lầm nghiêm trọng. Các nhân vật như Warren Buffett hoặc Lý Quang Diệu đã tiệm cận mức độ thông thái này, nhưng phần lớn các nhà lãnh đạo đều còn thiếu sót. Quan điểm của tôi là tương lai gần và trung hạn của Trung Quốc phụ thuộc rất nhiều vào việc liệu Tập Cận Bình có khôn ngoan bằng một nửa những gì ông ta nghĩ hay không. Ông rõ ràng là một thiên tài trong việc củng cố quyền lực – như được thấy trong cuộc thanh trừng gần đây đối với cựu Ngoại trưởng Tần Cương và một số sĩ quan quân đội hàng đầu – nhưng ông cũng mắc sai lầm trong quản lý đại dịch, kìm hãm một số ngôi sao sáng nhất của nền kinh tế Trung Quốc, và đã chứng kiến sự suy giảm hình ảnh toàn cầu của nước này. Và càng tích lũy được nhiều quyền lực, thì các quyết định chính sách của ông dường như càng tồi tệ hơn. Những người bi quan về triển vọng kinh tế của Trung Quốc có lẽ đã lưu tâm đến thực tế rằng Tập có thể sẽ giữ chức vụ này cả đời.

4, Liệu châu Á có cân bằng hiệu quả?

Một trong những thất bại lớn của Tập Cận Bình là đã không làm nhiều hơn để ngăn cản các nước láng giềng của Trung Quốc tham gia vào lực lượng đối trọng với Bắc Kinh. Sự trỗi dậy của Trung Quốc chắc chắn khiến các quốc gia châu Á khác lo ngại, nhưng việc công khai tuyên bố tham vọng toàn cầu của Trung Quốc, áp dụng “chính sách ngoại giao chiến lang,” phản ứng thái quá trước những hành vi được cho là xem thường, và sử dụng chiến thuật cắt lát salami hung hăng ở Đài Loan và Biển Đông đã khiến vấn đề trở nên càng tồi tệ hơn.

Kết quả là gì? Ấn Độ và Mỹ tiếp tục xích lại gần nhau hơn, và giờ đây, họ cùng với Nhật Bản và Australia tham gia Đối thoại An ninh Bốn bên. Thỏa thuận AUKUS đã củng cố quan hệ chiến lược (và hợp tác an ninh) giữa Mỹ, Australia, và Vương

quốc Anh. Nhật Bản đang nhanh chóng tăng chi tiêu quốc phòng và hàn gắn quan hệ với Hàn Quốc. Xa hơn, Liên minh châu Âu dần ít hứng thú với đầu tư từ Trung Quốc, và dư luận ở châu Âu và châu Á đã trở nên thận trọng hơn nhiều đối với vai trò toàn cầu của Trung Quốc.

Tuy nhiên, vẫn chưa rõ hiệu quả cuối cùng của các biện pháp này. Như tôi từng nhận xét, một liên minh cân bằng ở châu Á sẽ phải đối mặt với các vấn đề quan trọng về hành động tập thể, và châu Âu sẽ không đảm nhận vai trò chiến lược chính ở đây. Khoảng cách địa lý giữa các quốc gia này là rất lớn (có thể khiến một số nước quyết định rút lui nếu rắc rối ở xa họ), không ai muốn mất hoàn toàn quyền tiếp cận thị trường Trung Quốc, và các nước như Hàn Quốc và Nhật Bản có một quá khứ đầy rắc rối. Nhiều quốc gia trong số này có thể muốn để Chú Sam xử lý Trung Quốc trong khi họ chỉ là kẻ ăn theo, điều này sẽ làm suy yếu khả năng răn đe, và cuối cùng có thể dẫn đến phản ứng dữ dội tại Mỹ. Cũng chính những quốc gia này thường có xu hướng lo lắng nếu Mỹ trở nên quá đối đầu, bởi họ không muốn chịu thiệt hại trong một cuộc đụng độ Mỹ-Trung.

Ngày nay, Mỹ và các đối tác châu Á của họ đang tích cực cân bằng – như kỳ vọng của lý thuyết cân bằng quyền lực/ cân bằng đe dọa – nhưng liệu họ có làm đủ hay không thì gần như không thể đoán trước. Nếu câu trả lời là đủ, Trung Quốc sẽ khó mà trở thành bá quyền châu Á và nguy cơ chiến tranh sẽ giảm xuống. Nếu câu trả lời là không đủ, có lẽ bạn nên lo lắng hơn một chút. Phần lớn vấn đề phụ thuộc vào việc liệu Mỹ có thể lãnh đạo một liên minh để bị chia rẽ và tìm ra điểm cân bằng giữa làm quá nhiều và làm quá ít hay không. Và ai sẽ muốn đặt cược vào điều đó?

5, Phần còn lại của thế giới sẽ làm gì?

Vấn đề sau cùng không phải là về Trung Quốc, mà là về cách phần còn lại của thế giới sẽ phản ứng. Một mô hình rõ ràng đang nổi lên: Các quốc gia châu Á lo lắng nhất về Trung Quốc

đang xích lại gần nhau và hướng về Mỹ; phần lớn châu Âu miễn cưỡng đi theo sự dẫn dắt của Mỹ, bởi họ vẫn phụ thuộc vào sự bảo vệ của Mỹ và do đó không có nhiều sự lựa chọn; Nga cũng có rất ít sự lựa chọn ngoài việc gắn bó với cường quốc đối tác duy nhất của mình; và các cường quốc tầm trung trên khắp thế giới đang phòng bị nước đôi, tìm cách đa dạng hóa chuỗi cung ứng chiến lược (về thương mại và đầu tư, quan hệ ngoại giao và hỗ trợ quân sự), đồng thời cố gắng tránh phải chọn phe. Đối với Nam Phi, Ả Rập Saudi, Brazil, và một số quốc gia khác, sự cạnh tranh giữa Trung Quốc và Mỹ là cơ hội để hai cường quốc này loại bỏ lẫn nhau, còn họ thì hưởng lợi từ mối quan hệ với cả hai.

Quan trọng là ai trong hai cường quốc mạnh nhất sẽ chơi trò chơi mới này một cách hiệu quả nhất. Trong 30 năm qua, Mỹ đã nhiều lần bỏ lỡ thiện chí ở các nước đang phát triển, và những thất bại của họ đã tạo cơ hội cho Trung Quốc. Nhưng các hành động của chính Trung Quốc – bao gồm Sáng kiến Vành đai và Con đường được ca tụng – lại không phải là yếu tố thay đổi cuộc chơi mà nhiều người mong đợi. Nhìn về phía trước, chúng ta sẽ thấy một trật tự thế giới trông giống thời kỳ đầu Chiến tranh Lạnh đến mức đáng ngạc nhiên: Mỹ liên kết với châu Âu, phần lớn Đông Á và Thái Bình Dương, Trung Quốc liên kết với Nga và một số nước đang phát triển chủ chốt, trong khi các cường quốc tầm trung khác dao động giữa hai bên. Đội hình cuối cùng sẽ không phải là một đội hình hoàn hảo, và một số người chơi sẽ đổi đội, nhưng mô hình tổng thể giống với mô hình mà chúng ta từng thấy trước đây.

Ngoài ra, vẫn còn những điều ta chưa biết được. Nếu bạn thực sự muốn lo lắng về Trung Quốc, hoặc nếu thời phòng mỗi đe dọa là một phần trong mô tả công việc của bạn, thì bạn luôn có thể tin vào những tình huống đáng sợ mà người ngoài gần như không thể hiểu được. Nỗi sợ Cộng sản (Red Scare) hồi thập niên 1950 là một ví dụ điển hình: Nhiều người Mỹ thực sự tin rằng xã hội của họ đang bị xâm nhập và phá hoại bởi rất nhiều

người giả vờ là công dân yêu nước, nhưng thực chất lại bí mật trung thành với các lãnh chúa độc ác của Điện Kremlin. Những nỗi sợ kiểu này đã bị thổi phồng quá mức nhưng cũng khó bác bỏ, vì làm sao ta có thể biết được những suy nghĩ và lòng trung thành sâu kín nhất của người khác?

Dưới góc độ này, chúng ta nên hiểu như thế nào về câu chuyện gần đây trên tờ *New York Times* mô tả những nỗ lực của Mỹ nhằm tìm kiếm và loại bỏ mã độc mà tin tặc Trung Quốc được cho là đã bí mật cài vào cơ sở hạ tầng quan trọng của Mỹ, có lẽ là để làm gián đoạn hoặc trì hoãn phản ứng quân sự của Mỹ trước một cuộc xung đột trong tương lai? Những lo ngại về một Trân Châu Cảng trên không gian mạng đã xuất hiện từ lâu, nhưng bài báo cho rằng mối nguy đang thực sự hiện hữu. Tuy nhiên, rất khó để biết chúng ta nên lo lắng đến mức nào vì không ai biết mức độ hiệu quả của loại mã độc này, và không ai có thể chắc chắn 100% rằng không có những mã độc thậm chí còn nguy hiểm hơn đang ẩn nấp đâu đó mà các chuyên gia an ninh mạng của chúng ta vẫn chưa tìm thấy.

Có lẽ chúng ta nên thực sự lo lắng, nhưng điều gây ấn tượng với tôi về bài viết của tờ *Times*, dựa trên các cuộc phỏng vấn với các quan chức chính quyền cấp cao giấu tên (nghĩa là rò rỉ thông tin một cách chính thức), là nó hầu như không nhắc đến những nỗ lực của Mỹ để làm điều tương tự ở Trung Quốc. Bài báo có trích lời một quan chức Trung Quốc phàn nàn về các cuộc tấn công mạng mà nước này phải đối mặt, mà ông nói rằng hầu hết đến từ “các nguồn ở Mỹ,” nhưng còn lại thì bài báo không đề cập đến điều mà các chiến binh mạng của Mỹ đang làm. Thật khó để tin rằng Trung Quốc đã cài đặt phần mềm độc hại trong cơ sở hạ tầng quan trọng của Mỹ suốt nhiều năm, nhưng những thiên tài được tài trợ dư dả ở Cơ quan An ninh Quốc gia hoặc Bộ Tư lệnh Mạng Mỹ lại chỉ đang chơi trò phòng thủ. Nếu sự thực đúng là vậy, thì chúng ta nên lo lắng về một vấn đề khác, lớn hơn.

Tóm lại thì, ta nên sợ hãi đến mức nào? Tôi không biết. Nếu lịch sử là một bài học, thì Mỹ nhiều khả năng đang phản ứng thái quá, hơn là phản ứng dưới mức, trước một thách thức có thể đến từ Trung Quốc, và sự nhiệt tình hiện tại của lưỡng đảng trong việc đối đầu với Trung Quốc trên nhiều mặt trận đã củng cố dự đoán này. Nhưng việc bạn nghĩ chúng ta đang làm quá nhiều hay quá ít phụ thuộc phần lớn vào cách bạn trả lời năm câu hỏi được liệt kê ở trên. Tôi sẽ vô cùng biết ơn nếu một số chuyên gia về Trung Quốc cùng nhau cố gắng thu hẹp phạm vi bất đồng. Sẽ tốt hơn nữa nếu họ làm như vậy một cách công khai và trình bày nguồn gốc cũng như lý do của họ càng chi tiết càng tốt, để những người quan tâm đến các câu hỏi này có thể có những cuộc tranh luận đầy đủ thông tin hơn về câu hỏi chiến lược quan trọng này.

Stephen M. Walt là chuyên gia bình luận của Foreign Policy và là giáo sư về quan hệ quốc tế tại Đại học Harvard.

Chúng ta nên đối phó với sự suy tàn của Trung Quốc như thế nào?

06/09/2023

Capture à partir de : [nghiencuuquoccte](https://www.nghiencuuquoccte.com)



Nguồn: Bret Stephens, "[How Do We Manage China's Decline?](#)," *New York Times*, 29/08/2023

Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Phụng

Mấy năm trước, nhà khoa học chính trị của trường Harvard Graham Allison đã đặt ra thuật ngữ "[bẫy Thucydides](#)." Khái niệm này dựa trên quan sát của nhà sử học thời cổ đại Thucydides, rằng nguyên nhân thực sự của Chiến tranh Peloponnese "là sự trỗi dậy của Athens và nỗi sợ hãi mà điều này đã gieo rắc ở Sparta." Allison nhận thấy mô hình căng thẳng thường xuyên – và chiến tranh thường xuyên – giữa các cường quốc đang trỗi dậy và các cường quốc bá quyền luôn lặp đi lặp lại suốt lịch sử. Và ông tin rằng ví dụ gần đây nhất là thách thức mà một Trung Quốc đang trỗi dậy đặt ra cho bá quyền của Mỹ.

Đó là một luận điểm hấp dẫn, nhưng trong trường hợp của Trung Quốc, có một lỗ hổng rõ ràng: Thách thức chính mà chúng ta sẽ phải đối mặt từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong thập niên tới không bắt nguồn từ sự trỗi dậy mà từ sự suy tàn của nước này – một điều vốn đã hiển nhiên trong nhiều năm và đã trở nên không thể phủ nhận trong năm ngoái, với sự sụp đổ của thị trường bất động sản Trung Quốc.

Các nhà hoạch định chính sách phương Tây cần định hướng lại suy nghĩ của họ xung quanh thực tế này. Nhưng bằng cách nào? Dưới đây là năm điều không nên và hai điều nên làm.

Đầu tiên, đừng coi bất hạnh của Trung Quốc là vận may của chúng ta.

Một Trung Quốc có thể mua ít hơn từ thế giới – dù dưới dạng túi xách từ Italy, đồng từ Zambia, hay ngũ cốc từ Mỹ – chắc chắn sẽ cản trở tăng trưởng toàn cầu. Đối với nhà sản xuất chip Qualcomm của Mỹ, 64% doanh thu năm ngoái đến từ Trung Quốc; đối với nhà sản xuất xe hơi Mercedes-Benz của Đức, 37% doanh số bán lẻ xe hơi được thực hiện ở Trung Quốc. Vào năm 2021, Boeing dự báo rằng Trung Quốc sẽ

chiếm khoảng 1/5 tổng số máy bay thân rộng mà hãng này sẽ giao trong 20 năm tới. Có một sự thật hiển nhiên cần được nhắc lại, là chỉ có một nền kinh tế duy nhất: nền kinh tế toàn cầu.

Thứ hai, đừng cho rằng khủng hoảng sẽ chỉ diễn ra trong thời gian ngắn.

Những người lạc quan cho rằng khủng hoảng ở Trung Quốc sẽ không ảnh hưởng quá nặng nề tới các nước phương Tây, vì xuất khẩu của họ sang Trung Quốc chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng sản lượng của họ. Nhưng quy mô tiềm tàng của khủng hoảng là rất lớn. Theo một bài báo xuất bản năm 2020 của các nhà kinh tế Ken Rogoff và Yuanchen Yang, bất động sản và các lĩnh vực liên quan chiếm gần 30% tổng sản phẩm quốc nội của Trung Quốc. Nó được tài trợ phần lớn bởi ngành công nghiệp quỹ tín thác trị giá 2,9 nghìn tỷ USD của nước này, và ngành này dường như cũng đang lung lay. Ngay cả khi Trung Quốc ngăn chặn được cuộc khủng hoảng toàn diện, tăng trưởng dài hạn sẽ bị hạn chế rất nhiều, bởi khối dân số trong độ tuổi lao động sẽ giảm gần 1/4 vào năm 2050.

Thứ ba, đừng cho rằng đội ngũ của họ có năng lực quản lý kinh tế.

Tháng trước, Donald Trump mô tả sự cai trị của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình là “thông minh, xuất sắc, mọi thứ đều hoàn hảo.” Nhưng sự thật gần với điều ngược lại hơn. Theo một người bạn thời niên thiếu, khi còn trẻ, Tập “được coi là có trí thông minh trung bình,” sở hữu bằng đại học chương trình ba năm về “chủ nghĩa Mác ứng dụng,” và đã vượt qua Cách mạng Văn hóa cũng như hậu quả của nó bằng cách trở nên “đỏ hơn cả đỏ.” Nhiệm kỳ lãnh đạo tối cao của ông được đánh dấu bằng sự chuyển hướng sang sự kiểm soát lớn hơn của nhà nước đối với nền kinh tế, sự quấy rối ngày càng gia tăng đối với các doanh nghiệp nước ngoài, và một chiến dịch khủng bố chống lại các lãnh đạo doanh nghiệp có tư tưởng độc lập. Kết quả là

tình trạng tháo vốn ngày càng tăng, bất chấp các biện pháp kiểm soát vốn chặt chẽ. Những người giàu nhất Trung Quốc cũng đã rời bỏ đất nước với số lượng ngày càng nhiều trong nhiệm kỳ của Tập – một dấu hiệu rõ ràng cho thấy họ nghĩ cơ hội của mình có thể nằm ở đâu và không nằm ở đâu.

Thứ tư, đừng tin vào sự ổn định nội bộ.

Quyết định gần đây của chính phủ Tập Cận Bình – ngừng công bố dữ liệu về tỷ lệ thất nghiệp trong giới trẻ, vốn đã ở trên mức 21% trong tháng 6, gấp đôi so với 4 năm trước – là một phần của mô hình che giấu thông tin để không làm giảm niềm tin của nhà đầu tư. Nhưng các cuộc đấu tranh của giới trẻ gần như luôn là nguồn gốc của những biến đổi lớn, như đã xảy ra vào năm 1989, ngay trước thềm Biểu tình Quảng trường Thiên An Môn. Đừng bận tâm đến bầy Thucydides, câu chuyện thực sự của Trung Quốc có lẽ nằm trong một phiên bản của thứ đôi khi được gọi là nghịch lý Tocqueville, rằng các cuộc cách mạng xảy ra khi những kỳ vọng ngày càng tăng bị cản đường bởi các điều kiện kinh tế và xã hội xấu đi đột ngột.

Thứ năm, đừng cho rằng quyền lực suy tàn là quyền lực ít nguy hiểm hơn.

Theo nhiều cách, quyền lực đó thậm chí nguy hiểm hơn. Các cường quốc đang lên có thể chờ đợi thời cơ của mình, nhưng các cường quốc đang suy tàn sẽ cố gắng chớp lấy mọi cơ hội. Trong tháng này, Tổng thống Biden đã vô tình nói chính xác khi ông nhắc đến các nhà lãnh đạo Trung Quốc, rằng “khi kẻ xấu gặp vấn đề, họ sẽ làm điều xấu.” Nói cách khác, khi vận may kinh tế của Trung Quốc suy tàn, rủi ro đối với Đài Loan sẽ tăng lên.

Thứ sáu, hãy tuân thủ bốn lần ranh đờ.

Các nhà hoạch định chính sách Mỹ cần phải cương quyết và không khuất phục khi đề cập đến lợi ích cốt lõi trong quan hệ giữa hai bên: tự do hàng hải, đặc biệt là ở Biển Đông; an ninh

của Đài Loan và các đồng minh Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương khác; bảo vệ sở hữu trí tuệ và an ninh quốc gia của Mỹ; và sự an toàn của công dân Mỹ (cả ở Trung Quốc và Mỹ) và nhóm cư dân gốc Hoa. Giúp Ukraine đánh bại Nga cũng là một phần trong chiến lược tổng thể đối với Trung Quốc, theo đó gửi tín hiệu về quyết tâm chính trị và năng lực quân sự của phương Tây, khiến Bắc Kinh phải suy nghĩ kỹ về cuộc phiêu lưu quân sự qua Eo biển Đài Loan.

Thứ bảy, luôn theo đuổi chính sách hòa hoãn.

Chúng ta không nên tìm kiếm một cuộc Chiến tranh Lạnh mới với Trung Quốc. Chúng ta cũng sẽ không thể trả được cái giá của một cuộc chiến tranh nóng. Phản ứng tốt nhất trước những tai ương kinh tế của Trung Quốc là sự hào phóng về kinh tế của Mỹ. Điều đó có thể bắt đầu bằng việc loại bỏ hàng rào thuế quan của chính quyền Trump, vốn đã gây tổn hại cho các công ty và người tiêu dùng Mỹ nhiều như cách chúng gây tổn hại cho người Trung Quốc.

Liệu điều đó có giúp thay đổi mô hình cơ bản về hành vi xấu của Bắc Kinh hay không? Không chắc. Nhưng khi Trung Quốc dần trượt vào khủng hoảng, chúng ta cần phải thử các biện pháp đó.

Biển Đông là địa bàn trọng yếu nhằm đề kháng sự bành trướng của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

RFA

2023.08.29

Capture à partir de :[RFA](#)



Hai tàu hải quân Nhật Bản JS Kashima và JS Shimayuki tập trận với tàu sân bay lớp Nimitz USS Ronald Reagan ở Biển Đông, ngày 7 tháng 7 năm 2020. (Ảnh minh họa). Reuters

Thái tử và Vương phi Nhật Bản sẽ thăm chính thức Việt Nam từ ngày 20 đến 25 tháng 9 tới đây. Trước đó, hôm 23/8, ông Matsuo Yamaguchi, lãnh đạo Đảng Komeito, Nhật Bản, đã đến thăm Việt Nam để [“thắt chặt”](#) quan hệ Việt- Nhật”. Sau đó ông Yamaguchi đã [hủy chuyến thăm](#) Trung Quốc ngày 26/8, 2023.

Trước những diễn biến đó, RFA phỏng vấn TS. Nagao Satoru ở Hudson Institute về quan hệ Việt Nam Nhật Bản.

RFA: Xin ông cho biết Nhật Bản quan tâm đến Việt Nam ở mức độ nào, nếu so sánh Việt Nam với các nước Châu Á- Thái Bình Dương khác?

Nagao Satoru: Nhật Bản rất chú trọng đến Việt Nam. Khi cố Thủ tướng Shinzo Abe và cựu Thủ tướng Suga Yoshihide tuyên thệ nhậm chức thủ tướng, chuyến thăm nước ngoài đầu tiên của họ là tới Việt Nam và Indonesia. Còn chuyến thăm Ấn Độ - Thái Bình Dương đầu tiên của Thủ tướng đương nhiệm Fumio Kishida sau khi nhậm chức là 4 quốc gia gồm Việt Nam, Indonesia, Thái Lan và Ấn Độ. Vì vậy, có thể nói Việt Nam là một trong những quốc gia được Nhật Bản ưu tiên hàng đầu. Rất rõ ràng, chuyến thăm sắp tới của Thái tử Nhật Bản trong

tháng 9 và chuyến thăm của Chủ tịch đảng Komeito hôm 23 tháng 8 năm cùng một định hướng đối ngoại đó của Nhật Bản đối với Việt Nam.

RFA: Nguyên nhân sâu xa của sự quan tâm đặc biệt nói trên là gì? Đó là nguyên nhân kinh tế, an ninh, khoa học công nghệ hay cái gì khác?

Nagao Satoru: Nguyên nhân sâu xa khiến cho Việt Nam nhận được sự ưu tiên hàng đầu từ Nhật Bản là vấn đề an ninh quốc gia.

Kể từ khi ông Shinzo Abe tuyên thệ nhậm chức đến giai đoạn hiện nay, Nhật Bản đã chuyển hướng chiến lược về chính sách đối ngoại. Ông Shinzo Abe liên tục nhấn mạnh đến mối đe dọa từ Trung Quốc. Vì vậy, đối với Nhật Bản, các quốc gia ưu tiên đều có liên quan đến chiến lược đề kháng Trung Quốc.

Chiến lược đề kháng chủ nghĩa bành trướng Trung Quốc bao gồm cả hai mặt quân sự và phi quân sự. Về quân sự, Việt Nam nổi tiếng là nước mạnh. Trước đây, cả nước Pháp, Mỹ, Trung Quốc đều bị Việt Nam đẩy lui. Vì điều này, cả Việt Nam và cộng đồng quốc tế đều tự tin khi nói rằng Việt Nam sẽ là chìa khóa để đối phó với mối đe dọa quân sự từ Trung Quốc.

Biển Đông, nơi Việt Nam đang đối mặt với thách thức từ Trung Quốc, là địa bàn cốt lõi trong chiến lược đề kháng sự bành trướng của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

RFA: Tại sao Biển Đông lại trở thành một địa bàn quan trọng như vậy?

Nagao Satoru: Nếu có thể chiếm đóng toàn bộ Biển Đông, Trung Quốc có thể triển khai lực lượng hải quân và không quân tới bất kỳ nơi nào ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương một cách rất dễ dàng.

Ngoài ra, nếu Trung Quốc tạo được nơi an toàn để cất giấu tàu ngầm mang tên lửa đạn đạo hạt nhân, họ có thể tạo ra sức mạnh rắn đẽ mạnh mẽ đối với Mỹ.

Hiện nay, Trung Quốc đang phát triển tên lửa đạn đạo JL-3 có thể vươn tới Washington DC từ Biển Đông. Trung Quốc đang xây dựng các đảo nhân tạo ở Biển Đông và triển khai sức mạnh hải quân và không quân từ các đảo nhân tạo này.

Các lực lượng này của Trung Quốc có thể loại trừ tất cả các lực lượng quân sự nước ngoài có thể phát hiện tàu ngầm của Trung Quốc ở Biển Đông.

Nếu tình thế này phát triển đầy đủ, như Thủ tướng Abe đã chỉ ra trong bài viết [“Viên kim cương an ninh dân chủ châu Á”](#) thì “Biển Đông dường như sẽ trở thành một cái "hồ Bắc Kinh" (Beijing lake)". Các nhà phân tích cho rằng nếu [trường hợp này](#) xảy ra, Biển Đông đối với Trung Quốc sẽ giống như Biển Okhotsk đối với nước Nga Xô viết, tức là một vùng biển đủ sâu để Hải quân Quân đội Giải phóng Nhân dân Trung Quốc đặt căn cứ cho các tàu ngầm tấn công chạy bằng năng lượng hạt nhân, có khả năng phóng tên lửa mang đầu đạn hạt nhân.

Ngoài ra, Biển Đông còn là nơi cho thấy chiến lược điển hình kiểu Trung Quốc để bành trướng lãnh thổ. Họ tận dụng bất cứ khi nào họ thấy có khoảng trống quyền lực. Pháp rút khỏi Đông Dương sau 1954 thì họ chiếm một nửa Hoàng Sa. Mỹ rút khỏi Miền Nam Việt Nam năm 1973 thì năm 1974 họ đánh chiếm nốt nửa còn lại. Liên Xô giảm lực lượng ở Cam Ranh thì năm 1988 họ đánh Gạc Ma ở Trường Sa. Philippines yêu cầu Mỹ rút quân (1992) thì ba năm sau (1995) họ đánh chiếm luôn đá Vành Khăn (Mischief Reef) do nước này kiểm soát.

Trung Quốc sẽ áp dụng nguyên tắc bành trướng này không chỉ ở Biển Đông mà còn ở các khu vực khác như Biển Hoa Đông, Nam Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương và biên giới đất liền Ấn

Độ-Trung Quốc. Khi Trung Quốc tìm thấy khoảng trống quyền lực ở chỗ nào, họ sẽ cố gắng chiếm lấy chỗ đó.

Vì vậy, trong bài “Viên kim cương an ninh dân chủ châu Á”, cố Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe đã viết rõ ràng rằng “nếu Nhật Bản nhượng bộ, Biển Đông sẽ càng trở nên khó giải quyết hơn”.

RFA: *Cách nhìn nói trên của cố Thủ tướng Abe có ảnh hưởng đến chính sách của Nhật đối với Việt Nam hay không?*

Nagao Satoru: Có. Cái nhìn này của cố Thủ tướng Abe đã ảnh hưởng đến chính sách của Nhật Bản đối với Việt Nam. Hai bên đã tăng cường hợp tác về an ninh và quân sự. Giữa Nhật Bản và Việt Nam đã hình thành thỏa thuận chia sẻ thông tin quân sự (thỏa thuận loại G-SOMIA), chia sẻ thiết bị (buôn bán vũ khí) và hậu cần (thỏa thuận loại ACSA).

Năm 2018, đây là lần đầu tiên Nhật Bản công bố tàu ngầm của mình ghé cảng Việt Nam. Và máy bay tuần tra chống ngầm của Nhật Bản cũng đã đến thăm sân bay Việt Nam. Cùng với lực lượng tàu ngầm mới thành lập của Việt Nam, sự hợp tác chống tàu ngầm này sẽ hạn chế các hoạt động của Trung Quốc ở Biển Đông.

Nhật Bản đã tặng một số tàu tuần tra cho Việt Nam. Và Nhật Bản sẽ bắt đầu một chương trình hỗ trợ an ninh chính thức. Trong tương lai gần, Nhật Bản sẽ cung cấp thêm vũ khí như tàu hải quân mới và tàu đã nghỉ hưu, cũng như máy bay tuần tra, v.v.

RFA: *Nhật Bản và đồng minh nghĩ đến bản đồ các mối quan hệ quân sự với ASEAN như thế nào? Họ tính toán vị trí của Việt Nam trên bản đồ đó ra sao?*

Nagao Satoru: Nếu Bộ tứ QUAD (Mỹ, Nhật, Ấn, Úc), Đài Loan, Việt Nam, Philippines, Ấn Độ hợp tác với nhau, họ có thể chia chi tiêu quân sự khổng lồ và các nguồn lực khác của Trung Quốc cho nhiều mặt trận.

Hiện tại, tất cả các nước QUAD và Đài Loan đều nỗ lực sở hữu tên lửa hành trình tầm xa 1000-2000km (trong trường hợp của Australia, tên lửa hành trình được trang bị cho tàu ngầm hạt nhân và được triển khai gần Trung Quốc).

Quả thực, Việt Nam đã có tên lửa Khub cho tàu ngầm lớp Kilo có thể tấn công các căn cứ trên bộ như căn cứ hải quân, căn cứ không quân ở đảo Hải Nam và các đảo nhân tạo v.v. Việt Nam (và Philippines) cũng mua tên lửa hành trình siêu thanh BrahMos từ Ấn Độ. Tên lửa này cũng có khả năng tấn công mặt đất. Vì vậy, Trung Quốc không thể bỏ qua các cứ điểm tên lửa tấn công này. Nếu Trung Quốc quyết định tấn công Đài Loan, họ cần chia sẻ lực lượng ở một mức độ nhất định để phòng thủ biên giới Ấn Độ - Trung Quốc, và ngược lại, họ không thể bỏ qua hướng Đài Loan nếu muốn phát động một hướng tấn công khác. Như vậy, nếu Việt Nam hợp tác với QUAD+, việc buộc Trung Quốc phải phân chia lực lượng ra nhiều mặt trận, phân chia mức độ chi tiêu quân sự khổng lồ của Trung Quốc trên nhiều mặt trận là điều có thể.

Như tôi đã nói ở trên, chiến lược bành trướng lãnh thổ của Trung Quốc là dựa trên cách tận dụng khoảng trống quyền lực, do cán cân quân sự chênh lệch gây ra. Việc các quốc gia kết hợp thành một mạng lưới trên nhiều mặt trận như vậy sẽ góp phần duy trì cân bằng quân sự trong khu vực. Bằng cách tạo ra sự cân bằng quân sự như vậy, chúng ta có thể duy trì hòa bình một cách thực tiễn.

Trung-Mỹ gặp nhau trước thế Chiến Quốc vừa đàm phán vừa đối đầu?

Capture à partir de : [BBC](#)

Tiến sĩ Đinh Hoàng Thắng

Nhà nghiên cứu chính trị Việt Nam

20 tháng 6 2023



Nguồn hình ảnh, Getty Images

Năm 1972: Richard Nixon và Chu Ân Lai nâng ly cho quan hệ 'không còn là kẻ thù'

"Mọi sự so sánh đều khập khiễng", nhưng chuyến thăm Bắc Kinh hai ngày vừa qua của Ngoại trưởng Mỹ gợi nhớ lại các cuộc mật đàm "tan băng" Trung - Mỹ cách đây 52 năm.

Các cuộc đàm phán của Henry Kissinger với Thủ tướng Chu Ân Lai từng được ghi vào sách giáo khoa.

Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc Lý Thượng Phúc mới đây nói, nếu Mỹ và Trung Quốc lâm chiến, thế giới sẽ không thể nào "gánh nổi" chi phí.

Chính lúc này mới là lúc cần đến các nhà ngoại giao.

Thế giới nay với nhiều điểm nóng, không kể Ukraine còn có châu Phi, vùng giáp Moldova, các vùng biển xa gần, không khác gì 'đêm trước' thời Xuân thu Chiến Quốc (**the Warring States** 476-221 trước CN), hàng chục nước đánh lẫn nhau, liên kết tung hoành.

Cuộc gặp gỡ giữa Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình và Ngoại trưởng Hoa Kỳ Antony Blinken vừa kết thúc tại Bắc Kinh. Bộ Ngoại giao Trung Quốc nhanh chóng ra thông cáo. Năm năm

nay mới có một cuộc gặp tầm cỡ này. Dù chỉ gặp trong vòng nửa giờ. Năm năm là bấy nhiêu ngày? Cho nên có thể hiểu được phần nào cái động thái dang rộng hai cánh tay của ông Blinken khi tiến về phía "Tập Hoàng đế".

So sánh khập khiễng nhưng hữu lý

Năm mươi hai năm trước, Mỹ và Trung Quốc cũng đã lặng lẽ tiến hành các cuộc đàm phán để cải thiện bang giao, trong bối cảnh chính sách của Liên Xô ngày càng hiếu chiến. Năm 1971 Kissinger đã hai lần bí mật sang Bắc Kinh để thiết lập mối quan hệ ngoại giao và dẫn đến chuyến thăm Trung Quốc của Nixon mùa hè cùng năm. Và sau đó là đến lượt với Liên Xô.

Báo đài Hà Nội từng có lúc tố cáo hai quốc gia đàn anh là những kẻ "cơ hội chủ nghĩa". Nghe các bài xã luận bốc lửa, với các metaphor chủ nghĩa anh hùng cách mạng "đầy hoa thơm cỏ lạ", chủ nghĩa cơ hội là "vũng bùn hôi tanh", để mạt sát hai ông anh, thấy sượng cái bụng. Nhưng đối với người am tường, biết là mấy ông anh sắp "bán đứng" mình.

Thân phận nước nhỏ trong bang giao quốc tế thật truân chuyên!

Năm mươi hai năm sau, giờ liệu có xảy ra chuyện tương tự? Lần này, không phải một mình Việt Nam thấp thỏm. Một nước khác, thuở nào từng cùng chiến hào với ta, đất nước của Tổng thống Zelensky, đang trong đà tổng phản công quyết liệt, chắc chắn mắt cũng đang hướng về các cuộc mật đàm giữa hai cường quốc.



Nguồn hình ảnh, Reuters

Ngoại trưởng Blinken (trái) có chuyến công du hai ngày tới Trung Quốc

Ông Blinken với ông Tần Cương đàm phán với nhau bảy tiếng rưỡi đồng hồ.

Theo CNN, nhà ngoại giao hàng đầu của Hoa Kỳ cho biết các cuộc hội đàm giữa ông với Tần Ngoại trưởng dĩ nhiên có đề cập đến Ukraine... Ông Blinken đồng thời nêu lên các mối quan ngại của Hoa Kỳ "được chia sẻ bởi ngày càng nhiều quốc gia về các hành động khiêu khích của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đối với Eo biển Đài Loan, cũng như trên Biển Đông, Biển Đông và Biển Hoa Đông."

Bản tin láy đi láy lại điệp khúc Biển Đông khiến người Việt Nam không khỏi chột dạ... Bãi Tư Chính trong những ngày này thật tội nghiệp, nó đang "trần trụi giữa bầy sói".

Trung Quốc tăng hơn gấp đôi số tàu cảnh sát biển tuần tra trên các vùng mỏ dầu khí của Việt Nam ở bãi Tư Chính trong năm 2022, nâng từ con số 142 ngày vào năm 2020 lên 310 ngày vào năm 2022, theo Tổ chức Sáng kiến Minh bạch Hàng hải (**The Asia Maritime Transparency Initiative - AMTI**).

"Mục tiêu của Trung Quốc trong việc tuần tra tại những khu vực này là để thiết lập cái gọi là "quyền lịch sử" đối với tuyên bố đường chín đoạn. Trung Quốc đã liên tục gia tăng sự hiện diện

của mình trong những năm qua với sự phản đối công khai rất ít ỏi từ Hà Nội", ông Raymond M. Powell bình luận.

Liệu lợi ích quốc gia có cho phép Mỹ kiên định vấn đề "an ninh hàng hải" được mãi trước sức ép của Trung Quốc? Ở đây không chỉ có một mình Việt Nam, nên Bắc Kinh không dễ gì "tự tung tự tác" trên Biển Đông. Chỉ đáng tiếc là Việt Nam tự trói tay mình bằng "bốn không", nên dù có đến hai "Bộ tứ" trong không gian FOIP, Hà Nội cũng không kết hợp được sức mạnh của mình với các đồng minh "ruột" của Mỹ là Nhật Bản và Hàn Quốc, vốn đã là các "đối tác chiến lược" của Việt Nam.

Về cuộc chiến ở Ukraine, ông Blinken cho biết, Trung Quốc đảm bảo với Mỹ và các nước khác rằng họ sẽ không cung cấp vũ khí sát thương cho Nga và bản thân người Mỹ hiện cũng chưa thấy bất kỳ bằng chứng nào mâu thuẫn với những điều Trung Quốc vừa bảo đảm. Ông Blinken lưu ý rằng, sự đảm bảo này của Trung Quốc phù hợp với các tuyên bố Bắc Kinh lặp đi lặp lại trong những tuần gần đây.

"Tuy nhiên, điều mà chúng tôi đang lo ngại là các công ty Trung Quốc, những công ty có thể đang cung cấp công nghệ mà Nga có thể sử dụng để thúc đẩy cuộc xâm lược của mình ở Ukraine. Và chúng tôi đã yêu cầu chính phủ Trung Quốc hết sức cảnh giác về điều đó," ông Blinken cho biết thêm.

[Dirck Halstead, nổi tiếng với các bức hình về cuộc chiến VN, vừa qua đời](#)

Nhưng còn sự hợp tác "không giới hạn" giữa Trung Quốc và Nga thì sao?

Liệu "cầu nối" Bắc Kinh có bắc qua được Moscow? Còn tiếng nói của Mỹ với Liên Âu, những người đang cam kết hỗ trợ sự nghiệp của quân và dân Ukraine, chắc chắn sẽ có hiệu quả.

Sau hai ngày mật đàm, tới đây, Mỹ mời ông Vương Nghị và ông Tần Cương sang Washington để bàn tiếp các câu chuyện họ đang trao đổi dở với nhau, sau bảy tiếng rưỡi đồng hồ. Bảy giờ rưỡi với Tần Cương và khoảng ba giờ đồng hồ với Vương

Nghị.

Trung, Mỹ đều điều hướng dư luận

Cả Hoa Kỳ lẫn Trung Quốc đều đang điều hướng các cuộc đàm phán khởi động giữa hai Ngoại trưởng đối với "khán giả" trong nước, tương ứng với mỗi bên. Sau cuộc gặp 19/6 với ông Tập, Blinken cho biết Trung Quốc chưa sẵn sàng nối lại các liên hệ giữa hai quân đội với nhau, điều mà Hoa Kỳ coi là rất quan trọng để tránh tính toán sai lầm và xung đột, đặc biệt là về vấn đề Đài Loan.

Một nhà ngoại giao của Trung Quốc tại Tây Bán cầu, Yang Tao, cho biết ông nghĩ chuyến thăm của Blinken tới Trung Quốc "đánh dấu một khởi đầu mới". Ông nói: "Phía Hoa Kỳ chắc chắn nhận thức được lý do tại sao có khó khăn trong việc trao đổi giữa hai quân đội," ông nói, đồng thời đổ lỗi thẳng thắn vấn đề này cho các biện pháp trừng phạt của Hoa Kỳ, mà Blinken cho rằng hoàn toàn xoay quanh các mối đe dọa đối với an ninh của Mỹ.

Hai ông Blinken lẫn Tập Chủ tịch tuyên bố họ hài lòng với những tiến bộ đạt được trong hai ngày đàm phán, nhưng không hề chỉ ra các lĩnh vực thỏa thuận cụ thể, ngoài quyết định chung là quay trở lại một chương trình nghị sự rộng lớn về hợp tác và cạnh tranh đã được Tập Chủ tịch và Tổng thống Joe Biden thông qua vào năm ngoái tại một cuộc họp hội nghị thượng đỉnh ở Bali.

Ở Mỹ hiện nay, cao trào chống lại Trung Quốc mạnh mẽ và lấn át đến mức đã trở thành chủ đề tranh luận chính trị sôi nổi, với việc một số nhà lập pháp chỉ trích chính quyền Biden, chưa gì đã vội vã ngồi xuống với Bắc Kinh.

Còn ở Trung Quốc, ngược lại, coi Washington đang tìm mọi cách cách cản trở sự "trỗi dậy" của họ, và Bắc Kinh cũng nhận thức rất rõ rằng Hoa Kỳ đang chuẩn bị bước vào chu kỳ bầu cử Tổng thống, nơi những luận điệu điều hâu chống lại Bắc Kinh

còn có thể tiếp tục gia tăng.

Theo Reuters, ngay cả đối với Tổng thống Joe Biden, dù ông ấy nghĩ rằng mối quan hệ giữa hai nước đang đi đúng hướng và dù rằng, ông ấy được thông báo liên tục về các tiến triển đạt được trong chuyến công du Bắc Kinh của Blinken, nhưng Tổng thống vẫn lưỡng lự.

"Chúng ta đang đi đúng hướng!" Biden nói về quan hệ Mỹ - Trung. Nhưng khi được các phóng viên hỏi trong chuyến đi tới California, liệu Tổng thống có cảm thấy tiến bộ đã đạt được rõ rệt hay không, thì ông lại tự mâu thuẫn: "Tôi không cảm thấy lắm!" Ông trả lời. "Nhưng quý vị biết đấy, các bước tiến đã và đang được thực thi! Blinken đang làm rất tốt công việc của ông ấy!"

Liệu có sự hiểu nhầm nào liên quan đến việc Tập Chủ tịch tiếp Ngoại trưởng Blinken vào cuối buổi chiều 19/6? Cuộc tiếp tại Đại lễ đường Nhân dân ở Bắc Kinh, chỉ được công khai thông báo khoảng một giờ trước khi nó diễn ra. Và cũng chỉ kéo dài khoảng nửa tiếng đồng hồ, bắt đầu lúc 4:34 chiều (giờ địa phương) và kết thúc lúc 5:09 chiều. Điều này hơi ngược với thông lệ xưa nay, cuộc chào xã giao lãnh đạo cao nhất bao giờ cũng được lên lịch từ trước.

Và liệu tại sao được ông Tập tiếp lại quan trọng?

Cuộc gặp gỡ kéo dài khoảng 30 phút ấy có thể tạo điều kiện thuận lợi cho một Thượng đỉnh giữa ông Tập và ông Biden vào cuối năm nay. Biden và Tập gặp nhau lần gần đây nhất là bên lề Hội nghị thượng đỉnh G20 ở Bali vào tháng 11/2022. Hai nhà lãnh đạo đã cam kết liên lạc thường xuyên hơn, dù quan hệ kể từ đó đã xấu đi, vì vấn đề Đài Loan, vì các cáo buộc gián điệp và nhiều quan ngại khác.



Nguồn hình ảnh, Getty Images

Cuộc gặp 19/06 tại Bắc Kinh: Ngoại trưởng Anthony Blinken bắt tay Chủ tịch Tập Cận Bình trong Đại lễ đường Nhân dân

"Hai bên cũng đã đạt được tiến bộ và đạt được thỏa thuận về một số vấn đề cụ thể. Điều này rất tốt," ông Tập nói với ông Blinken trong cuộc hội kiến. Ông Blinken đáp lại rằng hai nước "có nghĩa vụ và trách nhiệm" trong việc quản lý mối quan hệ của họ và Mỹ "cam kết thực hiện điều đó".

Hiện còn quá sớm để xem những giao tiếp Trung - Mỹ này có thực sự là một "khởi đầu mới" hay không? Và mới thì là mới ở chỗ nào? Nhưng điều dễ thấy là cả hai bên đều còn cần nhau, ít là để dàn xếp tránh những căng thẳng do chưa định vị được đối thủ mà dễ gây ra đổ vỡ lớn.

Với Việt Nam, bất cứ động thái nào của Washington và Bắc Kinh trong cuộc đối đầu dài hơi rồi cũng sẽ có tác động đến Biển Đông, đến kinh tế, đến quan hệ với Nga, đòi hỏi các nhà lãnh đạo ở Hà Nội có cái nhìn dài hạn, thay vì xoay theo bên này bên kia, trong khi "lẽ phải" không bao giờ tồn tại trong bang giao quốc tế.

Trước đây, Trung Quốc từng "dụ" Mỹ "chia đôi" Tây Thái Bình Dương. Mỹ đã khước từ. Nay, với tham vọng lớn hơn, Tập hàm ý nói với Blinken, Trung Quốc "rủ" Mỹ cùng làm bá chủ thế giới!

Nhưng trước khi rời Bắc Kinh, Ngoại trưởng Antony Blinken đã nói với người dẫn chương trình Leila Fadel của kênh phát thanh Mỹ **NPR Morning Edition** rằng, rõ ràng mối quan hệ của Hoa Kỳ với Trung Quốc là "chưa ổn định" trong các cuộc hội đàm.

"Tham gia trực tiếp, liên lạc bền vững ở cấp cao, là cách tốt nhất để quản lý một cách có trách nhiệm mối quan hệ của chúng ta," ông nói.

Trước mắt, mọi người sẽ chờ xem cuộc chiến ở Ukraine sẽ kết thúc như thế nào. Tránh được thế Chiến Quốc thời mới - hỗn chiến giữa các tiểu quốc vì các đại cường không điều khiển nổi "đàn em" - thì cũng "vài hồi sau" nữa, thế trận "Tam quốc" của thế kỷ 21 mới được định hình.

Xem thêm:

[Báo Mỹ nói khinh khí cầu TQ 'do thám' cả Việt Nam, Nhật Bản và nhiều nước khác](#)

Chiến lược bành trướng của Trung Quốc trên Biển Đông, Nam Thái Bình Dương và đối phó của G7

RFA

2023.05.30

Capture à partir de :[RFA](#)



Ngoại trưởng Hoa Kỳ Antony Blinken và Thủ tướng Papua New Guinea tại cuộc họp báo hôm 22/5/2023. The US Department of State

“Hoạt động bành trướng lãnh thổ của Trung Quốc ở Biển Đông, vùng biển Nam Thái Bình Dương, khu vực biên giới Trung Quốc - Ấn Độ và khu vực Ấn Độ Dương có nhiều điểm tương đồng với những gì nước này đã làm ở vùng biển xung quanh Nhật Bản và Đài Loan.” Trao đổi với RFA, TS. Nagao Satoru ở Hudson Institute nhận xét như trên về những động thái mới của cả Trung Quốc và Hoa Kỳ cũng như khối G7 ở vùng biển Nam Thái Bình Dương. Theo nhà nghiên cứu ở Hudson Institute, những động thái của Trung Quốc ở Nam Thái Bình Dương có liên quan mật thiết tới Biển Đông vì cả hai đều nằm trong [“chiến lược chuỗi đảo”](#) của họ.

Những điểm chung trong chiến lược bành trướng lãnh thổ của Trung Quốc

Điểm tương đồng đầu tiên của chiến thuật bành trướng lãnh thổ của Trung Quốc trên cả ba vùng biển nói trên, Biển Đông, Hoa Đông và Nam Thái Bình Dương, là “coi thường luật pháp quốc tế hiện hành khi đưa ra yêu sách đối với lãnh thổ mới.” Ông nói:

“Ở Biển Hoa Đông, Trung Quốc không tuyên bố chủ quyền đối với quần đảo Senkaku trước năm 1971, nhưng thái độ của họ đã thay đổi kể từ đó. Quần đảo Senkaku nằm ở vị trí chiến lược để gây sức ép với Đài Loan và có tiềm năng trữ lượng dầu mỏ.

Ở Biển Đông, Trung Quốc đã mở rộng yêu sách lãnh thổ, phớt lờ phán quyết của tòa án quốc tế và xây dựng các đảo nhân tạo. Và Trung Quốc đã bắt đầu triển khai tên lửa và máy bay quân sự trên các đảo, mặc dù khẳng định chúng không có mục đích quân sự.

Thật vậy, đây là mô hình tương tự mà Trung Quốc đã làm theo khi thiết lập một căn cứ quân sự ở Djibouti. Trung Quốc tiếp tục xâm nhập dọc theo biên giới Trung Quốc - Ấn Độ, mặc dù chính phủ Lưu vong Tây Tạng đã tuyên bố rằng những khu vực này thuộc về Ấn Độ.

Trung Quốc đã phớt lờ luật pháp quốc tế hiện hành và mở rộng yêu sách lãnh thổ của mình ở cả ba khu vực nói trên.”

Đặc điểm thứ hai của chiến lược mở rộng lãnh thổ của Trung Quốc là chiến thuật lợi dụng tính thời điểm. TS. Nagao Satoru cho rằng Bắc Kinh khai thác tình hình bất cứ khi nào họ tìm thấy một “khoảng trống quyền lực.”

Đối với Biển Đông, ông chỉ ra là chiến thuật “khai thác khoảng trống quyền lực” mà Trung Quốc thực hiện từ thập niên 1950s đến nay:

“Trung Quốc đã chiếm một nửa quần đảo Hoàng Sa ngay sau khi Pháp rút quân vào những năm 1950. Đến năm 1974—một năm sau khi Hoa Kỳ rút quân khỏi miền Nam Việt Nam—Trung Quốc chiếm nửa quần đảo còn lại. Trong những năm 1980, Trung Quốc đã mở rộng các hoạt động của mình ở quần đảo Trường Sa và chiếm đóng sáu thực thể ở đó vào năm 1988, ngay sau khi Liên Xô giảm bớt sự hiện diện quân sự ở Việt Nam. Và vào năm 1995, Trung Quốc đã chiếm Đá Vành Khăn ba năm sau khi quân đội Hoa Kỳ rút khỏi Philippines. Các hoạt

động này cho thấy Trung Quốc có xu hướng mở rộng phạm vi lãnh thổ của mình khi phát hiện thấy thay đổi về cán cân quân sự và khoảng trống quyền lực theo hướng có lợi cho họ.”

Trong hơn mười năm vừa qua, Trung Quốc đã mở rộng các yêu sách lãnh thổ của mình ở Biển Đông, Biển Hoa Đông, Đài Loan, Nam Thái Bình Dương, biên giới Ấn Độ Dương và Ấn Độ Dương theo cùng một chiến thuật như trên, khi họ phát hiện thấy một khoảng trống quyền lực ở những khu vực này - TS. Nagao Satoru nhận xét. Theo ông, có thể nhận thấy khoảng trống quyền lực này qua Cơ sở dữ liệu chi tiêu quân sự của Viện nghiên cứu hòa bình quốc tế Stockholm (SIPRI): từ năm 2011-2020, Trung Quốc đã tăng chi tiêu quân sự lên 76%, nhưng trong cùng thời kỳ, Nhật Bản chỉ tăng 2,4% còn Hoa Kỳ giảm 10% chi tiêu.

Chiến thuật thứ ba của chiến lược mở rộng lãnh thổ của Trung Quốc là kiểm soát phi quân sự. Theo TS. Nagao Satoru, Trung Quốc kết hợp chặt chẽ các quân bài kinh tế với mục tiêu mở rộng lãnh thổ:

“Trung Quốc đã sử dụng các dự án cơ sở hạ tầng nước ngoài—được gọi là Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI)—để mở rộng phạm vi ảnh hưởng của mình.

Các quốc gia có khoản đầu tư và nợ đáng kể của Trung Quốc ngần ngại chỉ trích Trung Quốc, ngay cả khi nước này vi phạm các quy tắc quốc tế. Trung Quốc cũng đang sử dụng “ngoại giao vắc-xin” đối với COVID-19 để thúc đẩy thiện chí giữa các nước nhận viện trợ. Do đó, đối với Trung Quốc, các phương pháp phi quân sự như các dự án cơ sở hạ tầng, sự phụ thuộc vào chuỗi cung ứng và vắc-xin nhằm mở rộng ảnh hưởng và quyền lực của họ.

Ngay cả đối với các nước phát triển như Nhật Bản và Úc, Trung Quốc cũng sử dụng phương pháp kiểm soát kinh tế này. Ví dụ, khi Úc khẳng định yêu cầu một cuộc điều tra quốc tế để xác

định nguồn gốc của COVID-19, Trung Quốc đã trì hoãn xử lý hàng nhập khẩu của Úc như rượu vang và tôm hùm. Sự phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc là vũ khí lợi hại để Bắc Kinh mở rộng ảnh hưởng, và cuối cùng là mở rộng lãnh thổ.”

Các nước G7 “phản công”

TS Nagao Satoru cho biết hội nghị thượng đỉnh G7 tại Hiroshima đặc biệt quan tâm đến khu vực Nam Thái Bình Dương. Các động thái xâm nhập vào vùng Nam Thái Bình Dương của Trung Quốc nằm trong tổng thể chiến lược bành trướng trên biển và đất liền của nước này, trong đó có Biển Đông, với những chiến thuật tương đối giống nhau.

Ông Nagao Satoru cho rằng không phải ngẫu nhiên mà Tổng thống Biden đã có kế hoạch thăm các lãnh đạo các đảo quốc ở Nam Thái Bình Dương, ngay sau hội nghị thượng đỉnh G7 tại Nhật Bản để bàn cách đối phó với Trung Quốc. Tuy rằng vào phút chót, ông Biden đã phải hủy chuyến thăm này, trở về Thủ đô Washington DC để giải quyết vấn đề trần nợ công với Quốc Hội Mỹ nhưng theo TS. Nagao Satoru, lịch trình sắp xếp trước đó của Tổng thống Biden cho thấy vùng Nam Thái Bình Dương quan trọng như thế nào với Hoa Kỳ và các nước G7. Lý do là sau khi chiếm thế thượng phong ở Biển Đông, Trung Quốc đang mở rộng ảnh hưởng ở vùng biển Nam Thái Bình Dương.

“Chiến lược chuỗi đảo” của Trung Quốc

Về lý do Trung Quốc không ngần ngại thể hiện tham vọng ở các đảo quốc Nam Thái Bình Dương, ông Nagao Satoru cho rằng có thể có hai lý do chủ yếu, một là các đảo này nhạy cảm về mặt địa quân sự với Hoa Kỳ và hai là vấn đề giữ thế mạnh ngoại giao cho Đài Loan.

Theo ông Nagao các đảo Nam Thái Bình Dương tuy nhỏ nhưng có tầm quan trọng chiến lược và nhạy cảm. *“Trong quá khứ, khi Nhật Bản mở rộng ảnh hưởng ở Nam Thái Bình Dương, quan hệ của Nhật với Mỹ và Australia xấu đi, và sự bành trướng này*

của Nhật thời đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến Thế chiến II.”

Ngoài ra, các đảo ở Nam Thái Bình Dương và các đảo trên Biển Đông có một mối liên hệ trong chiến lược phòng thủ bằng các chuỗi đảo trên biển của Trung Quốc. Các quan niệm về chuỗi đảo này được xây dựng bởi chiến lược gia Hoa Kỳ John Foster Dulles năm 1951 trong chiến tranh Triều Tiên (1950-1953) giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Sau đó quan niệm này được Trung Quốc tiếp thu và phát triển. Các đảo trên Biển Đông là một phần của chuỗi đảo thứ nhất, còn các đảo ở Nam Thái Bình Dương thuộc về chuỗi đảo thứ hai và thứ ba. TS. Nagao Satoru nhấn mạnh:

“Bây giờ, ở Trung Quốc, họ bắt đầu nói về chuỗi đảo thứ ba ở Thái Bình Dương, là tuyến phòng thủ của Trung Quốc với chuỗi đảo thứ nhất và thứ hai.

Và Mỹ đã bắt đầu lo ngại rằng các hoạt động quân sự của Trung Quốc sẽ mở rộng sang chuỗi đảo thứ ba. Nếu Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng ở Nam Thái Bình Dương, Mỹ và Australia sẽ nhận thấy mối đe dọa của Trung Quốc trở nên nghiêm trọng hơn.

Ví dụ, nếu Trung Quốc thiết lập một căn cứ hải quân ở Nam Thái Bình Dương, Trung Quốc sẽ dễ dàng triển khai các tàu hải quân của mình đến Hawaii, Bờ biển phía Tây của Hoa Kỳ và Úc, v.v. Mỹ và Úc cho rằng một động thái như vậy của Trung Quốc sẽ là một thách thức nghiêm trọng đối với họ.”

Ngoài vấn đề phòng thủ thông qua kiểm soát các chuỗi đảo, các đảo quốc Nam Thái Bình Dương còn liên hệ mật thiết tới sức mạnh ngoại giao của Đài Loan. TS. Nagao nói:

“Điều gì sẽ xảy ra nếu Đài Loan mất hết các mối quan hệ ngoại giao chính thức ở Nam Thái Bình Dương?”

Những năm gần đây, Trung Quốc thuyết phục Kiribati và quần đảo Solomon ở Nam Thái Bình Dương cắt quan hệ ngoại giao chính thức với nước này và thiết lập quan hệ với Trung Quốc.

Hiện tại, Mỹ đã bắt đầu cho rằng Trung Quốc sẽ là đối thủ quan trọng nhất đối với Mỹ. Nếu Mỹ cần đối phó với Trung Quốc, Đài Loan rất quan trọng. Nếu Trung Quốc thuyết phục thành công các quốc đảo Thái Bình Dương vốn có các quan hệ ngoại giao với Đài Loan lâu nay cắt quan hệ, Đài Loan sẽ phải đối mặt với sự cô lập ngoại giao nghiêm trọng hơn. Nếu Đài Loan có đủ hỗ trợ ngoại giao, Trung Quốc sẽ khó xâm chiếm Đài Loan hơn. Nhiều nước cho rằng nếu Đài Loan bị cô lập về ngoại giao thì trong trường hợp Trung Quốc xâm lược nước này, sẽ có ít quốc gia chỉ trích hành động xâm lược của Trung Quốc. Lập luận của những nước ủng hộ Trung Quốc sẽ là hành vi xâm lược đó không vi phạm luật pháp quốc tế nếu Đài Loan không phải là một quốc gia độc lập. Do đó, trạng thái quan hệ ngoại giao của Đài Loan là vấn đề nghiêm trọng liên quan đến cuộc xâm lược có thể có của Trung Quốc trong tương lai.”

Khác Biển Đông, nơi Trung Quốc từ lâu đã chiếm đảo Hoàng Sa, cải tạo đảo và xây dựng hoàn tất cả căn cứ quân sự lớn ở Trường Sa, trở thành tay chơi chiếm thế thượng phong trong vùng biển này, tại các đảo Nam Thái Bình Dương, Trung Quốc chưa hoàn toàn chiếm thế thượng phong.

Về khả năng đối phó với Trung Quốc ở khu vực Nam Thái Bình Dương, TS. Nagao Satoru cho rằng ngay cả khi Trung Quốc đã mở rộng ảnh hưởng trong vùng, cũng không khó cho G7 xoay chuyển thái độ của các đảo này một lần nữa. Khác với các đảo ở Biển Đông nơi điều kiện tự nhiên vốn không thể duy trì cư dân cư trú, nhiều đảo Nam Thái Bình Dương là những quốc đảo dù quy mô của các đảo này rất nhỏ. Mỹ, Australia, Nhật Bản có thể chuẩn bị đầu tư quy mô tương đương với đầu tư của Trung Quốc. Ông cho biết:

“Đó là lý do tại sao sau hội nghị thượng đỉnh của nhóm G7 tại Hiroshima thì hội nghị thượng đỉnh QUAD diễn ra tại Sydney vào ngày 24/5/2023 sẽ tập trung vào các vấn đề Nam Thái Bình Dương. Tổng thống Biden cũng đã lên kế hoạch thăm các lãnh đạo các đảo Nam Thái Bình ngay trước hội nghị thượng đỉnh QUAD. Dù sau đó ông Biden phải hủy bỏ chuyến thăm vì vấn đề quốc nội những những động thái này sẽ có ảnh hưởng tác động để xoay chuyển tình thế.

Vì vậy, nếu Trung Quốc tiếp tục mở rộng ảnh hưởng ở Nam Thái Bình Dương sẽ đẩy Mỹ, Australia, Nhật Bản thậm chí cả Ấn Độ vào thế bị ép quá đáng và các nước này phải ra đòn đáp trả.

Hiện Trung Quốc đã mở 8 đại sứ quán và lãnh sự quán ở các đảo Nam Thái Bình Dương (Micronesia, Kiribati, Samoa, Papua New Guinea, Solomon, Vanuatu, Fiji, Tonga). Mỹ mở 9 đại sứ quán và lãnh sự quán (Micronesia, Marshal, Kiribati, Samoa, Palau, Papua New Guinea, Solomon, Fiji, Tonga). Do đó, mặc dù Trung Quốc có lợi thế trong một số lĩnh vực, nhưng Mỹ đang đáp trả.”

TS. Nguyễn Khắc Giang ở Viện ISEAS của Singapore thì cho rằng các đảo ở Nam Thái Bình Dương quan trọng với Mỹ, nhưng đối với Úc thì còn quan trọng hơn. Do các đảo này nằm án ngữ vùng “phên dậu” của Úc. Sự xâm nhập của Trung Quốc vào vùng Nam Thái Bình Dương là lý do khiến cho Úc phải tăng cường phòng thủ, trong đó phải kể đến đại dự án tàu ngầm hạt nhân AUKUS hợp tác với Mỹ và Anh.

So sánh về tầm quan trọng của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên Biển Đông với Việt Nam và các đảo trên vùng biển Nam Thái Bình Dương với Úc, TS. Nguyễn Khắc Giang cho rằng mức độ quan trọng là như nhau vì cùng nằm án ngữ “phên dậu”. Nhưng về mức độ kiểm soát đối với các đảo tiền tiêu này thì Việt Nam yếu hơn Úc. Từ sau 1945, Việt Nam chưa thực sự bao giờ kiểm soát hoàn toàn hai quần đảo Hoàng Sa

và Trường Sa, trong khi đó, Úc luôn coi Nam Thái Bình Dương như là “sân sau”. Úc đã đầu tư vào các đảo này khá nhiều, hơn nữa, mỗi khi có bạo động ở những hòn đảo như Tonga hay Papua New Guinea thì toàn Úc và New Zealand gửi quân gìn giữ hòa bình đến.

Khi Trung Quốc tìm cách lấn vào vùng Nam Thái Bình Dương, vùng ảnh hưởng và quan trọng về mặt an ninh của Úc cũng như Mỹ, vùng này sẽ có những rủi ro nhưng cũng được hưởng lợi vì được quan tâm đầu tư nhiều hơn, theo nhận xét của TS. Nagao Satoru ở Hudson Institute:

“Nhìn từ lợi ích của các quốc đảo này, họ sẽ lo lắng “khi voi đánh nhau, cỏ bị giày nát”. Tuy nhiên, đồng thời, đầu tư của hai phía đang kéo đến vì ở đó có sự cạnh tranh. Và vì quy mô của các quốc đảo Nam Thái Bình Dương này, không có gì là quá muộn để Hoa Kỳ di chuyển vào khu vực. Trong tương lai gần, số lượng đại sứ quán và lãnh sự quán sẽ tăng lên và đầu tư cũng sẽ tăng lên.”

Các tạp chí khoa học: Mặt trận mới trong tranh chấp Biển Đông

30/07/2020

Hoài Hương-VOA

Capture à partir de : voatiengviet



Ảnh vệ tinh chụp Đá Chữ Thập do AMTI công bố hôm thứ Năm. (Photo Courtesy CSIS)

Các học giả Trung Quốc đã xuất bản hàng chục bài viết đăng trên các tạp chí khoa học được quốc tế công nhận, có in bản đồ đường 9 đoạn do Trung Quốc vẽ ra để khẳng định các yêu sách chủ quyền của nước này ở Biển Đông, một trung tâm nghiên cứu chiến lược của Hoa Kỳ cảnh giác trong tháng này.

Trong một bài viết cho Tổ chức Sáng kiến Minh bạch Hàng hải châu Á (AMTI) thuộc Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và quốc tế-CSIS ngày 15/7/2020, nhà nghiên cứu Nguyễn Thụy Anh thuộc Viện nghiên cứu Biển Đông/Học viện Ngoại giao Việt Nam, nói rằng Trung Quốc không những tìm cách thay đổi hiện trạng tại hiện trường ở Biển Đông, mà còn tìm cách thay đổi nhận thức của thế giới về tuyên bố chủ quyền của họ.

Đường 9 đoạn hình chữ U, còn gọi là 'đường lưỡi bò', vạch ra một khu vực rộng lớn chiếm hầu hết diện tích Biển Đông mà Trung Quốc tuyên bố là lãnh hải thuộc chủ quyền của họ.

Nhiều nước, một số có tuyên bố chủ quyền chồng chéo với Trung Quốc như Việt Nam, Philippines và các nước khác như Indonesia, Úc, Hoa Kỳ, Nhật Bản ... đều bác bỏ bản đồ đường 9 đoạn.

Quan trọng hơn, tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc dựa trên bản đồ đường 9 đoạn đã bị Tòa án Trọng tài Quốc tế tại La Haye bác bỏ vào tháng 7/2016 với phán quyết trao phần thắng cho Philippines trong vụ kiện để phản đối đòi hỏi chủ quyền của Trung Quốc.

Bất chấp phán quyết của Tòa án Quốc tế rằng các tuyên bố chủ quyền của Bắc Kinh là bất hợp pháp, Trung Quốc trong mấy năm qua đã phát động một mặt trận mới nhằm thuyết phục thế giới thay đổi nhận thức và chấp nhận yêu sách chủ quyền của họ.

Chiến dịch tuyên truyền âm thầm đang tăng tốc

Chiến dịch này cổ vũ và phát tán rộng rãi bản đồ đường 9 đoạn ở mọi lúc mọi nơi, trên giấy thông hành, trên các quả cầu vẽ bản đồ thế giới, trên áo phông, trong phim ảnh và chương trình truyền hình, trong sách báo, trò chơi điện tử, trên quần áo, tờ rơi quảng cáo các địa điểm du lịch vv...

Ít được chú ý hơn là một chiến dịch đưa bản đồ đường 9 đoạn vào các tạp chí khoa học, hay các bài nghiên cứu có tính cách học thuật.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Thụy Anh mô tả đây là một chiến dịch nhằm “vũ khí hóa” các tạp chí khoa học.

Trong một cuộc khảo sát sơ khởi, nhà nghiên cứu đã phát hiện 260 bài viết² học có bản đồ đường 9 đoạn được đăng trên 20 tạp chí khoa học nổi tiếng, thường được tham khảo và trích dẫn.

Theo cuộc khảo sát này thì bản đồ đường 9 đoạn ít khi xuất hiện trước năm 2009, nhưng từ năm 2010 trở đi, bản đồ này xuất hiện ngày càng thường xuyên. Năm 2010, chỉ có 10 bài báo khoa học có in bản đồ đường lưỡì bò; năm 2018, số bài viết này tăng lên tới 60, rồi tới 90 nội trong 6 tháng đầu tiên của năm 2019. Xu hướng này tiếp tục trong năm 2020, và người ta thấy bản đồ đường 9 đoạn xuất hiện trên nhiều tạp chí khoa học, bàn về đủ mọi đề tài từ biến đổi khí hậu, thủy văn học, khảo cổ học, nông nghiệp, năng lượng sinh học, khoa học môi trường, quản lý chất thải cho tới y tế công...

Nhà nghiên cứu nói trong nhiều trường hợp, bản đồ đường 9 đoạn xuất hiện một cách vô tội vạ, không có liên hệ gì tới nội dung bài viết.

Mục tiêu của chiến dịch tuyên truyền Trung Quốc

Một bài viết của nhà báo Ralph Jennings của VOA về đề tài này hôm 27/7/20 nói rằng các tài liệu này thường nhắm vào giới sinh viên, nghiên cứu sinh, học giả tại các nước Ả rập, Châu Phi, hay ‘các nước thứ ba’ khác, thay vì giới tiêu thụ Tây phương bởi vì một sinh viên ở Châu Phi chẳng hạn, sẽ không thắc mắc và dễ dàng bỏ qua cái bản đồ đường 9 đoạn.

Giáo sư Jay Batongbacal, giảng dạy về các vấn đề hàng hải tại Đại học Philippines, nói đa số không để ý tới bản đồ 9 đoạn, vì

không quen thuộc với tranh chấp Biển Đông và địa lý khu vực. Ông nói:

“Đó là lý do tại sao Trung Quốc làm điều đó. Đây là một nỗ lực tuyên truyền khôn khéo, mà Bắc Kinh sẽ sử dụng sau này để lập luận rằng bản đồ đường 9 đoạn được biết đến rộng rãi và được công nhận qua các bài nghiên cứu được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế.”

Lời cảnh giác đối với các nhà khoa học

Trang mạng Times Higher Education cảnh báo các nhà khoa học thế giới về nguy cơ có thể bị các đồng nghiệp Trung Quốc lợi dụng để âm thầm in thêm bản đồ đường 9 đoạn vào các bài nghiên cứu chung, giữa lúc họ chỉ tập trung vào lĩnh vực chuyên môn riêng nên không chú ý tới các vấn đề địa chính trị.

Times Higher Education nói rằng các bài viết của các nhà nghiên cứu Trung Quốc hợp tác với các đồng nghiệp phương Tây, thường bao gồm bản đồ đường 9 đoạn, bao trùm vùng biển từ miền Nam Trung Quốc và Đài Loan cho tới Borneo, trong đó có nhiều đảo, đá, thực thể, đang tranh chấp chủ quyền với nhiều nước khác, kể cả Việt Nam.

Times Higher Education cho biết họ tìm thấy 9 bài viết có in bản đồ đường 9 đoạn vào đầu năm 2018. Nội dung của tất cả 9 bài báo xoay quanh nhiều đề tài không ăn nhập gì với các vấn đề hàng hải hay tranh chấp Biển Đông: từ nghiên cứu về tre, bươm bướm hay thực vật ở Tây Tạng. 5 trong số 9 bài có đồng tác giả đến từ Úc, Đức, Scotland, Singapore và Hoa Kỳ. Các đồng tác giả nước ngoài, khi ghi tên vào cuộc nghiên cứu chung, vô tình hậu thuẫn các yêu sách của Bắc Kinh mà không hay biết vì không quen thuộc với yêu sách chủ quyền của Trung Quốc ở Biển Đông.

Nhiều học giả quốc tế chuyên nghiên cứu chính sách đối ngoại của Trung Quốc khuyên các đồng nghiệp hợp tác nghiên cứu với các tác giả Trung Quốc nên chú ý xem liệu bài nghiên cứu

chung có in thêm bản đồ đường 9 đoạn của Trung Quốc hay không, xét tòa án quốc tế cho bản đồ này là bất hợp pháp và không được công nhận.

Giáo sư Clive Hamilton, giảng dạy môn Đạo đức công tại Đại học Charles Sturt ở Canberra, Úc, nói đây là một ví dụ về việc Bắc Kinh lợi dụng sự vô tình của các nhà khoa học để khẳng định yêu sách chủ quyền của mình qua các bài viết đăng trên các tạp chí khoa học.

Là người hay chỉ trích chính sách đối ngoại của Trung Quốc, Giáo sư Hamilton cảnh giác các nhà khoa học khác về ý đồ của Trung Quốc:

“Một cường quốc kinh tế được cai trị bởi một chế độ toàn trị đang có tranh chấp lãnh thổ với các nước khác, muốn cộng đồng khoa học quốc tế hậu thuẫn các yêu sách chủ quyền của họ bằng cách in một bản đồ không được luật pháp quốc tế công nhận vào bài nghiên cứu chung.”

Một nhà di truyền học người Úc làm việc tại Nhật Bản nói các bản đồ vẽ đường 9 đoạn khẳng định chủ quyền của Trung Quốc trên các đảo, đá ở Biển Đông xuất hiện trong phân nửa các bài viết của các tác giả Trung Quốc. Ông nói số lượng các bài viết khoa học có in bản đồ lưỡn bò ngày càng tăng và xuất hiện thường hơn trong các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín.”

Nhà động vật học Nancy Endersby của Đại học Melbourne, Úc, là đồng tác giả của một bài báo khoa học về Cells- Tế bào, viết chung với một nhà khoa học Trung Quốc, có in bản đồ 9 đoạn.

Bà nói:

“Nếu biết trước là họ chèn vào bài báo bản đồ đường 9 đoạn, và hiểu ý nghĩa của hành động đó, thì tôi đã không cho phép tên tôi được sử dụng trong bài báo. Tôi chỉ tập trung vào khía cạnh chuyên môn, và tin tưởng rằng tám bản đồ đó là chính xác.”

Đồng tác giả Ary Hoffman nói:

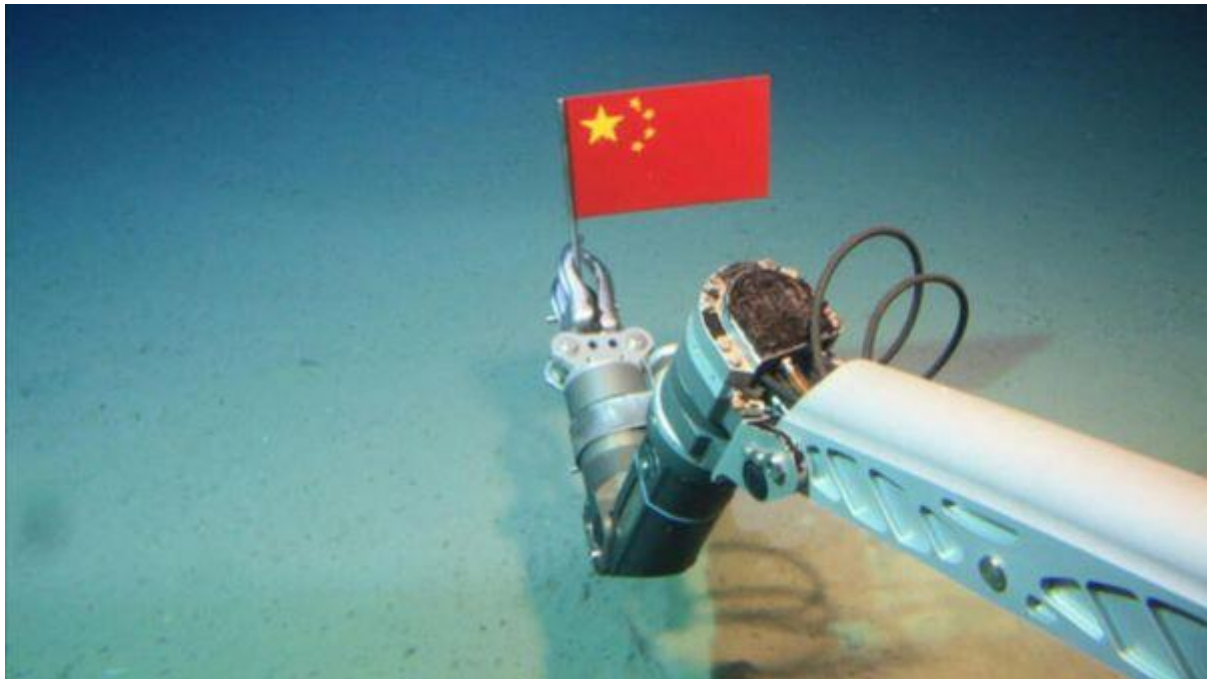
“Bây giờ hiểu ra vấn đề rồi, chắc chắn chúng tôi sẽ cẩn thận hơn với các bài nghiên cứu trong tương lai. Trong tư cách là những nhà sinh vật học, đó là điều mà chúng tôi không hề nghĩ tới.”

Trung Quốc thám hiểm đáy Biển Đông để thống trị đại dương

Đăng ngày: 13/02/2011 - 17:53

Capture à partir de : [RFI](#)

Tuần báo The Economist trong bài viết « *Ai là người thống trị đại dương ?* » đã đề cập đến dự án thám hiểm đáy Biển Đông của chính phủ Bắc Kinh. Dự án này được thảo luận trong một hội nghị tập trung các nhà hải dương học trong và ngoài nước Trung Quốc, tổ chức tại Thượng Hải trong hai ngày 26 và 27 tháng giêng vừa qua.



Hồi tháng 7 năm 2010 tàu ngầm Trung Quốc đã lặn xuống đáy Biển Đông cắm lá cờ DR

Bài báo mở đầu bằng nhận định, chủ nghĩa đế quốc và ngành hải dương học thường tay trong tay với nhau. Các nghiên cứu của hải quân Anh về các vùng biển nông và duyên hải trên thế giới trong thế kỷ 18 và 19 đã đóng góp nhiều kiến thức cho khoa học, nhưng đồng thời cũng giúp cho các nhà buôn Anh

quốc có thể du hành trên các đại dương, và các chiến hạm Anh có thể thống trị thế giới. Nhìn từ góc độ này, thì hội nghị trên có khả năng gây bức xúc cho các quốc gia láng giềng phương nam của Bắc Kinh.

Dự án South China Sea-Deep có mục đích thám hiểm một vùng biển có diện tích rộng đến 3,5 triệu kilomet vuông, với độ sâu tối đa 5,5 kilomet, mà chính phủ Bắc Kinh coi là thuộc chủ quyền của mình, cho dù bị rất nhiều nước phản đối.

Các nhà khoa học tham dự hội nghị chối rằng mục tiêu chỉ là thêm kiến thức cho nhân loại, và chỉ đơn thuần về mặt khoa học chứ không phải nhằm tìm kiếm dầu khí và nguồn lợi khoáng sản. The Economist nhận định, thật ra thì cũng đúng, như nhiều nhà du hành Anh trước đây cũng từ sự khát khao hiểu biết. Tuy nhiên, kiến thức cũng là quyền năng, và nếu các nhà khoa học Trung Quốc là những người đầu tiên thám hiểm đáy sâu Biển Đông, thì các nhà kinh doanh Trung Quốc cũng sẽ có lợi thế khai thác thương mại hơn các đối thủ, và hạm đội Trung Quốc cũng sẽ ở thế « trên cơ » để bảo vệ họ.

Đề án trên do nhà khoa học đầu ngành Uông Phẩm Tiên, thuộc Đồng Tế đại học ở Thượng Hải chủ trì. Ông này có thể nhờ đến sự hỗ trợ của Giao Long, chiếc tiềm thủy đình hiện đại nhất của Trung Quốc, có thể lặn sâu đến 7km dưới đáy biển. Dự án được đưa ra một phần từ nghiên cứu của chiếc Đại dương Nhất hiệu năm 2007 về những dải kiến tạo ở giữa đại dương do các dịch chuyển của vỏ trái đất. Đồng thời, các nhà thám hiểm trên tàu này cũng phát hiện được vị trí nhiều mỏ đồng, chì, kẽm cũng như các nguồn thủy nhiệt tại đây.

Mục đích của dự án South China Sea-Deep trước hết là nghiên cứu các hướng phát triển của đáy đại dương, rồi đến trầm tích và khí hậu, tiếp nối theo một công trình của tiến sĩ Uông Phẩm Tiên trong khu vực vào năm 1999. Cho dù có những biện minh, các nghiên cứu này rất có lợi cho công nghiệp dầu khí. Phần thứ ba của dự án nhắm vào sinh học ở Biển Đông, đặc biệt là

dưới đáy đại dương. Đó là việc hấp thu cacbon của các vi sinh vật, cuộc sống dưới đáy biển, sự trao đổi dưỡng chất và phiêu sinh vật... tại nhiều vùng ở Biển Đông, và giữa Biển Đông với Thái Bình Dương.

Đương nhiên là việc này sẽ tốn khá nhiều tiền. Ngân sách dành cho dự án là 150 triệu nhân dân tệ, tương đương 22 triệu đô la, do Quỹ quốc gia về Khoa học Tự nhiên, một tổ chức của chính phủ có trụ sở ở Bắc Kinh đài thọ. Nhưng không chỉ trong ngành hải dương học, mà một trung tâm kỹ thuật về đáy biển tại Thanh Đảo sẽ tiêu tốn 400 triệu nhân dân tệ, một mạng lưới quan sát đáy đại dương, tương tự với chương trình Neptune của Canada và Sáng kiến Quan sát Đại dương của Hoa Kỳ cũng cần 1,4 tỉ nhân dân tệ nữa. Chắc chắn là tiền được dùng cho lợi ích khoa học đơn thuần. Nhưng The Economist nhận xét, nói như thế sẽ làm « tụt ái » đại diện của Tập đoàn quốc gia về Dầu khí Ngoài khơi của Trung Quốc. Phát biểu trong hội nghị, tập đoàn này cho biết trữ lượng khí thiên nhiên ở Biển Đông được ước tính khoảng 200 tỉ mét khối.

Trung Quốc vẽ bản đồ đáy biển để tàu ngầm nguyên tử hoạt động

Đăng ngày: 25/01/2021

Capture à partir de :[RFI](#)

Chiếc tàu Hưởng Dương Hồng (Xiang Yang Hong) 03 những ngày gần đây đã bị vệ tinh nhận ra tại lãnh hải của Indonesia, tuy đã tắt tín hiệu nhận diện. Phát ngôn viên Hải quân Pháp Eric Lavault lưu ý : « Trung Quốc đang vẽ bản đồ đáy biển để các tàu ngầm nguyên tử của họ có thể đi qua ».



Tàu ngầm nguyên tử Pháp Emeraude thăm đảo Guam của Mỹ ngày 11/12/2020. © United States Navy

...

Liên quan đến châu Á, *Le Monde* tố cáo « Chính quyền Trung Quốc tiến hành các hoạt động thu thập thông tin quy mô tại Ấn Độ Dương ». Các hình ảnh vệ tinh cho thấy Bắc Kinh đang tìm cách vẽ bản đồ đáy biển.

Chiếc tàu Hưởng Dương Hồng (Xiang Yang Hong) 03 những ngày gần đây đã bị vệ tinh nhận ra tại phía tây đảo Sumatra, trong lãnh hải của Indonesia. Tuy là tàu nghiên cứu đại dương của chính phủ Trung Quốc, chiếc tàu này lại di chuyển mà không bật tín hiệu nhận diện. Tờ báo chuyên ngành *The Print* hôm 22/01 cho biết Hưởng Dương Hồng 03 đã bị tuần duyên Indonesia chặn lại vì lý do trên.

Chuyên gia H.I. Sutton của trang Covert Shores chuyên giám sát khu vực này khẳng định Bắc Kinh « tiến hành một chiến dịch quy mô ở đông Ấn Độ Dương ». Chính phủ các nước ven biển cũng như các nhà quan sát cho rằng mục đích là chuẩn bị cho các hoạt động quân sự của đội tàu ngầm Trung Quốc.

Cùng với Hưởng Dương Hồng 03, ba chiếc tương tự cũng đang ngang dọc để vẽ bản đồ đáy biển từ hai năm qua. Riêng chiếc Hưởng Dương Hồng 06 đặc trách các thiết bị không

người lái (drone) dưới đáy biển. Indonesia từ 2019 đến 2020 khám phá khoảng hơn một chục drone sục sạo lãnh hải của mình. Theo ông Sutton, một số hoạt động gần Indonesia, quần đảo Andaman và Nicobar nhằm tìm tòi về mạng lưới cảm biến của Mỹ trong khu vực, những thiết bị này theo dõi các tàu ngầm Trung Quốc.

Phát ngôn viên Hải quân Pháp Eric Lavault lưu ý : « *Trung Quốc đang vẽ bản đồ đáy biển để các tàu ngầm nguyên tử của họ có thể đi qua* ».

Đây không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Trên toàn hành tinh chỉ mới có 6% diện tích đáy biển được biết rõ. Tại Ấn Độ Dương, Hải quân Ấn, Mỹ, Pháp, Úc ngày càng tập dượt chung nhiều hơn, và muốn tăng trao đổi thông tin tình báo. Tổng thống Pháp Emmanuel Macron hôm 19/01 khi chúc Tết quân đội đã nhấn mạnh : « *Ngay trong lúc này đây, một tàu ngầm Pháp chứng tỏ sự gắn bó của nước Pháp đối với nguyên tắc về quyền (hải hành) trên biển khơi xa, ở châu Á* ».

Le Monde cho biết để hỗ trợ chiến lược Ấn Độ-Thái Bình Dương, Paris từ nhiều tháng qua, khác với thông lệ, đã thông báo về sự hiện diện của một trong những tàu ngầm nguyên tử tấn công Pháp trong khu vực. Chiếc Emeraude (ngọc bích) đã quá cảnh tại Perth (Úc) hồi tháng 10, rồi thăm căn cứ Guam của Mỹ vào tháng 11. Tàu ngầm hiện đại này được triển khai ở châu Á trong thời gian đặc biệt dài, đang trên đường trở về cảng Toulon, và không hiếm những dịp đi gần các chiến hạm Trung Quốc.

Trung Quốc tăng cường hiện diện quân sự trên vũ trụ

Không chỉ dưới đáy biển mà còn trên vũ trụ. Hai nhà nghiên cứu Marc Julienne (IFRI) và Isabelle Sourbès-Verger (CNRS) khi trả lời phỏng vấn *Le Monde* cho biết Trung Quốc « *tăng cường sự hiện diện quân sự* » trên không gian.

Từ cuối 2015 Bắc Kinh đã thành lập Lực lượng hỗ trợ chiến lược trong đó có đơn vị không gian, chuyên giám sát các địa điểm phóng hỏa tiễn, kiểm soát vệ tinh, và các trạm giám sát không gian ở Trung Quốc và nước ngoài. Ngoài mặt công khai là nghiên cứu khoa học, còn có hoạt động ngầm là các chương trình quân sự bí mật. Tất cả các vụ phóng hỏa tiễn đều do quân đội thực hiện, phi hành gia là quân nhân, và đặc biệt ngày càng có nhiều vệ tinh quan sát, nhất là hướng về Đài Loan.

6 cường quốc bậc trung Nam Bán Cầu “quyết định” cục diện địa chính trị thế giới

Đăng ngày: 14/06/2023 - 16:35

Capture à partir de :[RFI](#)

Cuộc xâm lăng Ukraina của Nga đang làm lộ rõ một cục diện chính trị toàn cầu mới đang hình thành. Tiếng nói của nhiều cường quốc bậc trung thuộc khối các nước đang phát triển, còn gọi là “Nam Bán Cầu”, dường như đang ngày càng được coi trọng hơn. Các cường quốc bậc trung này không dứt khoát chọn phe trong một thế giới lưỡng cực đang hình thành, với một bên là Hoa Kỳ và các đồng minh “dân chủ” phương Tây, và bên kia là Trung Quốc cùng Nga, và một số quốc gia “độc tài”.



Lãnh đạo ba cường quốc bậc trung của Nam Bán Cầu (Ấn Độ, Brazil và Indonesia) tham dự thượng đỉnh G7 ở Hiroshima, ngày 21/05/2023. AP

Trong thời gian gần đây, giới chuyên gia về chính trị quốc tế đặc biệt chú ý đến nhóm các cường quốc bậc trung thường được gọi là “*các swing states*” (tạm dịch là “*các quốc gia dao động*”) (*), do lập trường không dứt khoát chọn phe. Đối với nhiều nhà quan sát, chính “*các quốc gia dao động*” này, với số lượng tuy rất nhỏ, đang “*quyết định*” cục diện địa chính trị của thế giới đương đại. RFI xin giới thiệu một số thông tin về chủ đề này.

**

Những nước nào được xem là “*các quốc gia dao động*” có tầm ảnh hưởng địa chính trị quan trọng?

Thuật ngữ “*global swing states*” (các quốc gia dao động tầm cỡ toàn cầu) được sử dụng phổ biến trong giới chuyên gia từ khoảng mười năm trở lại đây. Năm 2012, một nhóm nghiên cứu của Quỹ German Marshall Fund của Hoa Kỳ, viện nghiên cứu chính sách công có mục tiêu thúc đẩy hợp tác Mỹ - châu Âu (**), đã công bố [một trong những nghiên cứu sớm nhất về vấn đề nói trên](#). Vào thời điểm đó, các chuyên gia xác định bốn quốc gia thuộc nhóm này, bao gồm Brazil, Ấn Độ, Indonesia và Thổ Nhĩ Kỳ. Các nhà nghiên cứu từng xem nhóm bốn quốc gia trên như “*các nền dân chủ hùng mạnh*”, và sự trỗi dậy của nhóm nước này có thể tạo ra một cơ hội to lớn cho Hoa Kỳ và các đồng minh châu Âu, nhằm “*bảo vệ và cải cách trật tự quốc tế đang nhiều bất trắc*”.

10 năm sau, nhà chính trị học Cliff Kupchan, một chuyên gia về Nga và Iran, chủ tịch nhóm nghiên cứu về chính trị quốc tế Eurasia, trong một bài tổng thuật về chủ đề này trên trang mạng Foreign Policy (với tiêu đề “[6 Swing States Will Decide the Future of Geopolitics](#)”, 06/06/2023), ghi nhận “*6 quốc gia dao động*” quan trọng. Ngoài Brazil, Ấn Độ, Indonesia và Thổ Nhĩ Kỳ, là hai cường quốc bậc trung khác Ả Rập Xê Út và Nam Phi.

10 năm sau, tình hình đã có nhiều thay đổi lớn. Bốn quốc gia, từng được coi là “*các nền dân chủ hùng mạnh*”, đã không hoàn

toàn đứng về phía phương Tây. Tất cả sáu cường quốc bậc trung thuộc “Nam Bán Cầu” nói trên, cho dù rất khác nhau về hàng loạt lĩnh vực, có một điểm chung là có thái độ không dứt khoát chọn bên, trong cuộc xâm lăng của Nga tại Ukraina. Cuộc xâm lăng rõ ràng đã bị khoảng 140 quốc gia lên án, với nhiều nghị quyết của Liên Hiệp Quốc. Nhưng trên thực tế, ngoài khối các nước đứng hẳn về phía Ukraina, với Hoa Kỳ và các nước châu Âu là nòng cốt, đại đa số các nước, trong đó có các cường quốc bậc trung nói trên, đã không chọn bên.

Hồi tháng 5/2023 vừa qua, tổng thống Ukraine Volodymyr Zelensky có chuyến đi đột phá về ngoại giao hiếm hoi tới Jeddah, Ả Rập Xê Út, và Hiroshima, Nhật Bản, để vận động bốn nước Brazil, Ấn Độ, Indonesia và Ả Rập Xê Út. Brazil, Ấn Độ, Indonesia cũng là khách mời của thượng đỉnh G7 (tức bảy cường quốc công nghiệp). Nhà chính trị học Cliff Kupchan nhấn mạnh là “*các cường quốc bậc trung ở Nam Bán Cầu ngày nay có nhiều quyền lực hơn bao giờ hết*”.

Vì sao nói nhiều cường quốc bậc trung ở Nam Bán Cầu hay “các quốc gia dao động” có ảnh hưởng lớn đến thế giới?

Theo chuyên gia Cliff Kupchan, có hai nhóm lý do chính để giải thích về sức mạnh gia tăng của các cường quốc tầm trung nói trên. Thứ nhất là các lý do liên quan đến xu thế lịch sử lâu dài, và thứ hai là các xu thế gần đây. Về nhóm lý do thứ nhất, tức xu thế lịch sử lâu dài, giai đoạn hiện nay hoàn toàn khác với thời kỳ đơn cực, với sự thống trị của Hoa Kỳ (tức giai đoạn sau Chiến tranh Lạnh, kéo dài đến những năm gần đây), và thời kỳ lưỡng cực của Chiến tranh Lạnh, với thế đối đầu giữa khối phương Tây và khối cộng sản do Liên Xô lãnh đạo. Giai đoạn đơn cực đòi hỏi hầu hết các nước phải theo Mỹ, trong lúc thế giới lưỡng cực Mỹ - Xô đi liền với việc hình thành các khối đối lập nhau. Tình hình khác hẳn với giai đoạn thế giới lưỡng cực Trung – Mỹ đang hình thành hiện nay. Trong bối cảnh, thế lưỡng cực Mỹ - Trung hiện không hoặc chưa phải là Chiến

tranh Lạnh, tất cả các cường quốc tầm trung đều có rất nhiều không gian hành động độc lập.

Về nhóm lý do thứ hai, tức các xu thế gần đây, theo chuyên gia Cliff Kupchan, trong hai thập niên vừa qua, “nhiều quan hệ địa chính trị và địa kinh tế mới đang hình thành ở cấp độ khu vực”. Khi quyền lực của các khu vực gia tăng, vị thế của các cường quốc bậc trung/các quốc gia dao động cũng trở nên quan trọng hơn. Nhiều “*quốc gia dao động*” ở Nam Bán Cầu đang được hưởng lợi nhiều từ quá trình hình thành “các chuỗi cung ứng hàng hóa” mới ở gần kề, cũng như việc các cơ sở sản xuất – kinh doanh chuyển khỏi Trung Quốc, với thế đối đầu Mỹ - Trung gia tăng. Thế đối đầu Mỹ - Trung trong nhiều lĩnh vực đã và đang mang lợi cho nhiều quốc gia bậc trung. Ví dụ như Ấn Độ được hưởng lợi nhiều từ khi tham gia vào Đối thoại An ninh Bộ Tứ Ấn Độ - Thái Bình Dương (QUAD), nỗ lực do Hoa Kỳ khởi xướng nhằm tạo thế đối trọng với Trung Quốc. Brazil và Indonesia cũng được hưởng lợi nhiều từ Trung Quốc trong các hợp đồng về các khoáng sản quan trọng, như lithium hay niken. Thủ đô Riyadh của Ả Rập Xê Út đang nổi lên như một trung tâm tài chính khu vực. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng thừa nhận, trong một thế giới đang phân mảnh và khu vực hóa, các cường quốc tầm trung trong khu vực đóng một vai trò ngày càng quan trọng.

Điểm nổi bật khác tạo nên sức mạnh của nhóm các cường quốc bậc trung này, theo chuyên gia Cliff Kupchan, là họ không chú trọng đến vấn đề “*ý thức hệ*” (cụ thể như các vấn đề chính trị dân chủ hay độc tài được nhìn nhận một cách khuôn mẫu, giáo điều, “*liên kết*” hay “*không liên kết*” theo nghĩa truyền thống...). Tận dụng được thế đối đầu Mỹ - Trung, và tận dụng được các quan hệ song phương không lệ thuộc vào “*ý thức hệ*”, các quốc gia tầm trung gọi là nhóm “*các nước dao động*” đang ngày càng trở nên năng động và mạnh hơn. Theo chuyên gia Cliff Kupchan, ngoại trừ một số lĩnh vực công nghệ nền tảng (được coi là vấn đề an ninh quốc gia với Mỹ) như bán dẫn, trí

tuệ nhân tạo, công nghệ lượng tử, viễn thông 5G và công nghệ sinh học, các cường quốc bậc trung bị đặt vào thế phải theo Mỹ hoặc theo Trung Quốc, trong các lĩnh vực khác, các nước này được rảnh tay lựa chọn.

Sáu “*quốc gia dao động*” đã đóng một vai trò quan trọng trong các biện pháp trừng phạt của phương Tây để buộc Nga lùi bước trong cuộc xâm lăng Ukraina. Đối với phương Tây, nỗ lực đoàn kết với Ukraina, có ý nghĩa không chỉ bảo vệ quốc gia này chống xâm lược, mà còn để bảo vệ một trật tự thế giới “*dựa trên luật pháp*”. Tuy nhiên, 6 cường quốc Nam Bán Cầu nói trên không chia sẻ quan điểm này. Không có sự tham gia của các cường quốc bậc trung của Nam Bán Cầu, mặt trận cô lập Nga không thể thành công. Ngay từ đầu, các quốc gia này đã từ chối viện trợ quân sự cho Ukraina, theo đề nghị của phương Tây, không chủ động tham gia các trừng phạt, trừ khi bắt buộc phải tuân thủ. Thổ Nhĩ Kỳ và một số nước khác là nơi chuyển một khối lượng lớn hàng lương thực/dân sự/quân sự sang Nga, làm suy yếu các nỗ lực trừng phạt.

Bên cạnh một số xu thế được coi là tiêu cực với phương Tây, “*nhiều quốc gia dao động*” đang tỏ ra là những đối tác giúp giải quyết các thách thức toàn cầu. Ấn Độ có vai trò đặc biệt quan trọng, khi đóng góp đến 8% lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên Hiệp Quốc. Indonesia và Nam Phi cũng đóng vai trò tích cực trong nhiều hoạt động trung gian hòa giải, và gìn giữ hòa bình.

Phương Tây cần ứng xử ra sao với “*các cường quốc dao động*”?

Theo chuyên gia Cliff Kupchan, phương Tây, mà trước hết là Hoa Kỳ, cần phải nâng tầm trong chiến lược đối với sáu quốc gia dao động nói trên, “*để ngăn chặn đà suy yếu đáng kể về vị thế của Mỹ trong cán cân quyền lực toàn cầu*”. Khối BRICS – gồm Trung Quốc, Nga và ba quốc gia dao động Ấn Độ, Brazil, Nam Phi – cần phải được đặc biệt chú ý. Với thành viên BRICS Ấn Độ, quốc gia gần gũi với phương Tây, và là đối thủ của

Trung Quốc đặc biệt trong các tranh chấp lãnh thổ, khối đang trỗi dậy này khó có thể bị Trung Quốc và Nga điều khiển. Tuy nhiên, không thể coi nhẹ nguy cơ Trung Quốc và Nga thao túng BRICS, trong bối cảnh ngày càng có nhiều quốc gia Nam Bán Cầu muốn gia nhập khối này. Ít nhất là 19 nước, theo thông tin mới đây.

Đối với chuyên gia Cliff Kupchan, nước Mỹ cần không chỉ cải thiện chính sách với “6 quốc gia dao động”, mà còn cần hướng rộng hơn đến toàn Nam Bán Cầu. Việc khối G7, mời nhiều quốc gia thuộc nhóm nước nói trên đến thượng đỉnh G7 ở Nhật Bản vừa qua, cùng một số đại diện Nam Bán Cầu, là “*một khởi đầu hữu ích, nhưng cần được làm nhiều hơn*”. Nhà chính trị học Cliff Kupchan đặc biệt lưu ý đến việc phương Tây cần “*hiểu biết hơn về tình cảm và niềm tin của giới tinh hoa ở nhiều quốc gia ở Nam Bán Cầu*” để có được thái độ phù hợp hơn.

Muốn có chính sách đúng, cần phải hiểu đúng. Bài tổng thuật của Cliff Kupchan dẫn lại công trình của nhóm Quỹ German Marshall Fund - GMF, công bố cuối năm ngoái, tức 10 năm sau nghiên cứu đầu tiên (nhan đề “[Alliances in a Shifting Global Order: Rethinking Transatlantic Engagement with Global Swing States](#)”, tạm dịch là “*Các liên minh trong một trật tự toàn cầu đang thay đổi: Xem xét lại về cam kết hợp tác Mỹ - Âu với các quốc gia dao động (có tầm ảnh hưởng) toàn cầu*”). Báo cáo của GMF khẳng định : “*việc hiểu rõ hơn về các ưu tiên và lợi ích chiến lược của các quốc gia dao động là điều cần thiết để tăng cường hợp tác với họ trong môi trường địa chính trị đang biến động hiện nay*”. Nghiên cứu về “6 quốc gia dao động” cũng mới là các nghiên cứu ban đầu theo hướng này, bởi theo GMF, việc chọn 6 quốc gia Brazil, Ấn Độ, Indonesia, Ả Rập Xê Út, Nam Phi và Thổ Nhĩ Kỳ để ưu tiên nghiên cứu không có nghĩa đây là các cường quốc bậc trung Nam Bán Cầu duy nhất đáng xếp vào danh sách này.

Chuyên gia Cliff Kupchan cũng chỉ ra một số điểm yếu của các cường quốc bậc trung Nam Bán Cầu, các quốc gia này cũng như đông đảo các nước Nam Bán Cầu đang và sẽ phải gánh chịu nhiều hậu quả do nhiệt độ Trái đất gia tăng. Các cuộc cách mạng công nghệ, bao gồm cả trí tuệ nhân tạo, sẽ tác động mạnh đến “*Nam Bán Cầu*”, nhiều hơn so với các quốc gia dân chủ công nghiệp hóa.... Căng thẳng Mỹ-Trung nếu gia tăng đột ngột và biến thành một cuộc đối đầu kiểu Chiến tranh Lạnh, thì các cường quốc tầm trung cũng sẽ là bên bị tác động rất mạnh, buộc phải liên kết chặt chẽ hơn với bên này hoặc bên kia. Các chính sách sai lầm hoặc không kịp thời với các cường quốc bậc trung Nam Bán Cầu sẽ để lại những hậu quả lớn mang tính toàn cầu. Khẳng định 6 cường quốc bậc trung của Nam Bán Cầu “*quyết định*” cục diện địa chính trị thế giới, như nhận định của chuyên gia Cliff Kupchan, một phần cơ bản cũng là theo ý nghĩa này.

CHÚ THÍCH

(*) Cụm từ “*Global swing states*” được đặt ra dựa trên khái niệm nổi tiếng về một số ít “*swing states*” (hay các “*bang dao động*”), trong hệ thống bầu cử Mỹ: Thắng lợi hay thất bại ở một số bang này có ảnh hưởng quyết định đến kết quả bầu cử tổng thống chung cuộc. Vấn đề vai trò của các quốc gia được gọi là “*global swing states*” và tác động của chúng đến hệ thống chính trị quốc tế được giới chuyên gia chính trị quốc tế đặt ra vào năm 2012, trong bối cảnh Vladimir Putin trở lại nắm tiếp tục nắm quyền tổng thống Nga nhiệm kỳ thứ ba, sau thời gian điều hành đất nước dưới danh nghĩa thủ tướng. Năm 2012 cũng là năm ông Tập Cận Bình lên nắm quyền lãnh đạo Trung Quốc.

(**) [Quỹ Germain Marshall của Hoa Kỳ](#) được thành lập năm 1972, có tôn chỉ thúc đẩy nghiên cứu về chính sách đối với các vấn đề quan trọng cho lợi ích Âu – Mỹ , vì tương lai của nền dân chủ, an ninh, thịnh vượng... GMF có trụ sở chính tại thủ đô Washington, Mỹ, và nhiều văn phòng ở châu Âu. Quỹ Marshall được lập ra nhờ một tài trợ của chính phủ Đức, nhằm tri ân Kế hoạch Marshall của Mỹ, giúp tái thiết châu Âu sau Thế chiến Hai.

ĐỀ HIỂU ĐÚNG HƠN VỀ CÁC NƯỚC NAM BÁN CẦU

Trích đoạn nhận định của các nhà nghiên cứu Quỹ German Marshall Fund về một số “quốc gia dao động”

BRAZIL : HÌNH ẢNH THU NHỎ CỦA NAM BÁN CẦU

Brazil “tìm cách sửa đổi cấu trúc toàn cầu để hướng đến một xã hội đoàn kết, hội nhập khu vực nhiều hơn, và gắn kết nhiều hơn với nhiều quốc gia, mà không cần phải thông qua các phép thử về ý thức hệ, bao gồm cả phép thử về nguyên lý dân chủ. Brazil ủng hộ quan hệ đối tác mạnh mẽ để giúp giải quyết những vấn đề lớn nhất của thế giới, đặc biệt là biến đổi khí hậu toàn cầu và nạn phá rừng, an ninh lương thực và bất bình đẳng.... Brazil có nhiều thế mạnh có thể trở thành các đòn bẩy cho hành động.... đây là một nền dân chủ tỏ rõ sự kiên cường khi bị thách thức, dần dần khẳng định năng lực của đất nước trong việc tham gia giải quyết các ưu tiên toàn cầu... Brazil là hình ảnh thu nhỏ các đặc điểm của Nam Bán Cầu...” (trích theo bài “[Brazil : A Voice of for All ? / Một tiếng nói vì tất cả ?](#)” của chuyên gia về chính trị quốc tế William McIlhenny).

ẤN ĐỘ : NGHIÊNG VỀ PHƯƠNG TÂY

“Việc Ấn Độ im lặng không lên án cuộc chiến tranh ở Ukraina, quan hệ đối tác thân thiết với Nga, và chính sách đối ngoại nghiêng về đa cực và phấn đấu giành quyền tự chủ chiến lược có thể cho thấy điều ngược lại, nhưng trên thực tế, New Delhi đang dần xích lại gần phương Tây. Căng thẳng gia tăng với Trung Quốc đã đánh thức Ấn Độ về nhu cầu cân bằng quyền tự chủ chiến lược với việc liên kết với các đối tác có cùng chí hướng về các vấn đề địa-chính trị cơ bản. Do đó, Ấn Độ đã đa dạng hóa quan hệ đối tác của mình trong những năm gần đây, một phần bằng cách tăng cường quan hệ với Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp và Úc. Quan hệ đối tác với châu Âu nói chung chưa bao giờ mạnh mẽ như hiện nay, như ngoại trưởng Ấn Độ gần đây đã lưu ý. Ấn Độ sẽ vẫn tiếp tục theo đuổi chính sách đối ngoại độc lập, nhưng nước này đã là một đối tác có thể đoán trước được của phương Tây, do những thách thức mà nước này phải đối mặt với Trung Quốc” (trích theo bài “[India: Tilting Westwards](#)” / [Ấn Độ: Nghiêng về phương Tây](#)” của chuyên gia Garima Mohan)

NAM PHI : THEO ĐUỔI ĐA LIÊN KẾT VÀ NỖ LỰC CHO MỘT THẾ GIỚI ĐA CỰC

“Phần lớn ADN (tạm dịch là gốc rễ sâu xa) của Nam Phi với tư cách là một nhà nước hiện đại có thể bắt nguồn từ thời kỳ xây dựng nhà nước mới, sau nhiều thập kỷ thống trị của chế độ phân biệt chủng tộc và quá trình chuyển đổi sang dân chủ vào năm 1994, chấm dứt vị trí của đất nước như một "tiền đồn của phương Tây" ở vùng cực nam châu Phi. Di sản của quá trình chuyển đổi đó có thể quan sát thấy trong nghệ thuật chính trị của quốc gia này: sự gắn bó mật thiết của Nam Phi với Nam Bán Cầu, tiếp cận đề cao các thể chế đa phương và coi hòa giải như một công cụ chính để giải quyết xung đột. Lòng trung thành với những người bạn cũ cũng rất quan trọng về mặt chính trị, thể hiện qua việc Nam Phi nhất quán coi lệnh cấm vận của Mỹ đối với Cuba là bất hợp pháp và phản ứng im lặng của nước này đối với các biện pháp trừng phạt của phương Tây đối với Nga. Nam Phi thấy không có nghĩa vụ pháp lý để thực thi các biện pháp trừng phạt thiếu sự hỗ trợ của Liên Hiệp Quốc... Nam Phi coi mối quan hệ của mình với các nước phương Tây là quan trọng, nhưng chủ yếu mang tính kinh tế. Nam Phi có quan hệ đối tác chính trị sâu sắc hơn với nhiều quốc gia châu Phi khác, với BRICS và nhiều quốc gia ở Nam Bán Cầu. Và, nếu như Nam Phi tự xác định mình là quốc gia không liên kết, chính sách đối ngoại của nước này cho thấy mức độ phức tạp cao hơn, phản ánh lập trường đa liên kết...” (trích “[Nam Phi: Theo đuổi đa liên kết và nỗ lực cho một thế giới đa cực](#)” của Len Ishmael).

6 quốc gia sẽ quyết định tương lai của địa chính trị

Capture à partir de : [nghiencuuquocte](#)



Nguồn: Cliff Kupchan, "[6 Swing States Will Decide the Future of Geopolitics](#)," *Foreign Policy*, 06/06/2023

Biên dịch: Nguyễn Thị Kim Phụng

Các cường quốc tầm trung ở phương Nam nên là trọng tâm trong chính sách của Mỹ.

Tháng trước, Tổng thống Ukraine Volodymyr Zelensky đã có một chuyến đi hiếm hoi ra khỏi Ukraine, dành gần một tuần ở Jeddah, Ả Rập Saudi và Hiroshima, Nhật Bản. Mục tiêu của ông là giành được sự ủng hộ của Brazil, Ấn Độ, Indonesia, và Ả Rập Saudi – bốn quốc gia đang giữ thái độ trung lập trước cuộc chiến của Nga ở Ukraine. Họ và các quốc gia hàng đầu khác ở phương Nam đang có nhiều quyền lực hơn bao giờ hết, và những lý do cho sức mạnh địa chính trị mới của họ bao gồm: họ có nhiều quyền tự quyết hơn, họ được hưởng lợi từ quá trình khu vực hóa, và họ có thể tận dụng căng thẳng Mỹ-Trung.

Các cường quốc tầm trung ngày nay có nhiều quyền tự quyết hơn bao giờ hết kể từ sau Thế chiến II. Đây là những quốc gia có đòn bẩy địa chính trị đáng kể, nhưng vẫn yếu hơn so với hai siêu cường trên thế giới là Mỹ và Trung Quốc. Những cái tên ở phương Bắc bao gồm Pháp, Đức, Nhật Bản, Nga, Hàn Quốc, và nhiều nước khác. Ngoại trừ Nga, các quốc gia này không

cho chúng ta biết nhiều về động lực đang thay đổi của quyền lực và ảnh hưởng, vì họ nhìn chung vẫn đang liên kết với Mỹ.

Nhân tố thú vị hơn là sáu cường quốc tầm trung ở phương Nam: Brazil, Ấn Độ, Indonesia, Ả Rập Saudi, Nam Phi, và Thổ Nhĩ Kỳ. Các quốc gia “dao động” này không hoàn toàn liên kết với một siêu cường nhất định và do đó có thể tạo ra các động lực quyền lực mới. Sáu nước này đều là thành viên của G-20 và hoạt động tích cực cả về địa chính trị lẫn địa kinh tế. Họ cũng đóng vai trò như thước đo tác động của các xu hướng địa chính trị rộng lớn hơn ở phương Nam.

Có nhiều lý do giải thích cho tầm quan trọng ngày càng tăng của sáu quốc gia này, nhưng chúng có thể được gộp lại thành hai nhóm lớn: các phát triển trong lịch sử và các xu hướng toàn cầu gần đây. Trước tiên, những diễn biến kể từ Chiến tranh Lạnh đã trao cho các cường quốc tầm trung này nhiều quyền tự quyết hơn trong quan hệ quốc tế. Chiến tranh Lạnh dẫn đến sự phân chia thế giới thành các khối đối lập, vì thế sáu quốc gia kể trên cũng phải liên kết với một khối nhất định. Tiếp theo, kỷ nguyên đơn cực của Mỹ đòi hỏi hầu hết các quốc gia phải trung thành với Washington. Nhưng giai đoạn lưỡng cực Trung-Mỹ ngày nay yếu hơn, nên tất cả các cường quốc tầm trung đều có nhiều quyền tự quyết hơn.

Thêm nữa, thế giới đã và đang phi toàn cầu hóa theo những cách quan trọng trong hai thập niên vừa qua, và kết quả là các quan hệ địa chính trị và địa kinh tế mới đang dần hình thành ở cấp độ khu vực. Các quốc gia dao động đều là những nhà lãnh đạo khu vực và họ đã trở nên quan trọng hơn khi quyền lực được chuyển giao cho các khu vực của họ. Xu hướng sản xuất ở quốc gia lân cận (near-shoring, chuyển chuỗi cung ứng về các nước láng giềng) và sản xuất ở quốc gia bằng hữu (friend-shoring, chuyển chuỗi cung ứng từ đối thủ sang nước có cùng chí hướng) đang khiến một số công ty và quan hệ thương mại rời khỏi Trung Quốc để đến các khu vực khác, chủ yếu ở

nam bán cầu. Một số quốc gia dao động ở phương Nam sẽ có thể trở thành những trung tâm thương mại khu vực bận rộn hơn nữa. Ví dụ điển hình là Ấn Độ, nơi mà một số công ty Mỹ đang thiết lập quy trình sản xuất và chuỗi cung ứng mới. Thị trường năng lượng cũng mang tính khu vực hơn, theo đó mang lại lợi ích cho Ả Rập Saudi. Tương tự, thủ đô Riyadh của Ả-rập Saudi đang nổi lên như một trung tâm tài chính khu vực. Ngoài ra, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) còn nhấn mạnh rằng thế giới đang bị phân mảnh, và trong một thế giới đang phân mảnh, các cường quốc tầm trung của từng khu vực sẽ đóng một vai trò ngày càng quan trọng.

Thứ ba, vào thời Chiến tranh Lạnh, Ấn Độ và Indonesia vừa thoát khỏi chế độ thực dân, nên vai trò toàn cầu của họ còn bị hạn chế trong giai đoạn lưỡng cực. Nhưng ngày nay, sáu quốc gia dao động là những chủ thể hoàn toàn tự chủ. Và họ không chỉ là hiện thân mới của Phong trào Không liên kết, hay các nhóm khác do các nước phương Nam thống trị – chẳng hạn như G-77 và BRICS (Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi), vốn không thực sự mạnh. Tất cả các nhóm này đều có liên quan đến một số quan hệ ý thức hệ, nhưng sáu quốc gia dao động thì không. Việc vắng mặt ý thức hệ giúp các quốc gia này tự do lựa chọn cách tiếp cận theo từng vấn đề riêng trong chính sách đối ngoại, từ đó nâng cao tác động tổng hợp của họ đối với các vấn đề quốc tế.

Các động lực khác cho sức mạnh của các quốc gia dao động bắt nguồn từ các xu hướng toàn cầu gần đây hơn. Quyền lực của các quốc gia dao động đã tăng lên nhờ đòn bẩy mà họ có được từ sự cạnh tranh và đối đầu đã trở thành nét đặc trưng cho quan hệ Mỹ-Trung. Hai siêu cường đều muốn các quốc gia dao động liên kết với mình, từ đó tạo cơ hội cho các quốc gia dao động tận dụng tình thế. Ví dụ, quyền lực và đòn bẩy của Ấn Độ đã tăng lên đáng kể từ khi nước này tham gia Đối thoại An ninh Tứ giác, Quad, nỗ lực quan trọng nhất do Mỹ lãnh đạo nhằm cân bằng với Trung Quốc. Trong lúc đó, Brazil và

Indonesia đã được hưởng lợi khi Trung Quốc xúc tiến các giao dịch khoáng sản quan trọng, đặc biệt là lithium, niken, và nhôm. Một nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng dù mỗi nước trong số sáu quốc gia dao động có thể hướng về Mỹ hoặc Trung Quốc trong một vấn đề cụ thể nào đó, nhưng cả sáu nước vẫn tương đối cân bằng về mặt liên kết. Hiện tại, họ vẫn có thể tận dụng sự đối đầu giữa hai siêu cường trong nhiều lĩnh vực, chỉ ngoại trừ công nghệ nền tảng, bao gồm chất bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ lượng tử, viễn thông 5G, và công nghệ sinh học – vốn là các lĩnh vực mà họ buộc phải lựa chọn giữa Mỹ hoặc Trung Quốc.

Tương tự, các quốc gia dao động ở phương Nam, với nền kinh tế lớn và đang phát triển, hiện sở hữu đòn bẩy trong các chính sách khí hậu quốc tế. Sẽ không có giải pháp thiết thực nào cho vấn đề ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu nếu không có sự tham gia của các quốc gia này. Thị trường carbon sẽ ngày càng mang lại nguồn lực cho các cường quốc tâm trung này, bất kể tác động thực tế của họ đối với lượng khí thải carbon, bởi vì các công ty phương Tây cần mua các khoản đền bù carbon (carbon offsets) nếu muốn đạt phát thải bằng không (net-zero status). Nói rộng hơn, các chính sách về phá rừng và khử cacbon cần có sự tham gia mang tính xây dựng của các quốc gia dao động – cụ thể là Brazil và Indonesia về phá rừng, và Ấn Độ và Indonesia về khử cacbon, đặc biệt liên quan đến việc sử dụng than. Cuối cùng, Thỏa thuận Hợp tác Chuyển dịch Năng lượng Công bằng (Just Energy Transition Partnership, JETP) đang tập trung vào việc tìm kiếm các giải pháp sáng tạo để tài trợ cho các mục tiêu khí hậu, với Nam Phi và Indonesia là những nước nhận tài trợ đầu tiên. Dù cho đến nay kết quả của JETP chưa thực sự khả quan, nhưng đây vẫn là ví dụ về hai cường quốc tâm trung đảm nhận vai trò lãnh đạo về chính sách khí hậu.

Sáu quốc gia dao động đã đóng một vai trò quan trọng trong các biện pháp trừng phạt và việc định hình các quan điểm về

cuộc chiến ở Ukraine. Ngay từ đầu, họ đã từ chối ủng hộ viện trợ quân sự của phương Tây cho Ukraine, và cũng từ chối ủng hộ lệnh trừng phạt đối với Nga. Họ lập luận rằng chiến tranh chỉ ảnh hưởng đến an ninh châu Âu chứ không phải toàn cầu, và nó không thúc đẩy lợi ích quốc gia của họ – về phát triển, giảm nợ, an ninh lương thực, an ninh năng lượng, và các lĩnh vực khác.

Tuy nhiên, tác động quan trọng nhất của các quốc gia này đối với cuộc chiến là vai trò lãnh đạo của họ trong việc phản đối – và trong một số trường hợp, là làm suy yếu – các biện pháp trừng phạt của phương Tây đối với Nga. Thổ Nhĩ Kỳ là một trong số các nước đã giúp vận chuyển một lượng lớn các mặt hàng lương thực sang Nga, vi phạm tinh thần và thậm chí là nội dung của lệnh trừng phạt của phương Tây. Vì hành động này, Mỹ đã trừng phạt bốn công ty Thổ Nhĩ Kỳ. Hầu hết các cường quốc tầm trung khác vẫn kiên quyết giữ thái độ trung lập, riêng Nam Phi nghiêng về phía Nga. Cả sáu nước đều duy trì hoặc tăng cường thương mại và các quan hệ khác với Nga kể từ khi bắt đầu chiến tranh.

IMF dự đoán rằng nền kinh tế Nga sẽ tăng trưởng 0,7% trong năm nay – chắc chắn không phải là điều mà phương Tây kỳ vọng. Các quốc gia dao động đã giúp Nga giảm bớt tác động của các biện pháp trừng phạt, và họ sẽ tiếp tục làm như vậy. Các nước này là một trong những lý do khiến Điện Kremlin tin rằng họ có thể sống sót bằng cách điều hướng thương mại về phía nam và phía đông.

Đòn bẫy gia tăng đáng kể của các cường quốc tầm trung ở phương Nam cũng được thể hiện rõ ràng trong các sáng kiến hòa giải của họ. Thổ Nhĩ Kỳ là quốc gia bên ngoài có ảnh hưởng lớn nhất trong cuộc chiến ở Ukraine. Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ Recep Tayyip Erdogan là nhà đàm phán chính của các thỏa thuận ngũ cốc; ông đã tham gia vào đàm phán hòa bình từ khi bắt đầu chiến tranh, và có vị trí thuận lợi để hỗ trợ đàm

phán trong tương lai nếu được các bên tham chiến lựa chọn. Tổng thống Brazil Luiz Inácio Lula da Silva cũng đã đưa ra sáng kiến của riêng mình. Trong khi đó, Ấn Độ đã tự định vị vai trò trung gian hòa giải tương lai một cách lạng lẽ hơn. Các quốc gia này hiện cũng đang có vị trí thuận lợi để hòa giải các cuộc xung đột khác. Vị thế của Ấn Độ trong lĩnh vực này đặc biệt cao, một phần là vì tính đến tháng 2, nước này đã đóng góp 8% lực lượng gìn giữ hòa bình đang hoạt động của Liên Hiệp Quốc. Indonesia và Nam Phi cũng đang tích cực làm trung gian hòa giải và gìn giữ hòa bình.

Cuối cùng, chuyên môn khoa học và kỹ thuật của sáu quốc gia dao động này có thể giúp họ sở hữu vũ khí hạt nhân trong tương lai. Trường hợp phổ biến vũ khí hạt nhân tiếp theo, nếu nó xảy ra, rất có thể sẽ là ở một quốc gia ở phương Nam. Dù điều này khó mà xảy ra trong tương lai gần, đặc biệt là sau khi nước này nối lại quan hệ hữu nghị với Ả Rập Saudi, nhưng Iran vẫn là nguy cơ hạt nhân nguy hiểm nhất thế giới. Chỉ còn vài bước công nghệ nữa là họ sẽ trở thành một cường quốc hạt nhân tiềm năng – có thể chế tạo bom trong một khoảng thời gian ngắn. Nếu quan hệ với Riyadh suy giảm mạnh và Tehran quyết định chế tạo bom hạt nhân, Ả Rập Saudi và có lẽ cả Thổ Nhĩ Kỳ cũng sẽ tìm kiếm một quả bom. Đó là lý do tại sao Ả Rập Saudi được cho là đã yêu cầu sự đảm bảo hạt nhân từ Mỹ, cùng với nhiều nhượng bộ khác, để đổi lấy việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Israel – nếu không thể trang bị vũ khí hạt nhân, Riyadh muốn chí ít cũng được bảo vệ bởi chiếc ô hạt nhân.

Sự tập trung vào khối BRICS như là đối trọng chính đối với sự thống trị của phương Tây đã che khuất những điểm thú vị về phương Nam, bởi việc xem xét Trung Quốc và Nga trong BRICS đã che khuất sự trỗi dậy của các quốc gia dao động.

Trung Quốc hiện là một trong hai siêu cường trong một thế giới lưỡng cực. Vậy nên rất khó để xem nước này là một cường

quốc phương Nam, chủ yếu là bởi sức mạnh kinh tế và tham vọng địa chính trị sâu rộng của Trung Quốc đã khiến nước này trở thành một kiểu nhà nước khác. Trong khi đó, Nga là một cường quốc tầm trung, nhưng đang suy tàn. Nước này cũng tiếp cận thế giới theo chủ nghĩa xét lại, vốn là quan điểm mà các quốc gia dao động không chia sẻ. Vì vậy, chính sách của Trung Quốc và Nga cần phải được giải thích bằng một logic khác với logic thúc đẩy các quốc gia dao động.

Tuy nhiên, câu hỏi vẫn là liệu các quốc gia BRICS có trở thành một thể chế chính thức hơn dưới sự chỉ đạo của Trung Quốc, nước tuyên bố đại diện cho phương Nam, hay không. Triển vọng đó rõ ràng là một thách thức đối với phương Tây, đặc biệt là khi 19 quốc gia khác đã bày tỏ mong muốn gia nhập. Nhưng nguy cơ khó có thể thành hiện thực. Ấn Độ là một quốc gia BRICS có ảnh hưởng và sẽ kiên quyết phản đối những nỗ lực của Trung Quốc nhằm mở rộng nhóm. Ả Rập Saudi, Brazil, Thổ Nhĩ Kỳ (một thành viên NATO), Ấn Độ, và thậm chí cả Nam Phi vẫn có nhiều quan hệ quan trọng với Mỹ và các nước phương Tây, dù là về an ninh hay thương mại. Dù họ đã rời xa Mỹ, nhưng điều đó khác với việc gia nhập một tổ chức do Trung Quốc chỉ đạo, được Nga hỗ trợ tích cực, và có mục đích chống lại Mỹ. Cho đến nay, BRICS vẫn chưa thể hiện khả năng xây dựng và triển khai một chương trình nghị sự chung, do đó, có rất ít sức mạnh thể chế để Trung Quốc mở rộng nhóm. Cuối cùng, BRICS hoạt động trên cơ sở đồng thuận. Vì vậy, việc bổ sung các thành viên mới với lợi ích riêng của họ sẽ khiến việc đạt được sự đồng thuận càng khó hơn.

Vài người có thể không cho rằng sáu quốc gia dao động này là các cường quốc cần được theo dõi, bởi cả sáu nước vẫn là những thị trường mới nổi và đã phải trải qua khó khăn kinh tế trong những năm gần đây. Ngoại trừ Ấn Độ, tốc độ tăng trưởng ở các quốc gia dao động không đáp ứng được kỳ vọng. Nhóm này cũng tụt hậu trong việc phát triển các thể chế hỗ trợ pháp quyền. Các cuộc cách mạng công nghệ, bao gồm cách mạng trí

tuệ nhân tạo, sẽ tác động mạnh đến phương Nam hơn các nền dân chủ công nghiệp hóa tiên tiến, vì phương Nam có ít nguồn lực hơn để chống lại các tác động nguy hiểm về mặt chính trị của AI tạo sinh. Và ngay cả khi các mục tiêu khí hậu mang lại đòn bẩy cho các quốc gia dao động, thì các tác động liên quan đến khí hậu cũng sẽ gây thiệt hại đáng kể cho một vài trong số họ.

Tuy nhiên, vẫn hợp lý khi cho rằng các cường quốc này đã và sẽ tiếp tục trở nên quyền lực hơn về mặt địa chính trị. Họ có thể tận dụng đòn bẩy từ một số xu hướng toàn cầu và hiện đã có những biểu hiện rõ ràng về quyền lực mới của họ.

Hàm ý chính sách quan trọng nhất là Washington cần nâng tầm chiến lược đối với sáu quốc gia dao động, để ngăn nước Mỹ bị suy yếu vị thế trong cân bằng quyền lực toàn cầu. Kể từ khi các quốc gia dao động từ chối ủng hộ Mỹ trong cuộc chiến Nga-Ukraine hoặc trong cuộc cạnh tranh với Trung Quốc, họ đã ngày càng trở nên xa cách với Mỹ. Mối đe dọa về việc Trung-Nga mở rộng BRICS – qua đó mở rộng phương Nam – là có thật, và nó cần phải được giải quyết.

Washington cần phải có một chiến lược ngoại giao khôn ngoan, không chỉ đối với từng quốc gia trong số sáu quốc gia dao động chủ chốt, mà còn đối với phương Nam toàn cầu nói chung. Việc mời các quốc gia dao động tham dự cuộc họp gần đây của G-7 là một khởi đầu hữu ích, nhưng cần hành động nhiều hơn nữa. Một chiến lược tốt hơn sẽ bắt đầu với các chuyến thăm cấp cao của các nhà ngoại giao chủ chốt của Mỹ. Chính sách mới cũng nên bao gồm một chiến lược thương mại linh hoạt hơn, cho phép tiếp cận thị trường Mỹ. Nói rộng hơn, Mỹ cần có khả năng dự đoán tốt hơn các phản ứng của sáu quốc gia dao động, và của toàn bộ phương Nam, đối với các quyết định chính sách quan trọng của Mỹ. Chẳng hạn, việc phương Nam xa lánh chính sách của phương Tây đối với cuộc chiến của Nga đã khiến Washington phải ngạc nhiên. Kể từ khi cuộc xâm lược nổ

ra vào tháng 2/2022, Mỹ đã liên tục chơi trò “đuổi bắt” – nhưng thậm chí còn không giỏi trò đó. Loại khả năng dự đoán này đòi hỏi sự thấu hiểu tình cảm và niềm tin của giới tinh hoa ở nhiều quốc gia phương Nam.

Thứ hai, sức mạnh và đòn bẩy của các quốc gia dao động, chính xác hơn là của các cường quốc tầm trung, sẽ bị ảnh hưởng nếu căng thẳng Mỹ-Trung gia tăng đột ngột và biến thành một cuộc đối đầu kiểu Chiến tranh Lạnh. Phân tách Mỹ-Trung sẽ mở rộng, và các quốc gia dao động rồi sẽ phải liên kết với bên này hoặc bên kia.

Cuối cùng, do sự trỗi dậy của các quốc gia dao động, ngày càng có nhiều quốc gia trên thế giới có đòn bẩy đối với các kết quả địa chính trị. Giữa các quốc gia này, không có một mô hình hành vi rõ ràng nào ngoài việc tích cực theo đuổi lợi ích quốc gia. Giờ đây, đã xuất hiện nhiều động lực hơn trong mọi vấn đề địa chính trị. Điều đó làm cho việc dự đoán kết quả địa chính trị, vốn đã là một công việc khó khăn, sẽ còn khó khăn hơn nữa.

Bài tiểu luận này được chuyển thể từ một báo cáo gửi cho các khách hàng của Eurasia Group.

Cliff Kupchan là chủ tịch của Eurasia Group.

Ukraine phải thắng Nga – nếu không tất cả chúng ta sẽ thua

September 4, 2023

Capture à partir de : [baocalitoday](https://www.baocalitoday.com)



Simon Tisdall

Moscow sẽ không ngừng dã tâm muốn khuất phục Kiev. Nga luôn muốn thôn tính toàn bộ nước Ukraine.

Đó là lý do tại sao các đồng minh NATO phải phớt lờ việc đàm phán và liên tục hỗ trợ cho Ukraine để chiến đấu và để giành chiến thắng.

Sau 18 tháng chiến tranh kinh hoàng ở Ukraine, có quá nhiều chính trị gia nổi tiếng ở Mỹ và châu Âu dường như không thể hoặc không muốn hiểu đến mức đe dọa hiện hữu mà nước Nga của Vladimir Putin đặt ra cho tất cả mọi người trên thế giới này, trong đó có cả nước Mỹ.

[Mời xem video bài bình luận qua Youtube](#)

Họ chỉ đơn giản cho rằng, cuộc chiến này, giống như các cuộc xung đột khác, cuối cùng rồi sẽ kết thúc trong các cuộc đàm phán. Tuy nhiên, Nga không yêu cầu gì hơn ngoài việc Ukraine phải đầu hàng hoàn toàn – và dĩ nhiên, điều đó sẽ không bao giờ xảy ra.

Áp lực đàm phán đang tăng lên khi một bước đột phá quân sự vượt quá khả năng của lực lượng Ukraine. Ở mặt trận, sự thất vọng dẫn đến leo thang và mở rộng đáng báo động về mặt địa lý của cuộc chiến. Nhiều cuộc tấn công bằng máy bay không người lái vào sâu bên trong nước Nga vào tuần trước đã làm tăng thêm mối lo ngại này. Nỗi sợ hãi về cuộc đói đầu hạt nhân, nạn đói gia tăng ở các nước nghèo thiếu ngũ cốc và “sự mệt mỏi vì chiến tranh” của công chúng, tất cả đều thúc đẩy các cuộc đàm phán.

Nicolas Sarkozy, một cựu tổng thống Pháp, lẽ ra phải biết rõ hơn, là người mới nhất gia nhập hàng ngũ các chính trị gia Pháp, Đức và Ý chủ yếu là cánh hữu và cánh tả cứng rắn, những người muốn làm lành với Putin.

Nhắc lại yêu cầu của Nga, ông Nicolas Sarkozy nói Ukraine phải chấp nhận mất vĩnh viễn Crimea và các vùng lãnh thổ bị chiếm đóng khác, đồng thời bị loại khỏi NATO và EU. Ông nói Nga và Pháp nên “tái thiết lập quan hệ láng giềng”.

Áp lực từ Mỹ về việc cắt viện trợ cho Ukraine và buộc giải quyết hòa bình dường như sẽ gia tăng, bất kể Joe Biden có tái đắc cử vào năm tới hay không. Nếu Donald Trump chiến thắng, ông ta có thể cố gắng áp đặt một thỏa thuận nhanh chóng – và rút lui khỏi Ukraine.

Sau cuộc đàm phán gồm 40 quốc gia được tổ chức gần đây tại Saudi Arabia, Josep Borrell, người đứng đầu chính sách đối ngoại của EU, cho biết ông đang lên kế hoạch cho một “cuộc họp cấp cao” về Ukraine, có thể là tại đại hội đồng Liên Hợp Quốc vào cuối tháng này.

Nhưng Joseph Borrell không nằm trong số những người tìm cách gây áp lực buộc Ukraine phải ngừng chiến đấu hoặc nhượng bộ. Nghe có vẻ bi quan, ông chỉ trích gay gắt các chính phủ đã không trang bị vũ khí cho Ukraine sớm hơn, nhanh hơn, nhiều hơn và tốt hơn. Joseph Borrell nói rằng: “**Khi chúng ta quyết định giúp đỡ một quốc gia bị quân đội Nga xâm lược... việc do dự có thể**

phải trả giá rất đắt. Nếu các quyết định được đưa ra nhanh hơn và viện trợ vũ khí dồi dào và nhanh hơn, thì có lẽ cuộc chiến đã đi theo một con đường khác và trong mọi trường hợp, chúng ta đã cứu thêm được nhiều mạng sống.”

Tuy nhiên, tất cả những điều qua lại này đều giả định rằng Putin sẵn sàng đàm phán – một giả định rất đáng nghi ngờ. Khi mùa đông đang quay trở lại, trong bối cảnh chiến trường bế tắc và các cuộc bầu cử xoay chiều ở châu Âu và Mỹ sắp diễn ra, có lẽ Putin nghĩ rằng, mình vẫn còn thời gian.

Dự luận Nga cũng có thể đang thay đổi, không ủng hộ chiến tranh nhiều bằng việc chấp nhận thất bại. Cuộc thăm dò gần đây được trích dẫn bởi nhà phân tích Tatiana Stanovaya của Carnegie cho thấy các cuộc tấn công bằng máy bay không người lái của Ukraine có thể đang tập hợp người Nga ủng hộ Điện Kremlin.

Stanovaya viết rằng: **“Các cuộc tấn công không hề làm tăng mong muốn của công chúng về các cuộc đàm phán hòa bình hoặc sự rút quân của Nga. Nếu có bất cứ điều gì, đất nước này đang trở nên quyết tâm hơn trong cuộc chiến... vì mối lo lắng tuyệt vọng hơn cho chính sự sống còn của mình.”**

Điện Kremlin đã nhiều lần nói rõ rằng chỉ có sự đầu hàng hoàn toàn của Ukraine mới được chấp nhận làm cơ sở cho một thỏa thuận hòa bình.

Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, ý tưởng về việc các khối đối địch chiến đấu như những kẻ thù không đội trời chung dường như là dự thừa. Nhưng Putin và những người đồng cấp của ông ta chưa bao giờ chấp nhận một **“trật tự thế giới mới”** của George HW Bush. Đối với Putin, việc tiếp tục tiến hành một cuộc đấu tranh chống phương Tây là bối cảnh và mục đích rộng lớn hơn của cuộc chiến.

Các yếu tố khác khiến một tiến trình hòa bình có ý nghĩa trở nên khó khả thi. Bất kỳ lệnh đình chiến nào đóng băng hiện trạng sẽ mang lại lợi ích cho sự xâm lược của Nga – và hầu hết

người Ukraine thà chết chứ không chấp nhận. Một giải pháp thiếu sự bồi thường hoặc trách nhiệm giải trình đối với tội ác chiến tranh sẽ không bao giờ có thể tồn tại được.

Putin đang tăng cường gấp đôi cuộc thập tự chinh cá nhân của mình: một sự phục hưng địa chính trị của nước Nga, mà vì nó ông ta sẽ mạo hiểm tất cả để đạt được.

Kêu gọi chấm dứt chiến tranh đồng nghĩa với việc “chấm dứt tham vọng đế quốc của Nga ở khu vực này của châu Âu”. Các chính phủ châu Âu “không thể chấp nhận cuộc chiến ở Ukraine như một điều bình thường mới”. Họ nên nhanh chóng tăng cường hỗ trợ quân sự để bảo đảm chiến thắng cho Ukraine.

Tuy nhiên, Putin – không khoan nhượng, cứng rắn, tàn nhẫn – vẫn không hề nhúc nhích.

Ngay cả khi một thỏa thuận ngừng bắn ở Ukraine được đồng ý bằng cách nào đó, Putin rất có thể sẽ coi đó là một “**sự tạm dừng chiến thuật**” trước cuộc tấn công dữ dội tiếp theo của ông ta.

Các nhà lãnh đạo phương Tây, chủ yếu là Biden của Mỹ, Emmanuel Macron của Pháp, Olaf Scholz của Đức và Rishi Sunak của Anh, phải nhận ra thực tế này – và cần đồng lòng hỗ trợ hết mình bằng mọi thứ họ có để Ukraine có thể tiếp tục chiến đấu để giành chiến thắng.

Lời kết:

Và đây là những gì mà phương Tây cần làm, đó là: chào mừng Ukraine gia nhập NATO và EU ngay lập tức. Cung cấp các bảo đảm an ninh và các tuyến đường biển an toàn ngay bây giờ, được hỗ trợ bởi hỏa lực của NATO, tạo ra các đường ranh giới rõ, gửi thêm nhiều vũ khí, máy bay và lập vùng cấm bay. Cảnh báo Trung Quốc, Iran và Triều Tiên lùi bước, đừng nhúng tay vào cuộc chiến Ukraine.

Hãy ngừng nói về các cuộc đàm phán. Ukraine sẽ không thể có hòa bình cho đến khi Nga rút quân vô điều kiện và trả lại các vùng lãnh thổ đã chiếm trái phép

Ukraine phải thắng Nga – nếu không tất cả chúng ta sẽ thua.

Translated & Summarized

Việt Linh

Yếu tố Việt Nam trong cuộc đối đầu đầu Mỹ - Trung

Đăng ngày: 07/09/2023 - 16:00

Capture à partir de :[RFI](#)

Tổng thống Hoa Kỳ Biden có rất nhiều lý do chọn công du Việt Nam vào thời điểm này sau khi dự thượng đỉnh G20 tại New Delhi - Ấn Độ. Ấn Độ cũng như Việt Nam là hai nước láng giềng sát cạnh với Trung Quốc, cùng có tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên bộ và trên biển với Bắc Kinh. Riêng Việt Nam còn có lợi thế về kinh tế vào lúc mà nhiều tập đoàn Mỹ đi tìm những "bãi đắp" mới thay thế cho Trung Quốc.



Ảnh tư liệu : Tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam (phía sau) và phó tổng thống Mỹ Joe Biden tại bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Washington, ngày 07/07/2015.AP - Manuel Balce Ceneta

Căng thẳng về thương mại kéo dài giữa Washington với Bắc Kinh đã khiến nhiều hãng của Mỹ và của nhiều nước khác như Hàn Quốc hay Đài Loan « *trực chỉ* » Việt Nam, xem quốc gia

này là một giải pháp thay thế cho Trung Quốc. Ngân Hàng Thế Giới dự phóng tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 đạt 6,3 % lại càng thúc đẩy đầu tư nước ngoài quan tâm đến quốc gia này. Trong tám tháng đầu năm nay, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam đã đạt 18 tỷ đô la, tăng 8 % so với cùng thời kỳ năm ngoái.

Theo một số nhận định, tiềm năng đó của Việt Nam là một trong những lý do đưa ông Biden đến Hà Nội với mục đích « *đẩy mạnh quan hệ về kinh tế và công nghệ* ». Washington xem quốc gia Đông Nam Á này là một « *đối tác then chốt* » để Mỹ bớt phụ thuộc vào Trung Quốc trong một số lĩnh vực.

Nhưng có lẽ đối với Nhà Trắng, Việt Nam là một mắt xích quan trọng trong chiến lược Ấn Độ -Thái Bình Dương, mà mục tiêu chính nhằm kiềm tỏa ảnh hưởng của Trung Quốc ở khu vực này. Phát ngôn viên của tổng thống Hoa Kỳ, bà Karine Jean-Pierre, từng ghi nhận Việt Nam là một « *đối tác giá trị* » cho phép mở rộng bang giao với vùng Đông Nam Á. Từ năm 2015, Indonesia đã trở thành « *đối tác chiến lược toàn diện* » của Mỹ. Trong chuyến công du Việt Nam lần này, rất có thể Hà Nội và Washington sẽ nâng bang giao hai nước lên mức cao nhất, sau 10 năm quan hệ « *đối tác toàn diện* ».

Cố vấn an ninh quốc gia của Nhà Trắng, Jake Sullivan, trong cuộc họp báo cách nay 2 ngày đã giải thích « *đối tác chiến lược toàn diện* » với Mỹ sẽ mang lại « *an ninh, ổn định và thịnh vượng chung trong vùng Ấn Độ - Thái Bình Dương* ».

Hôm đầu tháng, ông Biden đã khẳng định chính phía Việt Nam mong muốn nâng cấp quan hệ với Mỹ để chứng minh với Bắc Kinh rằng họ « *không đơn độc* ». Trái lại, một số nhà bình luận cho rằng, Nhà Trắng đang muốn tranh thủ cảm tình của Hà Nội vào lúc mà Trung Quốc và Nga đều đã thiết lập quan hệ « *đối tác chiến lược toàn diện* » với Việt Nam, Trung Quốc là từ năm 1998.

Chuyến công du Việt Nam của tổng thống Biden lần này diễn ra vào lúc căng thẳng giữa Hà Nội với Bắc Kinh ở Biển Đông lại vừa nổi lên qua hai sự kiện : ảnh vệ tinh mới cho thấy Trung Quốc tiếp tục bồi đắp các đảo nhân tạo và Bắc Kinh vừa công bố bản đồ « *tiêu chuẩn 2023* ». Nói cách khác, đây là « *cơ hội* » tốt để tổng thống Hoa Kỳ thăm Việt Nam.

Trên báo Nhật The Diplomat ngày 06/09/2023, tiến sĩ Nguyễn Hồng Hải, đại học tự thực VinUniversity, đưa ra nhiều yếu tố có lợi cho ông Biden trong chuyến đi Việt Nam lần này. Thứ nhất là thắt chặt quan hệ cá nhân với các lãnh đạo Việt Nam, đứng đầu là nhân vật quyền lực nhất, tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng. Thứ hai là ghi khắc tên ông vào bang giao Mỹ - Việt, giống như hai đời tổng thống tiền nhiệm, cũng thuộc đảng Dân Chủ, là Barack Obama và Bill Clinton. Năm 2016, tổng thống Obama đã xóa bỏ lệnh cấm bán vũ khí cho Việt Nam. Còn tổng thống Clinton vào năm 1995 đã tái lập bang giao với nước cựu thù Việt Nam. Giờ đây sẽ là cơ hội để tổng thống Biden từ Việt Nam thông báo nâng quan hệ song phương lên nấc cao nhất.

Nhưng sự hiện diện của tổng thống Biden tại Hà Nội sẽ được truyền thông quốc tế chú ý đến rất nhiều bởi đây sẽ còn là một thông điệp mạnh của Nhà Trắng về chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương. Giới quan sát cho rằng với việc dừng chân tại Việt Nam, một quốc gia Đông Nam Á có tranh chấp chủ quyền biên giới với Trung Quốc, Washington gián tiếp nói lên « *lợi ích của khu vực với Hoa Kỳ* ». Đây là cách để xoa tan những chỉ trích rằng Joe Biden lơ là các nước Đông Nam Á khi vắng mặt tại thượng đỉnh Jakarta, chỉ cử phó tổng thống Kamala Harris đến dự.

Về phía Việt Nam, cái khó là làm thế nào để mối quan hệ « *đối tác chiến lược toàn diện* » với Mỹ không làm phật lòng Trung Quốc, một nước láng giềng quá lớn ở sát cạnh. Chẳng thế mà 5 ngày trước khi đón tổng thống Biden, hôm 05/09 tại Hà Nội, tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng đã

tiếp trưởng Ban Liên lạc Đối ngoại Trung ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc Lưu Kiến Siêu.

Quan hệ Mỹ - Việt trong bàn cờ chiến lược Mỹ - Trung

10/08/2021

Capture à partir de : nghiencuuquocte



Tác giả: Nguyễn Quang Dy

Mấy năm qua, tuy quan hệ Mỹ-Việt đã có những bước tiến dài, nhưng phải đặt quan hệ song phương trong bối cảnh an ninh khu vực và bàn cờ chiến lược Mỹ-Trung. Không phải ngẫu nhiên mà tàu sân bay Mỹ đã đến thăm Đà Nẵng hai lần, và Mỹ đã chuyển giao cho Việt Nam hai tàu tuần duyên lớp Hamilton, nhằm nâng cao năng lực hàng hải. Đó mới chỉ là bước đầu. Vai trò trung tâm của ASEAN và vai trò trụ cột của “Bộ Tứ” (Quad) ngày càng quan trọng trong cơ chế an ninh khu vực, theo tầm nhìn Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương.

Trong sáu tháng đầu năm 2021, tuy Mỹ nhấn mạnh tầm nhìn Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, nhưng đã chú trọng nhiều hơn đến khu vực Châu Âu, Trung Đông, và Đông Bắc Á, trong khi có phần coi nhẹ Đông Nam Á. Vì vậy trong sáu tháng cuối năm, Washington phải tăng cường quan hệ với các nước ở khu vực

này. Đó là bối cảnh chuyến thăm Singapore và Việt Nam của phó tổng thống Kamala Harris trong tháng 8, tiếp theo chuyến thăm của bộ trưởng quốc phòng Lloyd Austin tới Singapore, Việt Nam, và Philippines cuối tháng 7 vừa rồi.

Theo người phát ngôn Nhà Trắng, phó tổng thống Kamala Harris sẽ thăm chính thức Singapore và Việt Nam từ ngày 20 đến ngày 26/8/2021. Đây là lần đầu tiên một phó tổng thống đương nhiệm của Mỹ thăm Việt Nam. Chuyến thăm của bà Harris sẽ tập trung vào bốn vấn đề lớn. Một là nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ hợp tác toàn diện và đối tác chiến lược trong chính sách đối ngoại của chính quyền Biden. Hai là cam kết của Mỹ đối với nỗ lực thúc đẩy an ninh khu vực. Ba là quan hệ đối tác giữa Mỹ và các nước ASEAN. Bốn là bảo vệ những giá trị của Mỹ.

Ngoại trưởng Antony Blinken phát biểu tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ-ASEAN ngày 4/8, khẳng định cam kết của Mỹ đối với vai trò trung tâm của ASEAN và ủng hộ Tầm nhìn ASEAN về Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương. Ngoại trưởng Blinken và các ngoại trưởng ASEAN đã thảo luận những thách thức cấp bách trong khu vực và trên thế giới, bao gồm ứng phó với đại dịch Covid-19, hành động mạnh mẽ chống biến đổi khí hậu, tăng cường phát triển nguồn nhân lực, và hành động cấp thiết đối với tình hình Myanmar.

Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long phát biểu tại Diễn đàn An ninh Aspen ngày 3/8 đã hoan nghênh và đánh giá cao các chuyến thăm cấp cao “rất giá trị” của Mỹ. Đó là chỉ dấu cho thấy Washington nhận thức được rằng họ cần bảo vệ và thúc đẩy những lợi ích thực chất và quan trọng của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, ông cũng bày tỏ lo ngại trước tình trạng quan hệ Mỹ-Trung đang xấu đi và mong muốn không tụt dốc hơn nữa.

Tại Hà Nội, ngày 5/8, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam đã trả lời báo chí rằng hai bên đang phối hợp chuẩn bị cho

chuyến thăm của phó tổng thống Kamala Harris. Việt Nam nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, đẩy mạnh việc đưa quan hệ với các đối tác, đặc biệt là các đối tác quan trọng đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, không đi với nước này để chống nước kia. Về đối tác chiến lược, Việt Nam cho rằng tên gọi không quan trọng bằng thực chất và sự bền vững của quan hệ giữa hai nước.

Chủ trương của Mỹ

Theo Symone Sanders (người phát ngôn của phó tổng thống), chuyến thăm của bà Harris nhằm nhấn mạnh “Mỹ đang Quay lại”, và trao đổi về đối phó với đại dịch Covid-19 và biến đổi khí hậu, cũng như an ninh khu vực. Chuyến thăm này sẽ khẳng định tầm quan trọng của “tham dự toàn diện và đối tác chiến lược” trong chính sách đối ngoại của Mỹ. “Chúng ta phải cùng cố gắng cổ vũ cho trật tự quốc tế dựa trên pháp luật”.

Theo các [chuyên gia](#), Mỹ vừa phải cạnh tranh với Trung Quốc, vừa phải điều chỉnh lập trường phù hợp với nguyện vọng của các nước Đông Nam Á. Mỹ không thể ép các nước khu vực chọn phe. Tuy trong sáu tháng đầu năm 2021, Washington tỏ ra coi nhẹ khu vực, nhưng bài phát biểu của bộ trưởng quốc phòng Lloyd Austin tại Singapore (27/7) khẳng định chính quyền Biden quan tâm tới Đông Nam Á, và ủng hộ các nước trong khu vực bảo vệ chủ quyền và tài nguyên của họ.

Tổng thống Biden và phó tổng thống Harris ưu tiên việc xây dựng lại các quan hệ đối tác để đảm bảo an ninh cho Mỹ, và an toàn bền vững cho chuỗi cung ứng. Tìm giải pháp để tránh bị thiếu hụt là ưu tiên chính của chuyến đi này. Việc thiếu hụt chất bán dẫn trên thế giới và khó khăn về chuỗi cung ứng là trọng tâm của bà Harris trong chuyến thăm Đông Nam Á, nơi Mỹ phải tăng cường quan hệ với các nước láng giềng của Trung Quốc.

Việc thiếu hụt chất bán dẫn toàn cầu tiếp tục làm trì trệ các ngành sản xuất điện tử. Nhà Trắng đang thảo luận khả năng ký một hiệp định thương mại tự do về công nghệ số với các nước

khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương gồm Singapore và Việt Nam. Singapore sẽ xây dựng một nhà máy sản xuất điện thoại thông minh trị giá 4 tỷ USD dự kiến sẽ vận hành vào năm 2023, trong khi Việt Nam có vai trò ngày càng quan trọng trong chuỗi cung ứng khi nhiều công ty đã chuyển dây chuyền sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam.

Theo Murray Hiebert (CSIS), chuyến thăm của bà Harris rất quan trọng vì nhấn mạnh cam kết của Mỹ tại Đông Nam Á, với hứa hẹn tăng thêm viện trợ vaccine cho khu vực. Chuyến thăm của bà Harris cũng như ông Austin chứng tỏ với Đông Nam Á là Mỹ muốn can dự. Gần đây, thứ trưởng bộ Ngoại giao Mỹ Wendy Sherman đã đến thăm Indonesia, Campuchia và Thailand (cuối tháng 5 – đầu tháng 6), và đến thăm Nhật Bản, Hàn Quốc, Mông Cổ (tháng 7) trước khi đến thăm Trung Quốc để hội đàm, nhưng không giảm được căng thẳng.

Bà Kamala Harris vốn là một luật sư và công tố viên của bang California, đã nổi tiếng là một người sắc sảo tại các cuộc điều trần tại Thượng viện Mỹ. Ở tuổi 57, phó tổng thống Harris trẻ hơn nhiều so với tổng thống Biden, nay đã 79 tuổi. Chắc bà Harris sẽ phải thay mặt ông Biden đảm đương một số chuyến viếng thăm quốc tế, đặc biệt là đến Đông Nam Á, nơi lãnh đạo các nước ASEAN thường phàn nàn là bị các tổng thống Mỹ coi nhẹ.

Theo [James Crabtree](#) (IISS), chính quyền Biden thường bị phê phán là coi nhẹ các nước đồng minh và đối tác khu vực. “Quan hệ kinh tế của Mỹ với Singapore, Việt Nam, và Indonesia gần đây có một số thay đổi có lợi cho Trung Quốc”. Một chính quyền Biden lúng túng có thể để mất Đông Nam Á vào tay Trung Quốc.

Phản ứng của Trung Quốc

Theo [Derek Grossman](#) (RAND Corporation), Trung Quốc không chuẩn bị cho một điều chỉnh chiến lược lớn nào của Việt Nam trong tương lai, nên bất cứ một biến đổi nào trong hợp tác an

ninh Mỹ-Việt sẽ làm Trung Quốc bất ngờ và phản ứng. Trung Quốc không muốn làm đảo lộn hòa bình và ổn định khu vực chỉ vì Mỹ và Việt Nam xích lại gần nhau, nên việc nâng cấp quan hệ Mỹ-Việt từ đối tác “toàn diện” lên thành đối tác “chiến lược” ít có khả năng làm cho Trung Quốc phản ứng mạnh.

Derek Grossman khuyến nghị Washington nên theo đuổi một chiến lược đa dạng bao gồm hợp tác ngoại giao, kinh tế, và an ninh, để tạo điều kiện cho các nước Đông Nam Á đang phải chơi trò đu dây (hedging and balancing) như Việt Nam có thể hợp tác với Mỹ mà không sợ bị ép buộc phải chọn phe giữa các nước lớn (như Mỹ và Trung Quốc). Nói cách khác, Washington không nên và không thể tác động vào quyết sách của Hà Nội, cho đến khi nào Hà Nội thấy đã đến lúc chín muồi để tự điều chỉnh chiến lược.

Theo [Kevin Rudd](#) (chủ tịch Asia Society), “Bộ Tứ” (Quad) là thách thức lớn nhất đối với tham vọng của Trung Quốc trong những năm tới. Tuy lúc đầu họ coi thường, nhưng từ cuộc họp cấp cao trực tuyến (3/2021) của nhóm này thì Bắc Kinh ngày càng lo ngại về triển vọng “Bộ Tứ” có thể tập hợp lực lượng, như Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã tuyên bố: “Cuộc họp cấp cao hôm nay chứng tỏ “Bộ Tứ” đã trưởng thành như một trụ cột quan trọng cho ổn định trong khu vực”.

Cuộc họp cấp cao G-7 làm Bắc Kinh càng lo ngại về “Bộ Tứ” như một liên minh chống Trung Quốc trong khu vực Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, bao gồm Hàn Quốc để “Quad” trở thành “Quint” (Bộ Ngũ). Đó là một nhân tố định hình quan hệ Mỹ-Trung, và tham vọng của Trung Quốc. Cựu ngoại trưởng Mike Pompeo đã tuyên bố thẳng thừng rằng mục tiêu của Mỹ là thể chế hóa “Bộ Tứ” thành “Bộ tứ Mở rộng” (Quad plus) gồm New Zealand, Hàn Quốc, Việt Nam, để hợp tác đảm bảo an ninh thương mại, công nghệ, và chuỗi cung ứng.

Bắc Kinh lo ngại “Bộ Tứ” có thể phối hợp với “Sáng kiến Rắn Đe Thái Bình Dương” của Mỹ và chia sẻ thông tin nhạy cảm về

chiến lược của Trung Quốc với các đối tác trong nhóm “Five Eyes”. Nhưng điều Bắc Kinh lo ngại nhất là “Bộ Tứ” trở thành nền tảng và đòn bẩy cho một liên minh toàn cầu chống Trung Quốc.

Tại sao Việt Nam?

Bộ trưởng quốc phòng Austin đã đến thăm Việt Nam, Singapore và Philippines (cuối tháng 7) để chuẩn bị cho chuyến thăm của bà Harris tới Singapore và Việt Nam. Tại sao bà Harris đến thăm Singapore và Việt Nam trước, mà không đến thăm Ấn Độ trước, tuy Ấn Độ là đối tác chiến lược của Mỹ trong “Bộ Tứ” và “quê ngoại” của bà Harris. Phải chăng Singapore và Việt Nam có vị trí chiến lược trong tầm nhìn Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương?

Chuyến thăm Việt Nam của ông Austin tuy không được báo chí đưa tin nhiều, nhưng không kém phần quan trọng. Trong khi thâm hụt thương mại Mỹ-Việt ngày càng tăng (69,7 tỷ đô la năm 2020), thì chương trình hợp tác quốc phòng trở thành một trụ cột chính trong quan hệ Mỹ-Việt. Việt Nam ngày càng quan trọng đối với Mỹ, và Hà Nội cũng như Singapore đang trở thành các mỏ neo (anchors) trong chính sách của Mỹ.

Trong khi bờ biển Việt Nam dài hơn 3.000km giáp Biển Đông và án ngữ lối ra Biển Đông của Trung Quốc, thì Singapore án ngữ eo biển Malacca là yết hầu (choke point) nối Tây Thái Bình Dương với Ấn Độ Dương. Singapore là nước ASEAN duy nhất cho Mỹ sử dụng căn cứ hải quân (Changi), gia hạn 15 năm (đến 2035), trong khi căn cứ hải quân Cam Ranh của Việt Nam được các nước lớn chú ý vì vị trí chiến lược trọng yếu tại Biển Đông.

Không phải ngẫu nhiên mà Mỹ bán cho Singapore 12 máy bay chiến đấu F-35B (thế hệ mới) như một ưu tiên đặc biệt. Singapore là nước ASEAN đầu tiên có máy bay F-35B (trước đây đã mua F-15 và F-16). Nếu Mỹ quyết định thành lập “hạm đội 1” như đề xuất của bộ trưởng hải quân Mỹ để tăng cường

lực lượng cho hạm đội 7 và hạm đội 5 tại Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, thì Singapore sẽ là một lựa chọn cho căn cứ của hạm đội mới. Nói cách khác, Singapore và Việt Nam đều rất quan trọng, cả về chiến lược và thương mại.

Chuyến thăm Việt Nam sắp tới của phó tổng thống Harris, và chuyến thăm của tổng thống Biden vào dịp họp cấp cao ASEAN và Đông Á (dự kiến vào cuối năm) chứng tỏ hai điều cơ bản. Một là khu vực bao gồm ASEAN là một phần thiết yếu trong bàn cờ chiến lược “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương tự do và rộng mở” (FOIP). Hai là Mỹ muốn thăm dò Việt Nam về khả năng đồng thuận nâng cấp quan hệ lên thành “đối tác chiến lược”.

Hợp tác chiến lược với Mỹ không chỉ là vấn đề đối ngoại, mà còn là vấn đề đối nội vì liên quan đến đổi mới thể chế và chiến lược phát triển quốc gia. Khi quan hệ Mỹ-Trung càng xấu đi, thì quan hệ Mỹ-Việt càng tốt lên, làm quan hệ Trung-Việt càng nhạy cảm trong bàn cờ chiến lược Mỹ-Trung-Việt. Trong khi xây dựng lòng tin chiến lược với Mỹ, Việt Nam vẫn duy trì cân bằng chiến lược với Trung Quốc. Đó là nguyên tắc “không chọn phe” trong đối ngoại, và chủ trương “ba không một nếu” trong Sách trắng Quốc phòng Việt Nam.

Về an ninh quốc phòng, Đô đốc Karl Schultz (Tư lệnh tuần duyên Mỹ) nhấn mạnh tầm quan trọng của Việt Nam trong khu vực. Ông cho biết lãnh đạo Việt Nam cam kết sử dụng các tàu tuần duyên của Mỹ chuyển giao phù hợp với lợi ích an ninh quốc gia trong khu vực. Ông tin rằng Việt Nam sẽ tiếp tục là đối tác quan trọng của lực lượng Tuần duyên Mỹ. Tuy viên Quân sự Mỹ tại Hà Nội Thomas Stevenson cũng cho rằng chính sách quốc phòng “ba không một nếu” của Việt Nam có thể tạo ra khuôn khổ đối thoại hiệu quả để tránh xung đột. Vì vậy, hai bên đã nhất trí, “không ai yêu cầu các nước khu vực phải chọn phe”.

Hợp tác Mỹ-Việt không chỉ về an ninh quốc phòng (như tàu sân bay Mỹ đến thăm Việt Nam hai lần, Mỹ chuyển giao hai tàu tuần duyên cho Việt Nam để nâng cao năng lực hàng hải), mà còn về y tế (Mỹ viện trợ vaccine và giúp Việt Nam công nghệ sản xuất vaccine), khắc phục hậu quả chiến tranh (như phá bom mìn, tẩy rửa chất độc da cam, tìm kiếm người mất tích trong chiến tranh), đối phó với biến đổi khí hậu (đang diễn ra tại lưu vực sông Mekong), về thương mại (như rút Việt Nam khỏi danh sách bị Mỹ cáo buộc “thao túng tiền tệ”).

Về y tế, Mỹ đã viện trợ cho Việt Nam 5 triệu liều vaccine Moderna, cùng với 20 triệu USD giúp Việt Nam chống Covid-19. Mỹ là nước tặng nhiều vaccine nhất cho Việt Nam (dù nhận trực tiếp hay thông qua COVAX). Trước mắt, Mỹ cam kết sẽ tiếp tục viện trợ vaccine cho Việt Nam. Về lâu dài, VinBioCare (Vingroup) đã nhận chuyển giao độc quyền công nghệ sản xuất vaccine VBC-COV19-154 của Arcturus Therapeutics, có khả năng chống lại các biến chủng mới nguy hiểm như Delta, Alpha, Beta, Gamma.

Trở về tương lai

Theo huyền sử (chưa kiểm chứng), ông Bùi Viện được vua Tự Đức cử làm sứ thần sang Mỹ (1873-1875) không chỉ để thiết lập bang giao song phương, mà còn nhằm cầu viện Mỹ làm đối trọng với Pháp, lúc đó đang muốn biến Việt Nam thành thuộc địa. Nhưng sứ mệnh của ông Bùi Viện không thành, đã để lại một kinh nghiệm đáng buồn về “nhỡ tàu”, được lặp đi lặp lại trong quan hệ Mỹ-Việt.

Lịch sử dường như lặp lại khi Hồ Chí Minh chủ trương hợp tác với Mỹ để chống Nhật (1944-1945), thông qua các đầu mối OSS như Archimedes Patti và Charles Fenn cùng nhóm “Con Hươu” (Deer Team), để vận động Mỹ giúp Việt Minh. Hồ Chí Minh đã gửi 8 bức thư và điện cho tổng thống Mỹ Herry Truman (1945-1946) nhưng không được hồi đáp. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1946-1954), Mỹ đã giúp Pháp đánh Việt

Minh, và trong cuộc Chiến tranh Việt Nam (1955-1975), Mỹ đã quyết định can thiệp trực tiếp.

Chiến tranh Việt Nam là một thảm họa cho cả hai bên, vì đó là “một cuộc chiến tranh sai lầm, tại một địa điểm sai lầm, vào một thời điểm sai lầm, và chống một kẻ thù sai lầm (*a wrong war, at the wrong place, at the wrong time, and with the wrong enemy*)” như lời tướng Omar Bradley. Hơn 45 năm sau, tuy “vết thương Việt Nam” chưa lành và “bóng ma Việt Nam” chưa chết hẳn, Mỹ và Việt Nam đang tiếp tục nỗ lực khắc phục hậu quả chiến tranh và xây dựng lòng tin chiến lược cho một trang mới trong quan hệ giữa hai nước.

Trong lịch sử của Việt Nam với Pháp, Nhật, Mỹ, Trung Quốc, thì quan hệ với Trung Quốc là phức tạp nhất, như một định mệnh. Hai nước gắn liền với nhau về địa lý (núi liền núi, sông liền sông), về lịch sử (ngàn năm Bắc thuộc), về kinh tế (phụ thuộc vào nhau), về chính trị (cùng hệ tư tưởng). Quan hệ Trung-Việt như cục nam châm vừa hút vừa đẩy, phản ánh thực trạng “vừa yêu vừa ghét” như “anh em thù địch” (*brother enemy*).

Trong khi đó, quan hệ Mỹ-Việt không phải là định mệnh mà có thể hóa giải. Hơn 45 năm sau chiến tranh, và 25 năm sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao, Mỹ và Việt Nam đang dần trở thành đối tác chiến lược. Điều đó phản ánh không chỉ nhu cầu phát triển của mỗi nước, mà còn cả tầm nhìn chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, nơi Mỹ và Trung Quốc đang tranh giành ảnh hưởng.

Nội dung quan trọng nhất trong chuyến thăm Việt Nam của ông Austin là khắc phục hậu quả chiến tranh, để thúc đẩy hòa giải và xây dựng lòng tin. Hai bên đã ký một bản ghi nhớ (MOU) về việc giúp Việt Nam tìm kiếm người mất tích trong chiến tranh (MIA). Điều đó rất thiết yếu để tăng cường hợp tác an ninh và xây dựng lòng tin. Quan hệ Mỹ-Việt không chỉ dựa trên tầm nhìn chiến lược chung về Trung Quốc và trật tự khu vực, mà

còn phải bắt nguồn từ lòng tin giữa hai quốc gia. Nói cách khác, hóa giải quá khứ là kiến tạo tương lai.

Sau thời Trump với “nước Mỹ trên hết”, đến thời Biden với “nước Mỹ trở lại”. Tuy chính quyền Biden cũng nhận diện Trung Quốc là “thách thức lớn nhất”, nhưng Mỹ không thể đối phó một mình, mà phải tập hợp đồng minh và đối tác, như trong “Bộ Tứ” (có Nhật, Ấn, Úc), và trong ASEAN (có Singapore, Việt Nam, Philippines, Malaysia, và Indonesia). Để có đồng minh và đối tác bền vững, Mỹ cần xây dựng lòng tin và sức mạnh “răn đe tích hợp” (integrated deterrence) trong cơ chế an ninh khu vực, bao gồm cả quan hệ với Việt Nam.

Thay lời kết

Trong các bài viết trước đây, tôi thường đề cập đến khả năng Việt Nam dễ bị mắc kẹt trong bàn cờ chiến lược Mỹ-Trung. Khi quan hệ Mỹ-Trung càng xấu đi, thì quan hệ Mỹ-Việt càng tốt lên, làm quan hệ Trung-Việt càng nhạy cảm. Việt Nam cũng như các nước khu vực không muốn chọn phe vì ba lo ngại chính. Một là Trung quốc có thể trả đũa làm cho họ thiệt hại hơn là được lợi từ Mỹ. Hai là Mỹ có thể bỏ rơi họ để bắt tay với Trung Quốc như bài học trong quá khứ. Ba là Mỹ có thể tìm cách diễn biến làm cho họ phải thay đổi chế độ.

Theo các chuyên gia, các lo ngại đó vừa phản ánh thực tế vừa phản ánh nỗi sợ hãi. Lo ngại thái quá sẽ làm gia tăng năng lượng tiêu cực, biến nhận thức thành thực tế, có thể gây nhầm lẫn đáng tiếc. Trong bối cảnh đại dịch hiện nay, mọi thứ đều có thể bị đảo lộn, kể cả thói quen tư duy và hệ quy chiếu. Diễn biến càng khó lường thì quyết sách càng dễ nhầm lẫn. Vì vậy, quyết định về “đối tác chiến lược” với Mỹ đúng lúc rất hệ trọng, vì quyết định quá sớm có thể rủi ro cao, nhưng quá muộn có thể đánh mất cơ hội chiến lược.

Việt Nam và Mỹ “trở về tương lai”

17/08/2023



Tác giả: Nguyễn Quang Dy

“Không có bạn bè hay kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có lợi ích vĩnh viễn.”
-Lord Palmerston-

Việt Nam và Mỹ phải nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược là tất yếu. Nhưng quá trình đó bị trì hoãn quá lâu, làm cho dư luận vừa hồi hộp vừa phẫn khích như xem một vở kịch đang đến đoạn kết vui vẻ. Tuy không nên quá nôn nóng, nhưng lúc này là thời điểm tốt nhất để hai nước tiếp tục “trở về tương lai”. Trước bước ngoặt mới, nếu trì hoãn lâu hơn nữa sẽ mất nốt cơ hội.

Nhìn lại quá khứ

Cách đây 10 năm, trong chuyến thăm Mỹ để thiết lập quan hệ đối tác toàn diện (23-26/7/2013), Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã trao cho Tổng thống Barack Obama những bức thư và điện của Hồ Chí Minh gửi phía Mỹ. Trong hai năm 1945-1946, Hồ Chí Minh đã gửi 11 bức thư và điện cho Tổng thống Harry Truman và Ngoại trưởng James Byrnes. Nếu lúc đó Washington đáp lại thiện chí của Hồ Chí Minh, chắc lịch sử đã rẽ lối khác.

Trong bài báo đăng trên Washington Post (27/7/2013), Chủ tịch nước Trương Tấn Sang nhấn mạnh “Hôm nay, khi tôi tới thăm đất nước và nhân dân Hoa Kỳ, chúng ta cùng chia sẻ niềm vui vì ý nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh gần 70 năm trước về mối quan hệ “hợp tác đầy đủ” giữa hai dân tộc nay đã thành hiện thực”. Lịch sử quan hệ Việt-Mỹ đầy nghịch lý. “Tuy không thể thay đổi được quá khứ, nhưng có thể thay đổi tương lai”.

Không phải ngẫu nhiên mà Hồ Chí Minh đặt tên “Việt Nam Độc lập Đồng minh” (Việt Minh) cho mặt trận dân tộc, để cộng tác với đồng minh chống phát xít Nhật. Tháng 3/1945, Hồ Chí Minh sang Côn Minh để bắt liên lạc với Charles Fenn (GBT) và tướng Lee Chenault (tư lệnh không đoàn 14 “Hổ bay”). Sau đó, Archimedes Parti (OSS) đã thiết lập quan hệ với Việt Minh. GBT đã cử Frank Tan và OSS đã cử Dan Phelan tới Việt Bắc.

Tháng 7/1945, OSS đã cử nhóm “Con Nai” (*Dear Team*) của thiếu tá Allison Thomas đến Việt Bắc để huấn luyện cho các đơn vị Việt Minh. Nhóm “Con Nai” đã huấn luyện 40 người được chọn trong số 110 quân du kích của tướng Đàm Quang Trung. Hồ Chí Minh đã đặt tên cho đơn vị đó là trung đội “Bộ đội Việt-Mỹ”, được thành lập ngày 20/8/1945, do ông Võ Nguyên Giáp chỉ huy, tham gia chiến đấu chống Nhật tại Thái Nguyên.

Mặc dù tình hình Đông Dương lúc đó và nội bộ GBT, AGAS và OSS rất phức tạp, nhưng Hồ Chí Minh tranh thủ được cảm tình và ủng hộ của Charles Fenn và Archimedes Parti. Họ là những người bạn của Việt Nam lúc cách mạng còn non trẻ. Tuy tôi không gặp được Charles Fenn như đã hứa với anh Phạm Xuân Ẩn, nhưng đã gặp Archimedes Parti tại Bangkok năm 1990 khi ông tới Hà Nội dự kỷ niệm 100 năm ngày sinh Cụ Hồ.

Lịch sử quan hệ Việt-Mỹ đã trải qua nhiều thăng trầm đầy bi kịch. Sau chiến tranh Việt Nam, lẽ ra hai nước đã bình thường hóa quan hệ từ 1977-1978, nhưng Việt Nam đã để tuột mất cơ hội, do nhiều yếu tố. Vì vậy, Việt Nam đã bị xô đẩy vào cuộc

chiến tranh Đông Dương lần thứ ba (1979-1989). Chuyến thăm Mỹ lịch sử của TBT Nguyễn Phú Trọng (6-10/7/2015) là một cột mốc đánh dấu bước ngoặt trong quan hệ hai nước để “bỏ qua quá khứ”.

Trở về tương lai

Từ đầu năm 2023 đến nay, ngoài chuyến thăm của các đoàn Quốc hội và đoàn doanh nghiệp Mỹ gồm 50 công ty hàng đầu do USABC tổ chức, nhiều quan chức cấp cao Mỹ đã sang thăm Việt Nam để tăng cường hợp tác giữa hai nước. Đó là Đại diện Thương mại Catherine Tai, Giám đốc CDC Rochelle Walensky, Tổng Giám đốc USAID Samantha Power, Bộ trưởng bộ Nông nghiệp Thomas Vilsack, Bộ trưởng bộ Tài chính Janet Yellen.

Về ngoại giao, sau chuyến thăm Việt Nam của Ngoại trưởng Antony Blinken (14-16/4/2023), Trưởng ban Đối ngoại Lê Hoài Trung đã sang thăm Mỹ (28/6-2/7/2023) để chuẩn bị cho chuyến thăm của lãnh đạo nhằm nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược. Đặc biệt là chuyến thăm của ông Kurt Campbell, Điều phối viên của Hội đồng An ninh Quốc gia về Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương, vào giữa tháng 7 để chuẩn bị cho chuyến thăm của Tổng thống Biden (dự kiến ngày 10/9).

Trong điện đàm với TBT Nguyễn Phú Trọng ngày 29/3, Tổng thống Biden đã khẳng định Việt Nam là đối tác quan trọng và Mỹ ủng hộ Việt Nam mạnh, độc lập, tự chủ và thịnh vượng. Hai nhà lãnh đạo đã nhận lời mời đi thăm lẫn nhau. Khi tiếp Ngoại trưởng Antony Blinken ngày 15/4, TBT Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh “những kết quả tích cực trong quan hệ hai nước thời gian qua là cơ sở để tiếp tục nâng quan hệ hai nước lên tầm cao mới”.

Trong dịp đến bang New Mexico để vận động tranh cử, Tổng thống Biden đã nói ngày 8/8: “Tôi sẽ sớm đến Việt Nam, vì Việt Nam muốn thay đổi mối quan hệ với chúng ta để trở thành một đối tác chủ chốt”. Trước đó, ngày 28/7, Tổng thống Biden cho biết “Lãnh đạo cao nhất của Việt Nam rất muốn gặp tôi để thảo

luận việc nâng cấp quan hệ hai nước lên đối tác lớn, ngang hàng với Nga và Trung Quốc”.

Tuy báo chí trong nước không đưa tin vì những lý do tế nhị, nhưng báo chí nước ngoài đã loan báo mặc dù Nhà Trắng chưa thông báo chính thức. Theo báo chí, Tổng thống Joe Biden sẽ đến New Delhi dự Thượng đỉnh G-20 (9-10/9), sau đó sẽ đi Việt Nam, vì vậy sẽ không đến Jakarta dự Cấp cao ASEAN. Trước đó, ông Blinken đã nói tại Hà Nội ngày 15/4 rằng quan hệ Việt-Mỹ sẽ được nâng cấp “trong những tuần và những tháng tới”.

Việt Nam và Mỹ đã sẵn sàng nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược sau nhiều lần “nâng lên đặt xuống” vì những lý do nhạy cảm. Yếu tố Trung Quốc đã giảm thiểu sau khi TBT Nguyễn Phú Trọng đi thăm Trung Quốc ngày 1/11/2022. Vấn đề nhân quyền được xếp sau lợi ích chiến lược song trùng. Vấn đề khắc phục hậu quả chiến tranh được Mỹ tích cực giải quyết. Hai bên đang thúc đẩy hợp tác kinh tế và khai thác tài nguyên, bao gồm đất hiếm.

Bước ngoặt mới

Theo Kurt Campbell, Việt Nam là “một nước bản lề quan trọng” (*a critical swing state*) tại Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương, vì có vị trí chiến lược, vai trò địa chính trị và địa kinh tế ngày càng quan trọng, kiên quyết chống lại sự bành trướng trên biển của Trung Quốc”. Năm 2010, Ngoại trưởng Hillary Clinton đề xuất nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược. Tháng 8/2021, Phó Tổng thống Kamala Harris cũng đặt vấn đề như vậy.

Nhưng trong nội bộ Việt Nam, những người bảo thủ vẫn lo ngại Mỹ “diễn biến hòa bình” khi ủng hộ nhân quyền và dân chủ. Họ sợ nâng cấp quan hệ với Mỹ sẽ mở cửa cho Mỹ can thiệp vào Việt Nam. Đây chính là những gì mà Trung Quốc muốn, nhằm gạt ảnh hưởng của Mỹ ra khỏi khu vực để độc chiếm Biển Đông và giữ Việt Nam trong vòng tay của họ. Vì vậy, nếu Việt

Nam quá lo ngại bị Trung Quốc trừng phạt, sẽ rơi vào bẫy của họ.

Việt Nam muốn làm đối tác chiến lược với 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc trong đó có Mỹ, nhưng đến nay quan hệ với Mỹ vẫn thấp nhất so với bốn nước kia. Đó là nghịch lý. Đối tác chiến lược Việt-Mỹ phù hợp với chủ trương đối ngoại của Việt Nam là “độc lập, tự chủ, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ”. Đối tác chiến lược với Mỹ không chỉ là tượng trưng mà còn thực chất, để Hà Nội vận dụng “ngoại giao cây tre”.

Trung Quốc đã tin tưởng hơn vào sự trung lập của Việt Nam, để cho Việt Nam có thể mở rộng hợp tác quốc phòng với các nước khác, trong đó có Mỹ. Việt Nam đã duy trì quan hệ tốt với Trung Quốc với nguyên tắc “bốn không”. Ngoài ra, dù lo ngại “diễn biến hòa bình” vẫn còn nhưng đã giảm thiểu sau khi lãnh đạo Mỹ cam kết tôn trọng hệ thống chính trị của Việt Nam, và ủng hộ một nước Việt Nam “mạnh, độc lập, tự chủ và thịnh vượng”.

Theo Chiến lược An ninh Quốc gia mới, Chính quyền Biden “sẵn sàng cộng tác với các chế độ chuyên chế không theo thể chế dân chủ nhưng ủng hộ hệ thống quốc tế dựa trên luật lệ”. Việt Nam nằm trong số đó. Nay Mỹ tìm cách để hóa giải những khác biệt với Hà Nội để thúc đẩy các mục tiêu chiến lược.

Lời kết

Đến nay, quan hệ hai nước đã có những bước tiến dài. Nhưng so với các cơ hội đã bị lỡ trước đây cũng như lợi ích chiến lược song trùng hiện nay, những gì đã đạt được vẫn còn “quá ít và quá chậm”. Nếu nhìn ngược lại lịch sử thì lẽ ra Việt Nam và Mỹ đã trở thành đối tác chiến lược từ lâu. Nhưng đáng tiếc là điều đó đã không trở thành hiện thực sớm hơn.

Người Hà Nội thích nói đùa “Hà Nội không vội được đâu”. Nhưng giới quan sát cho rằng hiện nay hai nước đã sẵn sàng

nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược. Điều này phải được thực hiện “ngay bây giờ hoặc không bao giờ”. Đối tác Chiến lược Mỹ-Việt là tín hiệu tích cực và cơ hội tốt cho Việt Nam. Nó không chỉ mở rộng và làm sâu sắc liên kết kinh tế và ngoại giao, mà còn thúc đẩy hai nước cộng tác tốt hơn về an ninh quốc phòng.

Tham khảo

1. *Ho Chi Minh: A Biographical Introduction*, Charles Fenn, Studio Vesta, 1973
2. *TBT Trọng đi Mỹ: Chuyến đi mở cục diện mới*, Alexander Vuving, BBC, July 5, 2015
3. *Đằng sau chuyến thăm Mỹ của TBT Nguyễn Phú Trọng*, VietNamNet phỏng vấn ông Bùi Thế Giang và Ts Hoàng Anh Tuấn, 22/7/2015
4. *Trump-Trọng Summit Remains in Limbo*, Nguyen Quang Dy, Yale Global, January 2, 2020
5. *Vietnam's Relations with the United States: Time For an Upgrade*, Phan Xuan Dung, Fulcrum, 12 January, 2023
6. *Biden Should Invite Vietnams Party Chief for a Visit*, Murray Hiebert, CSIS, March 27, 2023
7. *Vietnam Party Chief and Biden agree to boost ties in phone call*, Reuters, March 30, 2023
8. *US, Vietnam pledge to boost relations during Blinken's visit to Hanoi*, Reuters, April 15, 2023
9. *US–Vietnam Relations: Ready for a Strategic Partnership Upgrade?*, Nguyen Khac Giang, Fulcrum, 20 April 2023
10. *Trung Quốc âm mưu gì ở Biển Đông?* Tuổi Trẻ, 27/5/2023

Hàm ý của việc thiết lập Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt-Mỹ

20/09/2023

Capture à partir de : [:nghiencuuquocte](https://www.nghiencuuquocte.org/)



Tác giả: Nguyễn Quang Dy

Người ta nói nên tránh làm việc lớn trong “tháng ngâu”, nhưng Việt Nam và Mỹ đã làm một việc trọng đại. Ngày 10/9/2023 sẽ đi vào lịch sử, đánh dấu một bước ngoặt mới trong quan hệ Việt-Mỹ. Hai nước cựu thù nay đã trở thành “đối tác chiến lược toàn diện, vì hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững”. Vấn đề là “chúng ta sẽ tiến xa đến đâu”.

Bước ngoặt mới

Tháng 7/2015, TBT Nguyễn Phú Trọng đã chính thức đến thăm Mỹ và được Tổng thống Barack Obama tiếp đón trong phòng Bầu dục của Nhà Trắng như một nguyên thủ quốc gia. Chính quyền Mỹ đã cam kết tôn trọng thể chế chính trị của Việt Nam. Điều đó không chỉ có ý nghĩa tượng trưng mà còn là một bước ngoặt trong quan hệ giữa hai nước.

Có ý kiến cho rằng quan hệ Việt-Mỹ tuy về hình thức là “đối tác toàn diện”, nhưng về thực chất đã thành “đối tác chiến lược”. Hai nước đã tuyên bố “Tầm nhìn chung về quan hệ quốc phòng” (7/2015). Không phải ngẫu nhiên mà Tổng thống Donald Trump đã chọn Đà Nẵng để tuyên bố chiến lược “Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Mở và Tự do” (FOIP, 11/2017).

Để triển khai chiến lược trên, Mỹ thúc đẩy các cơ chế hợp tác chiến lược như “bộ tứ” (QUAD) gồm Mỹ-Nhật-Úc-Ấn, và các “bộ tam” gồm Mỹ-Anh-Úc (AUKUS), Mỹ-Nhật-Hàn; và Mỹ-Nhật-Ấn. Mỹ cũng nâng cấp quan hệ với ASEAN lên đối tác chiến lược toàn diện.

Việt Nam phải bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mình trong bối cảnh Mỹ và Trung Quốc cạnh tranh chiến lược. Việc nâng cấp quan hệ với Mỹ lên đối tác chiến lược là tất yếu, nhưng vấn đề là chọn thời điểm nào thích hợp.

Theo Đại sứ Marc Knapper, việc nâng cấp đối tác lên hai bậc là “phi thường”. Đó không chỉ là danh nghĩa mà còn là thực chất, để bù lại thời gian đã mất.

Trong bối cảnh hiện nay, việc nâng cấp quan hệ Việt-Mỹ lên “đối tác chiến lược toàn diện” sẽ mở ra những cơ hội mới giúp Việt Nam trở thành một đối tác tiềm năng, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, bao gồm các loại công nghệ cao như bán dẫn và quá trình chuyển đổi số.

“Ngoại giao Cây tre” không phải là một khẩu hiệu để đối phó tình huống trong quan hệ với các nước lớn nhằm “cân bằng” hay “đu dây”. Đó còn là một chiến lược nhất quán để “đa dạng hóa và đa phương hóa” quan hệ.

Cơ hội mới

Đầu tháng 11/2022, TBT Nguyễn Phú Trọng đã chọn đúng lúc đi thăm Trung Quốc ngay sau khi kết thúc Đại hội 20 của Đảng Cộng sản Trung Quốc, để chúc mừng Chủ tịch Tập Cận Bình. Đó là nước cò thế (*hedging*) để làm Trung Quốc yên lòng, nhằm chuẩn bị cho nước cò tiếp theo là nâng cấp quan hệ với Mỹ lên hai bậc là “đối tác chiến lược toàn diện”.

Chắc nhiều người coi chuyến thăm Trung Quốc của TBT Nguyễn Phú Trọng lúc đó là dấu hiệu “thân Trung”. Nhưng thực ra, “ngoại giao cây tre” là để tái cân bằng (*rebalance*) quan hệ

với hai nước lớn, chứ không phải xoay trục để chống Trung Quốc. Muốn hay không Việt Nam phải chung sống với cả hai.

Theo Lê Hồng Hiệp (ISEAS), Trung Quốc khó dùng biện pháp mạnh trừng phạt Việt Nam. Đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ là một tuyên bố chính trị, chứ không phải là một liên minh quân sự. Quan hệ Việt-Trung hiện nay không có vấn đề gì quá lớn. TBT Nguyễn Phú Trọng đã đến thăm Trung Quốc và Hà Nội sẵn sàng đón Chủ tịch Tập Cận Bình.

Có thể nói, Việt Nam rất khéo léo trong việc giữ cân bằng quan hệ với Mỹ và Trung Quốc. Việt Nam đã trấn an Trung Quốc và tự tin để nâng cấp quan hệ với Mỹ lên hai bậc mà không quá lo ngại Trung Quốc trả đũa. Tuy còn nhiều khó khăn phức tạp, nhưng Việt Nam đã có vị thế tốt hơn và đòn bẩy lớn hơn để đối phó với Trung Quốc tại Biển Đông.

Mỹ đã bàn giao cho Việt Nam một số tàu tuần duyên các loại và giúp Việt Nam một số trang thiết bị để ứng phó tốt hơn với áp lực trên biển Đông. Việt Nam hiện đang nâng cao năng lực thu thập thông tin tình báo trên biển. Ngoài ra, với tư cách là “đối tác chiến lược toàn diện” của Việt Nam, Mỹ sẽ hỗ trợ Việt Nam tốt hơn trên các diễn đàn quốc tế.

Về chiến lược, Mỹ coi Việt Nam là một đối tác ngày càng quan trọng đối với tầm nhìn Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương Mở và Tự do. Chính quyền Biden ưu tiên phát triển quan hệ với các nước chủ chốt trong khu vực này, trong đó có Việt Nam, Indonesia, và Singapore. Việc nâng cấp quan hệ lên hai bậc có lợi cho lợi ích của Việt Nam và Mỹ.

Về kinh tế, nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện giúp Việt Nam nhận được các ưu tiên về thương mại, đầu tư cho công nghệ cao, chống biến đổi khí hậu cũng như hỗ trợ của Mỹ cho an ninh, quốc phòng. Việt Nam sẽ trở thành một mắt xích ngày càng quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu

và đóng vai trò ngày càng lớn hơn đối với an ninh kinh tế của Mỹ.

Hàm ý và Hệ quả

Việt Nam nay là đối tác chiến lược toàn diện với ba thành viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (Mỹ, Trung, Nga) và là đối tác chiến lược với hai thành viên còn lại (Anh, Pháp). Theo Alexander Vuving, nâng cấp lên đối tác chiến lược không gây ngạc nhiên vì chỉ là vấn đề thời gian, nhưng nâng cấp hai bậc gây bất ngờ.

Điều đó chứng tỏ Việt Nam không còn coi Mỹ là mối đe dọa đối với chế độ, tuy mức độ tin tưởng vẫn chưa cao như với Trung Quốc và Nga. Tuy Bắc Kinh rất tức tối, nhưng Việt Nam đã lường trước hệ quả và sẵn sàng chấp nhận vì cái được rất lớn. Việt Nam nâng cấp quan hệ với Mỹ không có nghĩa Việt Nam bỏ rơi quan hệ với Trung Quốc.

Tuy “đối tác chiến lược toàn diện” sẽ mở ra cho Việt Nam một không gian mới rộng lớn hơn nhiều cho hợp tác song phương, nhưng trước mắt hợp tác về an ninh, quốc phòng với Mỹ trên Biển Đông vẫn có giới hạn. Theo Alexander Vuving, “hiện nay Việt Nam chỉ sử dụng khoảng 10% không gian cho phép”. Hợp tác quốc phòng cần thời gian.

Vì vậy, trọng tâm hợp tác Việt-Mỹ trước mắt là về kinh tế, trong đó có thương mại và công nghệ. Thứ Việt Nam rất cần ở Mỹ là phát triển công nghệ cao và tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, trong đó có chất bán dẫn và đất hiếm. Mỹ muốn kéo các chuỗi cung ứng quan trọng ra khỏi Trung Quốc thông qua chiến lược “*friendshoring*”, tức chuyển sản xuất sang các nước thân thiện.

Việc Mỹ nâng cấp quan hệ với Việt Nam lên mức đối tác chiến lược toàn diện là thắng lợi lớn của Tổng thống Biden, không chỉ về chiến lược FOIP mà còn về kinh tế và chính trị, trong bối cảnh vận động tranh cử cho nhiệm kỳ hai. Đó là kết quả của

chủ trương “xoay trục lần hai” của đội ngũ làm chính sách đối ngoại của Nhà Trắng.

Việc Việt Nam nâng cấp quan hệ với Mỹ lên đối tác chiến lược toàn diện cũng là thắng lợi lớn của TBT Nguyễn Phú Trọng, không chỉ về “ngoại giao cây tre” mà còn về vai trò lãnh đạo của ông trong bối cảnh hiện nay. Có thể nói, hai di sản lớn của TBT Nguyễn Phú Trọng chính là chống tham nhũng và thiết lập đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ.

Việt - Mỹ thắt chặt quan hệ, không để Trung Quốc "lộng hành" ở Biển Đông

Đăng ngày: 04/09/2023 - 08:37

Capture à partir de : [RFI](#)

Tổng thống Mỹ không dự cuộc họp thượng đỉnh với ASEAN dù Indonesia, nước chủ tịch luân phiên ASEAN, cố tình đẩy sớm ngày họp để thuận cho lịch trình công du châu Á của ông Biden, nhưng chủ nhân Nhà Trắng lại đến thăm Hà Nội ngày 10/09/2023. Quyết định này cho thấy Washington đề cao vai trò của Việt Nam, đồng thời mong muốn nâng cấp quan hệ với Hà Nội lên hàng « *đối tác chiến lược toàn diện* ».



Ảnh tư liệu: Phó tổng thống Mỹ Joe Biden phát biểu trong buổi tiếp tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng, tại bộ Ngoại Giao Mỹ, Washington DC, Hoa Kỳ, ngày 07/07/2015.AP - Manuel Balce Ceneta

Theo thông cáo của Nhà Trắng, tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam Nguyễn Phú Trọng và tổng thống Mỹ Joe Biden sẽ thảo luận các phương cách « *thắt chặt hợp tác quan hệ giữa hai nước* ». Nhưng giới chuyên gia có ý kiến khác biệt về khả năng nâng cấp quan hệ song phương.

Trong trường hợp hai bên nâng cấp quan hệ lên thành « *đối tác chiến lược toàn diện* », đây sẽ là một thắng lợi ngoại giao của Hoa Kỳ trong việc gia tăng ảnh hưởng ở Đông Nam Á, theo trang The Diplomat. Còn nhà nghiên cứu Lê Hồng Hiệp tại Singapore cho rằng đó sẽ là « *bước đột phá đáng chú ý* », vì Hà Nội chỉ ký thỏa thuận hợp tác ở cấp cao nhất với các nước được đánh giá có tầm quan trọng cho an ninh, thịnh vượng và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Đọc thêm : [Liệu Việt Nam có thể nâng cấp quan hệ với Mỹ lên thành "đối tác chiến lược toàn diện" ?](#)

Chuyến công du Việt Nam của tổng thống Mỹ có ý nghĩa như nào trong bối cảnh hiện nay ? Khả năng và rào cản trong việc nâng cấp quan hệ song phương ? RFI Tiếng Việt đặt câu hỏi với giáo sư Alexander Vuving, Trung tâm Nghiên cứu An ninh châu Á-Thái Bình Dương Daniel K. Inouye (DKI APCSS), tại Hawaii, Hoa Kỳ.

RFI : *Tổng thống Mỹ công du Việt Nam ngày 10/09 tới đây. Xin giáo sư cho biết về bối cảnh chuyến công du ?*

G.S. Alexander Vuving : Thứ nhất, mục đích chuyến công du của tổng thống Biden sang Việt Nam là để nâng cấp quan hệ lên tầm chiến lược trong bối cảnh cả Mỹ và Việt Nam đều muốn nâng cấp quan hệ lên tầm chiến lược. Mỹ muốn ngay từ khoảng năm 2010-2011. Còn Việt Nam, phải đến tận khoảng 2018-2019 mới cho rằng đó là chuyện cần thiết.

Nhưng để có được ngày hôm nay, cũng phải trải qua rất nhiều thời kỳ, bởi vì có những lúc do sức khỏe của các lãnh đạo, rồi lịch trình của các lãnh đạo không cho phép nên không gặp được nhau. Thực vậy, muốn nâng cấp quan hệ lên tầm chiến

lược, Việt Nam và Mỹ cần có cuộc gặp cấp cao giữa tổng thống Mỹ và tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam. Mãi cho đến đầu năm 2023, tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng và tổng thống Biden mới điện đàm với nhau. Trong cuộc điện đàm, hai ông đồng ý gặp nhau và sẽ nâng cấp quan hệ khi điều kiện cho phép. Trên đây là bối cảnh quan hệ song phương Mỹ-Việt.

Đọc thêm : [Dù rắc rối nghi thức, Mỹ chấp nhận tiếp Nguyễn Phú Trọng](#)

Tuy nhiên còn có bối cảnh rộng hơn, tức là thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh đã chấm dứt, đặc biệt là từ cuộc thương chiến giữa Mỹ và Trung Quốc, việc Nga xâm lược Ukraina. Tất cả những sự kiện đó cho thấy thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh đã kết thúc và hiện giờ chúng ta đang ở một thời kỳ mới. Có nhiều người gọi là Chiến tranh lạnh lần thứ hai hoặc cũng có cách khác. Cho nên phải đặt vấn đề nâng cấp quan hệ Việt-Mỹ trong bối cảnh của một thời kỳ mới mà chúng ta vẫn chưa biết phải gọi tên như thế nào, nhưng là sau thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh.

RFI : *Ông Biden không tham dự các cuộc họp thượng đỉnh với ASEAN dù khối này đã cố tình đẩy lên sớm hơn kỳ họp lần này nhưng chọn công du Việt Nam. Quyết định này cho thấy tầm quan trọng như thế nào của Việt Nam ?*

G.S. Alexander Vuving : Theo tôi, tầm quan trọng của Việt Nam đối với Hoa Kỳ xuất phát từ một số yếu tố chính : vị trí địa lý, tiềm năng kinh tế, sức đề kháng của Việt Nam đối với trung Quốc.

Về vị trí địa lý, Việt Nam án ngữ con đường giao thông huyết mạch nhất của châu Á, chính là con đường đi qua Biển Đông, đồng thời cũng là con đường giao thông tập nập nhất nối giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Việt Nam cũng án ngữ cửa ngõ phía Nam của Trung Quốc thông sang Đông Nam Á, cả trên biển lẫn trên đất liền. Và Việt Nam có vị trí địa lý rất đặc biệt, tương đối bản lề giữa Đông Nam Á và Đông Bắc Á.

Về tiềm năng kinh tế, Việt Nam có dân số khá lớn, nhân lực rất dồi dào, đồng thời rất năng động. Ngoài ra còn có chính sách

kinh tế tương đối thân thiện với nhà đầu tư. Độ mở của nền kinh tế rất cao. Việt Nam có rất nhiều hiệp định thương mại với rất nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là với hầu hết các thị trường lớn trên thế giới, có lẽ chỉ trừ Mỹ.

Đọc thêm : [Việt Nam muốn thành “cứ điểm” sản xuất thế giới nhưng thiếu cơ sở hạ tầng](#)

Điểm thứ ba cũng rất quan trọng. So với nhiều nước khác trên thế giới, Việt Nam có sức đề kháng rất lớn đối với bá quyền của Trung Quốc. Sức đề kháng này đã được tôi luyện trong hàng nghìn năm lịch sử, trong quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc. Việt Nam biết rằng làm chư hầu của Trung Quốc sẽ như thế nào, cho nên không bao giờ muốn rơi vào cảnh đó. Và so với nhiều nước khác trên thế giới, Việt Nam tương đối hiểu Trung Quốc và cũng tương đối biết cách đối xử với Trung Quốc hơn. Đây chỉ là tương đối. Điều đó không có nghĩa là lúc nào Việt Nam cũng đối xử với Trung Quốc một cách hợp lý nhất.

RFI : *Trả lời hợp báo ngày 29/08, phát ngôn viên bộ Ngoại Giao Việt Nam cho biết : «Chúng tôi tin rằng các chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao hai nước sẽ làm sâu sắc hơn nữa quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ, đưa quan hệ hai nước phát triển ổn định, thực chất và lâu dài trên tất cả các lĩnh vực ». Liệu đây có phải là «thời điểm thích hợp» để nâng cấp quan hệ ngoại giao song phương như đề nghị của Mỹ ?*

G.S. Alexander Vuing : Mỹ muốn nâng quan hệ Việt-Mỹ thẳng từ « đối tác toàn diện » lên thành « đối tác chiến lược toàn diện ». Cá nhân tôi cho rằng thời điểm thích hợp để Mỹ và Việt Nam có một quan hệ đối tác chiến lược toàn diện là từ lâu rồi, chứ không phải chờ đến ngày hôm nay. Việt Nam muốn cân bằng quan hệ với các nước lớn, đặc biệt là với các nước có ảnh hưởng trong khu vực.

Việt Nam đã có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Trung Quốc từ năm 2008, với Nga từ năm 2012 và với Ấn Độ từ năm 2016. Ngoài ra còn có quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng với Nhật Bản từ năm 2014. Chỉ còn với mỗi Mỹ vẫn còn là « đối tác toàn diện », thấp hơn cả « đối tác chiến lược » một nấc. Lẽ ra

là phải khoảng từ 2014-2015, Việt Nam đã cần có mối quan hệ « đối tác chiến lược toàn diện » với Mỹ rồi. Nhưng vì nhiều lý do nên vẫn chưa có. Tất nhiên, « cân bằng » không có nghĩa là với bên này hay bên kia phải có mối quan hệ như nhau.

Giữa Việt Nam và Mỹ, lợi ích chiến lược của hai nước đã rất tương đồng trong khá nhiều khía cạnh, đặc biệt là cán cân quyền lực trong khu vực. Cả Mỹ và Việt Nam đều không muốn Trung Quốc lộng hành ở Biển Đông và không muốn Trung Quốc bá chủ Đông Nam Á. Cả Mỹ và Việt Nam đều muốn tôn trọng luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Quốc tế về Luật biển, ở Biển Đông, và cũng muốn có một cán cân lực lượng tương đối cân bằng ở khu vực Đông Nam Á, không để một nước nào lộng hành và bá chủ khu vực này được. Có lợi ích chiến lược tương đồng như vậy trong khi quan hệ Mỹ-Việt Nam lại ở mức thấp như thế thì quả là bất cập.

Đọc thêm : [Hoa Kỳ khẳng định hậu thuẫn Việt Nam bảo vệ chủ quyền ở Biển Đông](#)

Tuy nhiên, ở Việt Nam có hai luồng tư tưởng chính về việc phát triển quan hệ với Mỹ. Một luồng quan điểm chủ trương đi từ từ, "rón rén" trong quan hệ với Mỹ. Bởi vì họ lo ngại rằng đi xa và nhanh với Mỹ sẽ làm hỏng quan hệ với một số cường quốc khác, như Trung Quốc và Nga hoặc làm mất ổn định chính trị trong nước.

Luồng quan điểm thứ hai lại cho rằng mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Mỹ chẳng hạn sẽ giúp làm tăng thêm thế đứng của Việt Nam trong quan hệ với các nước khác và các cường quốc khác. Đồng thời cũng buộc chặt hơn những cam kết của Mỹ đối với việc « tôn trọng độc lập, chủ quyền và chế độ chính trị » của Việt Nam. Thực vậy, khi Mỹ và Việt Nam có quan hệ đối tác chiến lược toàn diện, trong đó có một cam kết là Mỹ sẽ « tôn trọng độc lập, chủ quyền và chế độ chính trị » của Việt Nam. Khi quan hệ được nâng cao, Mỹ cũng sẽ nâng

cao cam kết đó hơn. Điều này tốt hơn cho Việt Nam cả trong đối nội lẫn trong đối ngoại.

Cho nên cái gọi là « *thời điểm thích hợp* » đối với Việt Nam cũng đồng thời phản ánh cuộc tranh luận giữa hai luồng quan điểm này trong nội bộ lãnh đạo Việt Nam.

RFI : *Nếu căn cứ vào tình hình hiện nay thì có lẽ chưa phải là « thời điểm thích hợp ». « Yếu tố Trung Quốc » có đóng vai trò nào không ?*

G.S. Alexander Vuing : Theo như tôi nói ở trên, yếu tố cản trở thực chất là nhận thức quan điểm của những lãnh đạo chủ trương đi từ từ. Tất nhiên trong nhận thức quan điểm của họ có yếu tố đối nội và đối ngoại. Yếu tố đối nội là liệu quan hệ thân mật hơn với Mỹ có ảnh hưởng đến nội trị không. Còn yếu tố đối ngoại là liệu quan hệ với Mỹ sẽ ảnh hưởng thế nào tới quan hệ với Trung Quốc và Nga là hai cường quốc chống Mỹ.

« *Nhân tố Trung Quốc* » rất quan trọng ở chỗ : Một mặt, tăng cường quan hệ với Mỹ thực ra sẽ nhằm gia tăng đối trọng với Trung Quốc. Thường thì mỗi khi Trung Quốc gia tăng gây hấn, Việt Nam lại có phản ứng là cố gắng tăng cường quan hệ với Mỹ. Mặt khác, quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ được tăng cường thì cũng tạo xung lực cho Trung Quốc gia tăng gây hấn, bởi vì Trung Quốc rất bức tức khi thấy Việt Nam và Mỹ quan hệ nồng ấm với nhau.

Trung Quốc đã sử dụng biện pháp vừa đe dọa vừa gây sức ép đối với Việt Nam trong vấn đề này, chẳng hạn ngay tháng 04/2022, sau khi Nga xâm lược Ukraina khoảng một tháng rưỡi, có một cuộc điện đàm giữa ngoại trưởng Trung Quốc Vương Nghị và ngoại trưởng Việt Nam Bùi Thanh Sơn. Ông Vương Nghị nói rằng Mỹ, cùng với chiến lược Ấn Độ Dương-Thái Bình Dương của họ, là nhân tố lớn nhất gây bất ổn, gây chia rẽ trong khu vực. Ông Vương Nghị cũng nói bóng gió rằng nếu tư duy theo kiểu Chiến tranh lạnh thì có thể sẽ dẫn đến một thảm họa Ukraina khác trong khu vực này, ý nói bóng

gió « Việt Nam đừng đi với Mỹ », « Đi với Mỹ là có thể gây ra thảm họa Ukraina nữa ».

Đọc thêm : [“Yếu tố Trung Quốc” trong quan hệ Mỹ-Việt](#)

Ngoài đe dọa, Trung Quốc đồng thời gây sức ép. Rất nhiều lần từ nhiều năm nay, lãnh đạo Trung Quốc luôn luôn nói với lãnh đạo Việt Nam là hai nước phải cùng nhau xây dựng một cộng đồng chung vận mệnh, muốn Việt Nam tham gia vào những sáng kiến toàn cầu gần đây của Trung Quốc, như sáng kiến an ninh toàn cầu, sáng kiến phát triển toàn cầu, văn minh toàn cầu... Việt Nam không muốn gia nhập quỹ đạo Trung Quốc, nhưng Việt Nam cũng phải có cách để xử lý chuyện này êm thấm, nên Việt Nam cũng ỡm ờ, không nói rõ là không muốn tham gia nhưng cuối cùng Việt Nam cũng chưa hề khẳng định là tham gia sáng kiến an ninh toàn cầu của Trung Quốc, cũng không hề khẳng định tham gia cộng đồng chung vận mệnh của Trung Quốc.

Tóm lại, Việt Nam cũng phải tìm điểm cân bằng giữa những phản ứng trái chiều. Một mặt, quan hệ với Mỹ là để cân bằng áp lực của Trung Quốc. Mặt khác cũng phải làm thế nào để không gây ra những phản ứng bất lợi từ phía Trung Quốc. Cho nên mỗi khi Việt Nam tiến một bước trong quan hệ với Mỹ, Việt Nam lại phải tìm cách vượt ve Trung Quốc để họ đỡ bực bội.

Đọc thêm : [Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng, lãnh đạo nước ngoài đầu tiên đến Trung Quốc sau Đại hội Đảng](#)

Ví dụ trước chuyến đi của ông Biden đến Việt Nam, tổng bí thư Việt Nam Nguyễn Phú Trọng đã đi Trung Quốc vào cuối năm 2022. Đây là chuyến thăm phá lệ vì thông thường, từ mấy chục năm nay, sau khi được bầu làm tổng bí thư, chuyến công du nước ngoài đầu tiên của tổng bí thư là sang Lào. Đây là lần đầu tiên ông Nguyễn Phú Trọng phá lệ, ông đi Trung Quốc trước. Thực ra ông chỉ đi Trung Quốc vì sức khỏe không cho phép đi nhiều.

RFI : *Mối quan hệ được nâng cấp cũng được xem là gắn kết về khía cạnh an ninh và quốc phòng. Trong trường hợp Việt Nam « chưa rõ ràng », hoạt động hợp tác về an ninh, quốc phòng, đặc biệt là ở Biển Đông, sẽ đi theo hướng như nào ?*

G.S. Alexander Vuving : Thực ra, an ninh quốc phòng được cả Việt Nam và Mỹ coi là một trụ cột quan trọng của mối quan hệ. Thế nhưng, trong vấn đề quan hệ quốc phòng, Việt Nam có chủ trương « Bốn Không » (không đi với nước này để chống lại nước kia, không tham gia liên minh quân sự, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam, không sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế).

Đọc thêm : [Nga hụt hơi xích gần với Trung Quốc buộc Việt Nam cân nhắc nâng cấp quan hệ với Mỹ ?](#)

Chính vì thế vấn đề hợp tác an ninh, quốc phòng giữa Mỹ và Việt Nam có những hạn chế rất lớn, bởi vì Việt Nam không muốn cho Trung Quốc thấy rằng Việt Nam đi với Mỹ để chống lại Trung Quốc. Việt Nam cũng không muốn cho Trung Quốc thấy rằng Việt Nam muốn sử dụng vũ lực trong quan hệ với quốc tế. Cho nên Việt Nam phải làm thế nào để Trung Quốc cảm giác là Việt Nam không muốn chiến tranh với Trung Quốc. Chẳng hạn trong những cuộc đối đầu ở Biển Đông khi Trung Quốc đưa tàu thuyền xuống để cản trở, phá hoại những hoạt động kinh tế của Việt Nam ở Biển Đông, Việt Nam cũng đưa những lực lượng « không quân sự » ra tiếp cận, như kiểm ngư, cùng lắm là cảnh sát biển, chứ không phải Hải Quân. Bản thân Việt Nam nói là nâng cấp quốc phòng nhưng thực ra không đủ sức để răn đe Trung Quốc.

Tóm lại, hợp tác an ninh quốc phòng giữa Việt Nam và Mỹ có những giới hạn rất lớn để Việt Nam thực hiện chính sách « Bốn Không » của mình.

RFI Tiếng Việt xin chân thành cảm ơn giáo sư Alexander Vuving, Trung tâm Nghiên cứu An ninh châu Á-Thái Bình Dương, Hawaii, Hoa Kỳ.

Giới chuyên gia: Đối tác Chiến lược không phải là dấu hiệu Việt Nam sẽ liên kết với Mỹ

01/09/2023

VOA News

Capture à partir de : [voatiengviet](https://www.voatiengviet.com)



Tổng thống Joe Biden phát biểu tại Nhà Trắng.

Các chuyên gia cho rằng khi Tổng thống Mỹ Joe Biden thăm Việt Nam vào ngày 10/9, nhiều khả năng Washington và Hà Nội sẽ nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược, một bước quan trọng trong quan hệ song phương, nhưng điều này không có nghĩa là Việt Nam liên kết với Mỹ, theo VOA News.

Trong hệ thống phân cấp quan hệ ngoại giao của Hà Nội, Quan hệ Đối tác Chiến lược là cấp độ thứ hai, chỉ sau cấp độ cao nhất là Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện.

Nhà Trắng ngày 28/8 cho biết Tổng thống Mỹ Joe Biden sẽ tới Hà Nội vào ngày 10/9 để gặp Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Nguyễn Phú Trọng, người giữ chức vụ cao nhất của đất nước, và các nhà lãnh đạo khác để thảo luận về các biện pháp tăng cường hơn nữa hợp tác song phương.

Trong khi các chuyên gia cho rằng việc nâng cấp quan hệ Việt-Mỹ thành Quan hệ Đối tác Chiến lược gần như chắc chắn nếu chuyến thăm của ông Biden diễn ra theo đúng kế hoạch, họ nói rằng các nhà lãnh đạo Việt Nam đang nâng cấp quan hệ đối tác của họ - xét trên bình diện rộng - như một biện pháp phòng vệ trước sự hung hăng ngày càng tăng của Trung Quốc trong khu vực.

Ông Gregory Poling, giám đốc Sáng kiến Minh bạch Hàng hải Châu Á tại Trung tâm Nghiên cứu Chiến lược và Quốc tế

(CSIS) ở thủ đô Washington, nói với VOA: “Điều này không có nghĩa là Việt Nam đang di chuyển vào quỹ đạo của Mỹ. Đây là chuyện Việt Nam vẫn đang duy trì quỹ đạo độc lập của riêng mình – duy trì không gian riêng với Trung Quốc”.

Ông nói tiếp: “Nhờ điều này, có nhiều cơ hội để hai bên hợp tác thực dụng và có chung lợi ích, nhưng Việt Nam sẽ không bước sang phần sân của chúng ta”.

‘Mạng lưới quan hệ đối tác’

Trong năm qua, Việt Nam bận rộn trên mặt trận ngoại giao, tìm cách nâng cấp quan hệ với nhiều nước trong khu vực.

Vào tháng 12, Việt Nam đã nâng cấp quan hệ với Hàn Quốc lên Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện, cấp độ cao nhất trong cấp bậc ngoại giao của Việt Nam, ngang hàng với Trung Quốc, Nga và Ấn Độ.

Việt Nam cũng dự kiến sẽ ký kết Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện với Australia trong năm nay, điều này được công bố sau khi Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn và người đồng cấp Penny Wong gặp nhau tại Hà Nội vào ngày 22/8.

Thủ tướng Singapore Lý Hiển Long cũng đến thăm Hà Nội ngày 27/8. Tại đây, ông đã gặp Thủ tướng Phạm Minh Chính và hai người thảo luận về việc thiết lập Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện.

Ông Alexander Vuving, giáo sư tại Trung tâm Nghiên cứu An ninh Châu Á Thái Bình Dương ở bang Honolulu, Mỹ, nói rằng những mối quan hệ được tăng cường này là nỗ lực phối hợp của Hà Nội nhằm tạo ra một bức tường thành chống lại Bắc Kinh.

GS. Vuving nói: “Việt Nam phải nâng cấp mối quan hệ với tất cả các quốc gia này là những nước có thể giúp đỡ họ trong trường hợp khủng hoảng hoặc thậm chí giúp họ tăng cường khả năng chống đỡ trước sự xâm lấn của Trung Quốc”. Ông nói thêm:

“Nếu chúng ta nhìn vào mạng lưới quan hệ đối tác với tất cả các cường quốc quan trọng trong khu vực, chúng ta có thể an tâm hơn một chút. Đó là chiến lược tổng thể của Việt Nam. Bắt tay với nhiều bên – một dạng ‘lãng nhăng’ về địa chính trị”.

Các mối đe dọa đối với chủ quyền lãnh thổ của Việt Nam thường diễn ra ở Biển Đông. Vùng đặc quyền kinh tế (EEZ) của Việt Nam mở rộng ra 200 hải lý tính từ bờ biển. Trung Quốc tuyên bố chủ quyền đối với gần như toàn bộ vùng biển giàu tài nguyên với đường 9 đoạn – một bản đồ phân định gây tranh cãi bao trùm hầu hết Biển Đông.

Ông Vuving nói rằng Trung Quốc “có các tàu cảnh sát biển và tàu dân quân quấy rối và làm gián đoạn hoạt động thăm dò dầu khí của Việt Nam mỗi ngày”. Ông cho biết: “Họ đang đẩy ngư dân Việt Nam ra khỏi vùng đặc quyền kinh tế của chính Việt Nam”.

Ông Ray Powell, người đứng đầu Dự án Myoushu về Biển Đông của Đại học Stanford, Mỹ, nói rằng việc [Trung Quốc] không ngừng cản trở các hoạt động của Việt Nam trên biển là lý do hàng đầu để nâng cấp mối quan hệ với Hoa Kỳ và các đối tác khác.

Ông Powell nói: “Áp lực liên tục mà Trung Quốc đè lên [Việt Nam] từ mọi góc độ đã làm họ mong muốn tiếp tục nâng cao mức độ quan hệ đối tác đó”. Ông nói thêm: “Về nhiều mặt, việc này là nhằm cân bằng lại với Trung Quốc hơn là liên kết với Hoa Kỳ”.

Đi thẳng bằng trên dây

Năm nay đánh dấu 10 năm kể từ khi Washington và Hà Nội thiết lập Quan hệ Đối tác Toàn diện. Mặc dù các chuyên gia cho rằng chính quyền Biden mong muốn nâng lên hai cấp để đạt Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện, nhưng các nhà lãnh đạo Việt Nam phải thận trọng để không chọc giận Bắc Kinh

ngay cả khi đang cố gắng chống lại sức mạnh ngày càng tăng của nước này.

Hà Nội và Washington bình thường hóa quan hệ song phương vào năm 1995 và nâng lên thành Quan hệ Đối tác Toàn diện vào năm 2013. Quan hệ đối tác này là một tên gọi chính thức trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, đặt Hoa Kỳ vào cấp độ thứ ba trong số các đối tác ngoại giao của Việt Nam.

Ông Nguyễn Khắc Giang, nhà nghiên cứu thỉnh giảng tại Viện ISEAS-Yusof Ishak ở Singapore, nói rằng việc tiến thêm một bước lên Quan hệ Đối tác Chiến lược có thể là kết quả của chuyến thăm của ông Biden khi Hà Nội có những bước đi thận trọng nhằm giữ hòa khí với Bắc Kinh. “Việt Nam khá cẩn thận trong việc cân bằng mối quan hệ đó với hai cường quốc”, ông Giang nói.

Tuy nhiên, ông nói thêm rằng Quan hệ Đối tác Chiến lược sẽ là một bước quan trọng để Việt Nam “tăng cường” năng lực hàng hải, cho phép mua sắm vũ khí tiềm năng và gửi thông điệp tới Bắc Kinh.

“Rất mạnh mẽ, nó sẽ đáp lại áp lực của Trung Quốc rằng nếu bạn đẩy tôi đi quá xa, thì tôi ít ra cũng có [sự hợp tác] của Hoa Kỳ để giúp bảo vệ lợi ích quốc gia của chính tôi”, ông Giang nói.

Tuần duyên Mỹ sẽ thực thi các quy định hàng hải tại vùng biển Palau

Đăng ngày: 30/08/2023 - 13:15

Capture à partir de :[RFI](#)

Hoa Kỳ vừa ký một thỏa thuận mới với Palau, cho phép các tàu Mỹ đơn phương thực thi các quy định hàng hải trong vùng đặc quyền kinh tế của đảo quốc nhỏ bé Thái Bình Dương này, theo thông báo của lực lượng tuần duyên Mỹ hôm qua, 29/08/2023.



Hình tư liệu minh họa do lực lượng tuần duyên duyên Hoa Kỳ công bố ngày 27/08/2021, cho thấy các chiến hạm Mỹ tuần tra trong eo biển Đài Loan. AP

Theo hãng tin AFP, thỏa thuận được ký trong bối cảnh cả Mỹ và Trung Quốc đang tìm cách mở rộng ảnh hưởng ở Thái Bình Dương. Hoa Kỳ cũng đáp ứng yêu cầu của tổng thống Palau muốn được Washington giúp đỡ nhằm ngăn chặn “các hoạt động không mong muốn” của Bắc Kinh ở vùng biển của Palau.

Trong thỏa thuận được ký kết cách đây một tuần, các tàu tuần duyên Hoa Kỳ có thể thay mặt Palau thực thi các quy định bên trong vùng đặc quyền kinh tế của đảo quốc này mà không cần có sự hiện diện của sĩ quan Palau.

Trong một thông cáo, tổng thống Palau, Surangel S. Whipps Jr. tuyên bố: “*Thỏa thuận này giúp Palau giám sát vùng đặc quyền kinh tế của chúng tôi, bảo vệ chống lại hoạt động đánh bắt trái phép, không báo cáo và không theo quy định, đồng thời ngăn chặn các tàu không được mời thực hiện những hoạt động đáng ngờ trong vùng biển của chúng tôi.*”

Bản thông cáo không nêu đích danh Trung Quốc, nhưng vào tháng 6, tổng thống Palau tiết lộ với các phóng viên ở Tokyo rằng ba tàu Trung Quốc đã xâm nhập “*mà không được mời*” vào vùng biển của Palau kể từ khi ông nhậm chức vào năm 2021.

Palau là một trong số ít quốc gia vẫn công nhận Đài Loan và duy trì quan hệ ngoại giao với hòn đảo này.

Căng thẳng đang gia tăng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương do Trung Quốc muốn áp đặt các yêu sách chủ quyền trong khu vực, buộc Mỹ và các đồng minh phải có các hành động đáp trả.

Vào tuần trước, hai tàu Philippines, với sự điều khiển của máy bay giám sát của hải quân Hoa Kỳ, đã vượt qua vòng phong tỏa của lực lượng hải cảnh Trung Quốc ở Biển Đông để tiếp tế cho lực lượng Philippines bảo vệ một bãi đá đang có tranh chấp giữa Manila và Bắc Kinh.

Liên Âu lo ngại về những nguy cơ do việc tổng thống Nga Putin bị suy yếu

Đăng ngày: 30/06/2023 - 13:37

Capture à partir de : [RFI](#)

Hợp thượng đỉnh tại Bruxelles, Bỉ, hôm qua, 29/06/2023, các lãnh đạo Liên Hiệp Châu Âu đã bày tỏ quan ngại về những nguy cơ do việc tổng thống Nga Vladimir Putin bị suy yếu sau vụ nổi loạn của tập đoàn lính thuê Wagner.



Lãnh đạo Ngoại Giao Liên Hiệp Châu Âu Josep Borrell nói chuyện với giới truyền thông khi ông đến dự thượng đỉnh EU tại Bruxelles, ngày 29/06/2023. AP - Virginia Mayo

Theo hãng tin AFP, phát biểu khi vừa đến Bruxelles, lãnh đạo ngoại giao của Liên Âu, ông Josep Borrell, nhận định, bị suy yếu bởi cuộc nổi loạn của Wagner, tổng thống Nga trở thành “*một mối nguy hiểm lớn hơn*”. Ông Borrell nói: “*Cho tới nay, chúng ta*

xem Nga là một mối đe dọa do việc lực lượng của họ được triển khai ở Ukraina. Nhưng nay chúng ta xem Nga là một nguy cơ do bất ổn nội bộ của nước này”.

Về phần mình, chủ tịch Ủy Ban Châu Âu Ursula von der Leyen cho rằng, vụ binh biến đã phản ánh “*những rạn nứt sâu rộng*” trong hệ thống do Putin lập ra và điều này “*sẽ có những hậu quả đối với chúng ta*”.

Ukraina đã là tâm điểm của các cuộc thảo luận tại thượng đỉnh Bruxelles hôm qua. Các lãnh đạo Liên Âu đã tái khẳng định cam kết yểm trợ lâu dài Kiev chống lại Nga. Chủ tịch Ủy Ban Châu Âu cho rằng Liên Âu cần tăng gấp đôi các khoản trợ giúp Ukraina về khả năng quân sự và về tài chính. Hôm 20/06 vừa qua, bà Ursula von der Leyen đã đề nghị các nước thành viên Liên Âu thông qua gói viện trợ 50 tỷ euro để hỗ trợ Ukraina cho đến 2027.

Trong khi đó, chủ tịch Hội Đồng Châu Âu Charles Michel nhấn mạnh là Liên Âu phải chuẩn bị cho việc thu nhận Ukraina và thảo luận về một vấn đề nhạy cảm, đó là các cải tổ mà Kiev phải thi hành để có thể được gia nhập Liên Âu. Tổng thống Volodymyr Zelensky đã yêu cầu là ngay từ cuối năm nay phải mở đàm phán về gia nhập Liên Âu. Nhưng quyết định này phải được toàn bộ 27 nước thành viên thông qua.

Wagner nổi loạn : Hệ quả nào cho tập đoàn lính đánh thuê ở châu Phi ?

Đăng ngày: 26/06/2023 - 12:16

Capture à partir de : [RFI](#)

Hai ngày sau cuộc nổi loạn bất thành, lãnh đạo tập đoàn bán quân sự Wagner Evgueni Prigojine hôm nay, 26/06/2023, được cho là sẽ đến Belarus sống lưu vong theo thỏa thuận với tổng thống Nga Vladimir Putin. Ngày giờ xuất phát và nơi ở của ông không được công bố.



Lính đánh thuê Wagner tại miền bắc Mali, châu Phi. Nguồn ảnh không xác định rõ thời điểm. AP

Câu hỏi đặt ra : Số phận của những binh sĩ thuộc tập đoàn Wagner sẽ ra sao? Lực lượng này không chỉ có mặt ở Ukraina, mà chủ yếu là ở châu Phi. Liệu cuộc nổi loạn bất thành có làm thay đổi sự hiện diện của Nga ở châu lục này?

Trả lời đài RFI, Kelian Sanz Pascual, chuyên gia địa chính trị, thuộc văn phòng tư vấn Cassini, phân tích:

« Sẽ có những thay đổi sau sự kiện này, kể cả ở châu Phi. Vấn đề cần quan tâm là liệu Evgueni Prigojine có sẽ được tiếp tục lãnh đạo Wagner hay không ? Nếu ông ấy không được giữ lại, liệu Wagner có sẽ tiếp tục tồn tại như hiện nay, hay là nhân sự sẽ bị phân tán trong nhiều cơ cấu khác nhau ? Chúng ta cũng không thể loại trừ khả năng lực lượng Wagner sớm hay muộn cũng sẽ nằm dưới sự kiểm soát của bộ Quốc Phòng giống như các công ty quân sự tư nhân khác.

Tôi không lấy làm lạ về việc ông Shoigu và những người thân cận của ông hoặc những người có cùng lợi ích với bộ Quốc Phòng muốn chiếm lấy quyền kiểm soát Wagner.

Tuy nhiên, có thể bộ Quốc Phòng Nga không phải là tác nhân duy nhất tìm cách chiếm lấy những phần thị trường này. Ngược lại, điều chắc chắn là tầm ảnh hưởng của Nga tại châu Phi sẽ không hề bị

suy suyển, mà có thể sẽ chỉ mang một hình thái khác so với những gì chúng ta biết hiện nay. »

Tổ chức Nobel rút ý định mời đại sứ Nga, Belarus và Iran dự lễ trao giải Nobel

Đăng ngày: 02/09/2023 - 11:57

Capture à partir de :[RFI](#)

Trong thông báo hôm nay, 02/09/2023, Tổ chức Nobel cho biết sẽ không mời các đại sứ Nga, Belarus và Iran đến dự lễ trao giải Nobel ngày 10/12/2023, sau khi bị chỉ trích mạnh mẽ.



Ảnh minh họa: Huy chương Nobel được trưng bày tại một buổi lễ ở New York, ngày 08/12/2020.AP - Angela Weiss

Thông cáo của tổ chức ghi rõ : *« Chúng tôi đã chọn lập lại biện pháp đặc biệt của năm 2022, nghĩa là không mời các đại sứ Nga, Belarus và Iran đến dự lễ trao giải. »*

AFP nhắc lại, hôm thứ Năm, 31/08/2023, Tổ chức Nobel cho biết năm nay này sẽ mời tất cả các đại sứ hiện diện tại Thụy Điển, gồm cả các đại sứ Nga, Belarus và Iran, đến dự lễ trao giải nhằm tạo điều kiện cho đối thoại hòa bình. Nhưng nhã ý này của tổ chức đã làm dấy lên làn sóng chỉ trích, từ thủ tướng Thụy Điển cho đến chính quyền Kiev, vì lời mời này bị xem là đi ngược với *« các giá trị của Alfred Nobel »*.

Trong mùa giải Nobel 2022, hai đại sứ Nga và Belarus đã không được mời vì cuộc chiến tranh Ukraina, còn đại sứ Iran cũng vắng mặt do cuộc trấn áp làn sóng phản đối chính quyền Teheran.

Từ Stockholm, thông tin viên đài RFI, Carlotta Morteo giải thích thêm :

« Thế giới ngày càng bị chia rẽ, và không gian đối thoại đang bị thu hẹp », giám đốc điều hành Quỹ Nobel nói tóm tắt như thế nhằm biện minh cho quyết định chia tay thân thiện.

Ủy ban Na Uy, cơ quan trao giải Nobel Hòa Bình, cũng có cùng lập luận. Thư ký của ủy ban cho rằng, xin trích, « điều khó chịu cho các đại diện của những nhà nước chuyên chế, những chính quyền trấn áp dân tộc mình, hay gây chiến, là phải có mặt tại chỗ để nghe những thông điệp này hơn là không được mời dự lễ. »

Phát ngôn viên bộ Ngoại Giao Ukraina đã phản ứng, cho rằng điều này trước hết khơi dậy « cảm giác không bị trừng phạt », đồng thời kêu gọi Ủy ban Noel rút lời mời, nhằm hậu thuẫn cho những nỗ lực cô lập nước Nga.

Thủ lĩnh phe đối lập Belarus sống lưu vong, Svetlana Tikhanovskaia, cũng phẫn nộ không kém, nhắc lại rằng giải Nobel Hòa bình năm 2022, luật sư người Belarus Ales Bialiatski, vẫn đang bị chế độ Lukashenko cầm tù.

Tại Thụy Điển, thủ tướng Ulf Kristersson, cho biết ông « rất ngạc nhiên ». Ông nói : « Tôi có lẽ sẽ không làm như thế, nếu tôi phải lo việc mời khách ». Nhưng ông không nói rõ có sẽ tẩy chay lễ trao giải hay không, như quyết định mà lãnh đạo các đảng cánh tả, đảng Xanh, cánh trung và cực hữu đã thông báo.

NATO tuyên bố sẵn sàng bảo vệ các nước đồng minh trước mọi đe dọa từ Nga hay từ Belarus

Đăng ngày: 28/06/2023 - 11:50

Tuyên bố với báo chí hôm qua, 27/06/2023, tại La Haye, Hà Lan, tổng thư ký Liên minh Bắc Đại Tây Dương NATO tuyên bố là khối quân sự này sẵn sàng bảo vệ các nước đồng minh trước mọi đe dọa “*từ Matxcova hay từ Minsk*”. Lãnh đạo NATO phát biểu như trên ngay sau khi Belarus thông báo đón tiếp Evgueni Prigogine, chủ nhân tập đoàn lính đánh thuê Wagner.



Tổng thư ký Liên Minh Bắc Đại Tây Dương Jens Stoltenberg (G) trong cuộc họp báo tại Catshuis, La Haye, Hà Lan, ngày 27/06/2023. REUTERS - PIROSCHKA VAN DE WOUW

Theo lời tổng thư ký khối NATO, được hãng tin AFP trích dẫn, trong cuộc họp thượng đỉnh vào giữa tháng 7 ở Litva, khối quân sự này sẽ tăng cường các hệ thống phòng thủ để bảo vệ các nước thành viên, nhất là những quốc gia có biên giới chung với Nga và Belarus.

Sau một buổi ăn tối với 7 vị nguyên thủ quốc gia và lãnh đạo chính phủ của khối NATO, ông Stoltenberg còn nhấn mạnh là phương Tây “*không nên đánh giá thấp nước Nga*”, cho dù đã xảy ra những rối loạn trong cuối tuần qua. Về phần thủ tướng Mark Rutte của nước Hà Lan chủ nhà, ông bác bỏ cáo buộc của tổng thống Vladimir Putin rằng « *phương Tây muốn người Nga chém giết nhau* ».

Cũng hôm qua, ngoại trưởng Pháp Catherine Colonna đã tiếp các đồng nhiệm ba nước vùng Baltic tại Paris và đây cũng đã là dịp để bàn về tình hình nước Nga sau cuộc nổi loạn bất thành của lãnh đạo lực lượng Wagner. Những sự kiện này tác động như thế nào đến các nước vùng Baltic, ngoại trưởng và cũng là tổng thống tương lai của Latvia, ông Edgars Rinkēvičs giải thích:

“Chúng tôi xem đó là chuyện nội bộ của Nga. Theo quan điểm của chúng tôi, đó là cái ác này chống lại cái ác kia, nhưng chúng tôi không biết là tình hình sẽ diễn tiến như thế nào trong những ngày tới và những tuần tới.

Chúng tôi cần có thời gian để đánh giá tác động của sự kiện này đối với tình hình nội bộ của Nga, cũng như đối với an ninh khu vực, bởi vì chúng tôi đã chú ý lắng nghe và phân tích tuyên bố của ông Putin rằng một số binh lính của Wagner có thể tự do đi vào lãnh thổ Belarus. Nếu đúng như thế, cần phải đánh giá lại biện pháp này về mặt quốc phòng và an ninh. Ai cũng biết khả năng của lực lượng lính đánh thuê này là như thế nào.

Tôi nghĩ là với cuộc họp thượng đỉnh sắp tới của NATO, với những cuộc thảo luận về sự cần thiết bảo vệ sườn phía đông của châu Âu, chúng ta phải rất quan tâm đến những sự di chuyển như vậy (của lực lượng Wagner)”.

Theo hãng tin AFP, hôm qua, tổng thống Belarus Alexander Lukashenko đã gián tiếp chỉ trích tổng thống Putin khi cho rằng vụ nổi loạn của Prigogine là hậu quả của việc không quản lý tốt mối hiềm khích giữa Wagner và quân đội Nga. Lukashenko cũng khẳng định chính ông đã bảo tổng thống Putin đừng giết lãnh đạo Wagner.

NATO có thêm cơ hội kiềm chế Nga với sự gia nhập của Phần Lan, Thụy Điển

04/07/2023

Reuters

Capture à partir de : [voatiengviet](https://www.voatiengviet.com)



Một chiến hạm thuộc Hạm đội Baltic của Nga bắt đầu tập trận tại Biển Baltic ngày 5/6/2023.

Trên cao một cây cầu đường sắt bắc qua một dòng sông sỏi bọt ngay bên ngoài Vòng Bắc Cực, các công nhân xây dựng Phần Lan đang nỗ lực thực hiện một dự án làm thông suốt các kết nối từ bờ biển Đại Tây Dương của NATO ở Na Uy đến biên giới mới với Nga.

Cho đến tháng 2 năm 2022, dự án điện khí hóa trị giá 37 triệu euro (41 triệu đô la Mỹ) cho đoạn đường sắt ngắn này – tuyến đường sắt duy nhất giữa Thụy Điển và Phần Lan – chỉ đơn giản là hứa hẹn cho người dân địa phương cơ hội đi chuyến tàu đêm tới những ánh đèn rực rỡ của Stockholm.

Sau khi Nga xâm lược Ukraine, điều đó đã thay đổi.

Bây giờ Phần Lan là một phần của NATO và Thụy Điển hy vọng sẽ sớm gia nhập.

Vào lúc liên minh định hình lại chiến lược của mình để đối phó với chiến dịch của Nga, việc tiếp cận các vùng lãnh thổ mới này và cơ sở hạ tầng của họ sẽ mở ra những cách để các đồng minh theo dõi và kiểm chế Moscow, đồng thời là cơ hội chưa từng có để đối xử với toàn bộ Tây Bắc Âu như một khối, gần hai chục nhà ngoại giao và các chuyên gia quân sự và an ninh nói với Reuters.

“Đặt Nga vào tình trạng rủi ro”

Những cải tiến đường sắt của Phần Lan xung quanh Tornio ở biên giới Thụy Điển là một ví dụ. Dự kiến hoàn thành vào năm tới, chúng sẽ giúp các đồng minh dễ dàng gửi quân tiếp viện và

thiết bị từ bên kia Đại Tây Dương đến Kemijarvi, cách biên giới Nga một giờ lái xe và bảy giờ từ căn cứ quân sự và căn cứ hạt nhân của Nga gần Murmansk ở bán đảo Kola.

Trong số các lực lượng đóng ở đó, Hạm đội Phương Bắc của Nga có 27 tàu ngầm, hơn 40 tàu chiến, khoảng 80 máy bay chiến đấu và kho đầu đạn hạt nhân và phi đạn, dữ liệu do Viện Quan hệ Quốc tế Phần Lan (FIIA) thu thập cho thấy.

Trong một cuộc xung đột quân sự với NATO, nhiệm vụ chính của Hạm đội sẽ là đảm bảo quyền kiểm soát Biển Barents và ngăn chặn các tàu đưa tiếp viện từ Bắc Mỹ đến châu Âu qua vùng biển giữa Greenland, Iceland và Vương quốc Anh.

Đó là điều mà Phần Lan có thể giúp NATO chống lại.

Thiếu tướng Mỹ đã nghỉ hưu Gordon B. Davis Jr. nói với Reuters: “Tất cả chỉ nhằm kiểm chế những loại năng lực đó từ phía bắc.”

Bên cạnh việc mở rộng lãnh thổ, Helsinki đang mua những khí tài phù hợp, đặc biệt là máy bay chiến đấu, “để tăng thêm giá trị cho việc phòng thủ ở phía đông bắc, và nói thẳng ra là, trong một cuộc xung đột khiến Nga gặp rủi ro,” ông nói.

Sự đóng góp của Thụy Điển, vào năm 2028, sẽ bao gồm một thế hệ tàu ngầm mới ở Biển Baltic mà ông Fredrik Linden, Chỉ huy Đội tàu ngầm đầu tiên của Thụy Điển, cho biết sẽ tạo ra sự khác biệt lớn trong việc bảo vệ cơ sở hạ tầng đáy biển dễ bị tổn thương và duy trì quyền tiếp cận - vấn đề an ninh đang gây nhức đầu hiện nay, như việc phá hủy các đường ống dẫn khí đốt Nord Stream vào tháng 9 năm 2022 đã cho thấy.

Ông Linden nói với Reuters: “Với 5 chiếc tàu ngầm, chúng tôi có thể đóng cửa biển Baltic.”

Phó Giám đốc Viện Quan hệ Quốc tế Phần Lan FIIA Samu Paukkunen nói với Reuters rằng Nga đã và đang tích cực phát triển các năng lực quân sự và hỗn hợp của mình ở Bắc Cực để

chống lại phương Tây, một phần dưới vỏ bọc hợp tác kinh tế và môi trường quốc tế. Bộ Quốc phòng Nga không trả lời yêu cầu bình luận.

Viện của ông Paukkunen ước tính các lực lượng vũ trang phương Tây chậm hơn Nga khoảng 10 năm về mặt quân sự ở Bắc Cực.

Ông Paukkunen cho biết, ngay cả với những tổn thất mà Nga phải gánh chịu ở Ukraine, thành phần hải quân của Hạm đội Phương Bắc và các máy bay ném bom chiến lược vẫn còn nguyên vẹn.

Đan Mạch, thành viên NATO, đã loại bỏ dần hạm đội tàu ngầm của mình vào năm 2004, một phần trong động thái thu hẹp quy mô khả năng quân sự sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc, và nước này vẫn chưa quyết định các khoản đầu tư trong tương lai. Na Uy cũng đang đặt mua 4 tàu ngầm mới, chiếc đầu tiên sẽ được giao vào năm 2029.

Ông Sebastian Bruns, nhà nghiên cứu cấp cao về an ninh hàng hải tại Viện Chính sách An ninh của Đại học Kiel, nói: “Đối với tôi, dường như chúng ta có một số việc phải làm, bởi vì chúng ta đã không làm điều đó đúng cách trong 25 năm qua”.

“Toàn bộ”

Cả hai diễn biến đều cho thấy liên minh mở rộng sẽ định hình lại bản đồ an ninh của châu Âu như thế nào. Khu vực từ Baltic ở phía nam đến vùng cao phía bắc gần như có thể trở thành một khu vực hoạt động tổng hợp của NATO.

“Đối với NATO, điều quan trọng là phải kiểm soát toàn bộ phần phía bắc, xem nó như một khối toàn bộ,” Trung tá Michael Maus của NATO nói với Reuters. Ông chủ trì nhóm công tác dẫn dắt việc hội nhập quân sự của Phần Lan vào NATO.

“Với các quốc gia NATO (hiện nay) là Na Uy và Đan Mạch, giờ đây chúng ta có cả một khối. Và khi nghĩ về các kế hoạch

phòng thủ tiềm năng, đó là một bước tiến lớn đối với chúng ta, để coi đó là một khu vực toàn bộ hiện tại.”

Điều này trở nên rõ ràng vào tháng 5, khi Phần Lan tổ chức cuộc tập trận đầu tiên ở Bắc Cực với tư cách là thành viên NATO tại một trong những căn cứ huấn luyện pháo binh lớn nhất châu Âu cách Vòng Bắc Cực 25 km.

Thị trấn Rovaniemi gần đó, được khách du lịch gọi là quê hương của ông già Noel, cũng là căn cứ của lực lượng không quân Bắc Cực của Phần Lan và sẽ đóng vai trò là trung tâm quân sự cho khu vực trong trường hợp xảy ra xung đột. Phần Lan đang đầu tư khoảng 150 triệu euro cải tạo căn cứ để có thể tiếp nhận một nửa phi đội mới gồm 64 máy bay chiến đấu F-35, dự kiến sẽ đến từ năm 2026.

Đối với cuộc diễn tập tháng 5, gần 1.000 binh sĩ lực lượng đồng minh từ Hoa Kỳ, Anh, Na Uy và Thụy Điển đã tràn ngập các đường cao tốc thừa thớt khi họ tham gia cùng khoảng 6.500 quân Phần Lan và 1.000 xe.

Đại úy Kurt Rossi, Sĩ quan Pháo binh dã chiến của Quân đội Hoa Kỳ, dẫn đầu một khẩu đội mang theo một bộ phóng rốc-két M270.

Đầu tiên nó được vận chuyển từ Đức qua biển Baltic, sau đó được vận chuyển bằng xe tải gần 900 km về phía bắc.

Ông Rossi nói: “Chúng tôi chưa từng gần (với Nga) như vậy và chưa huấn luyện ở Phần Lan trước đây.”

Nếu xảy ra xung đột với Nga ở khu vực Biển Baltic - nơi Nga có khả năng quân sự đáng kể tại St. Petersburg và Kaliningrad - tuyến đường vận chuyển mà NATO sử dụng cho cuộc tập trận đó sẽ rất dễ bị tổn thương. Phần Lan phụ thuộc rất nhiều vào vận tải hàng hải cho tất cả các nguồn cung cấp của mình – dữ liệu hải quan cho thấy gần 96% ngoại thương của nước này được vận chuyển qua Baltic.

Tuyến đường sắt đông-tây băng qua vùng cao phía bắc sẽ mở ra một giải pháp thay thế, có thể mang tính quyết định.

Ông Tuomo Lamberg, quản lý các hoạt động xuyên biên giới tại Sweco, công ty Thụy Điển thiết kế điện khí hóa, nói: “Tôi nghĩ rằng người Nga có thể dễ dàng làm gián đoạn việc vận chuyển hàng hóa bằng đường biển nên về cơ bản, tuyến đường phía bắc này là tuyến đường duy nhất có thể tiếp cận sau đó”.

“Không có gì đánh bại họ”

Nhưng rủi ro đó cũng có thể giảm đi khi Thụy Điển gia nhập NATO.

Ở bên dưới mực nước Biển Baltic, chỉ huy tàu ngầm Linden cho phóng viên xem khu vực dành cho hạm trưởng tàu Gotland, một trong bốn tàu ngầm hiện có trong hạm đội của Thụy Điển, sẽ nâng tổng số tàu của NATO ở các nước Baltic lên 12 chiếc vào năm 2028.

Viện Kiel dự kiến Nga sẽ bổ sung thêm 1 tới 3 tàu ngầm trong những năm tới, nâng tổng số tàu ngầm Baltic lên 4 chiếc, cùng với hạm đội khoảng 6 tàu chiến hiện đại. Khả năng của họ tại Kaliningrad cũng bao gồm các phi đạn đạn đạo tầm trung.

“Đây có thể là nơi cô đơn nhất trên thế giới,” ông Linden, người chỉ huy con tàu trong nhiều năm, nói. Trong một nhiệm vụ điển hình, kéo dài hai đến ba tuần, không có liên lạc với trụ sở chính, ông cho hay.

Nhà nghiên cứu Bruns nói chiếc Gotlands, giống như tàu ngầm Loại 212 hiện đại của Đức, sẽ là một trong những tàu ngầm phi hạt nhân tiên tiến nhất của NATO và có thể ở ngoài cảng lâu hơn đáng kể so với hầu hết các mẫu thông thường khác.

Ông Bruns nói: “Không nghi ngờ gì nữa, tôi có thể nói rằng lớp tàu Gotland và Loại 212 của Đức là những tàu ngầm phi hạt nhân có khả năng nhất trên thế giới.”

“Không có gì có thể đánh bại chúng, theo đúng nghĩa đen. Xét về mức độ thâm lặng của chúng, động cơ chúng sử dụng, chúng đặc biệt thâm lặng và rất cơ động.”

Trong chiến tranh tàu ngầm, ông Linden nói, câu hỏi chính là kẻ thù ở đâu. Một thành viên thủy thủ đoàn bất cẩn làm rơi còi lê hoặc đóng sầm cửa tử có thể dẫn đến việc bị phát hiện.

“Chúng tôi nói chuyện rất nhỏ trên tàu,” ông Linden nói. “Bạn không nên tin ... những bộ phim mà mệnh lệnh được hét lên.”

Chiếc Gotland có trụ sở tại Karlskrona, cách Kaliningrad khoảng 350 km qua biển Baltic. Theo Ủy ban An ninh và Hợp tác châu Âu, với trung bình 1.500 tàu mỗi ngày qua lại trên biển Baltic, đây là một trong những tuyến đường biển nhộn nhịp nhất thế giới – và thực sự chỉ có một đường đi ra, đó là Biển Kattegatt giữa Đan Mạch và Thụy Điển.

Con đường biển nông và đông đúc chỉ có thể được tiếp cận thông qua ba eo biển hẹp mà tàu ngầm không thể đi qua mà không bị phát hiện.

Sức mạnh của lắng nghe

Nếu bất kỳ eo biển nào bị đóng, giao thông vận tải đường biển đến Thụy Điển và Phần Lan sẽ bị ảnh hưởng nặng nề và các quốc gia vùng Baltic bị cắt đứt hoàn toàn. Nhưng với Thụy Điển trong liên minh, điều đó trở nên dễ ngăn ngừa hơn, bởi vì các tàu ngầm của Thụy Điển sẽ tăng thêm sức mạnh lắng nghe của NATO.

Ông Linden nói thủy thủ đoàn tàu Gotland đôi khi có thể nghe thấy tiếng tàu của Nga. Phạm vi di chuyển của âm thanh thay đổi một phần tùy thuộc vào các mùa. Ông nói, vào mùa đông, bạn có thể nghe âm thanh xa đến tận đảo Oeland – chỉ xa hơn một chút so với khoảng cách giữa London và Birmingham ở Vương quốc Anh.

“Bạn có thể nằm bên ngoài Stockholm và nghe thấy tiếng xích lạch cạch trên phao phía bắc của Oeland,” ông Linden nói. “Vào mùa hè, bạn có thể nghe khoảng 3.000 mét.”

Đến năm 2028, khi Thụy Điển nhận tàu thiết kế mới, khả năng này sẽ tăng lên. Tàu thiết kế mới, được gọi là A26, sẽ cho phép các thủy thủ đoàn tàu ngầm triển khai các phương tiện hoạt động từ xa (ROV), thợ lặn chiến đấu hoặc các hệ thống tự trị thuộc loại nào đó mà không gây nguy hiểm cho tàu ngầm hoặc thủy thủ đoàn, ông Bruns nói.

“Tùy thuộc vào nhiệm vụ, nó có thể là ROV bảo vệ đường ống hoặc cáp dữ liệu, nó có thể là thợ lặn chiến đấu lên bờ trong bóng tối, nó có thể là hầu hết mọi thứ.”

Khả năng đó sẽ tăng phạm vi của Thụy Điển trong việc kiểm soát các tàu đến và đi qua Biển Baltic.

“Nếu bạn tính tất cả các lực lượng, với Đức dẫn đầu, Thụy Điển và Phần Lan tham gia, thì tất cả các lực lượng đó đã thực sự thay đổi cán cân ở Biển Baltic khá đáng kể”, ông Nick Childs, thành viên cấp cao về Lực lượng Hải quân và An ninh Hàng hải tại Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế, cho biết.

“Điều đó sẽ khiến hạm đội Biển Baltic của Nga rất khó hoạt động một cách tự do”, ông nói. “Nhưng nó có thể ... vẫn đặt ra những thách thức cho NATO.”

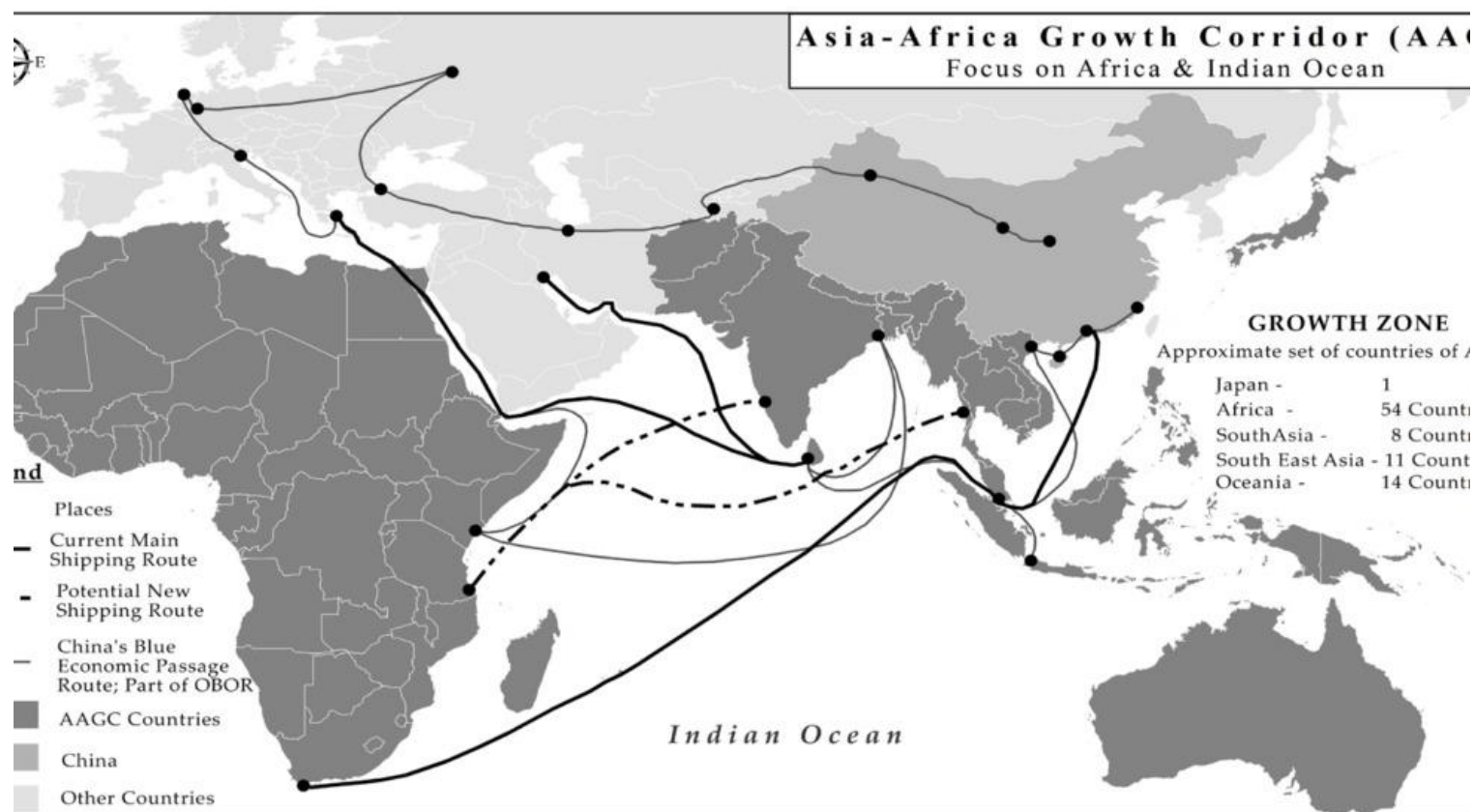
Ngoại trưởng Ý công du Trung Quốc, chuẩn bị khả năng rút Ý ra khỏi dự án Những Con Đường Tơ Lụa Mới

Đăng ngày: 03/09/2023 - 15:29

Capture à partir de :[RFI](#)

Ngoại trưởng Ý Antonio Tajani, hôm nay, 03/09/2023, bắt đầu chuyến thăm Bắc Kinh kéo dài đến ngày thứ Ba 05/9. Khả năng Ý thông báo rút khỏi dự án Những Con Đường Tơ Lụa Mới (BRI) nhân chuyến công du Trung Quốc sắp tới của thủ tướng

Ý sẽ là nội dung các cuộc thảo luận trong cuộc gặp giữa lãnh đạo ngoại giao Ý với các đồng cấp Trung Quốc.



Ảnh minh họa Những con đường tơ lụa mới. © Screengrab Focus Asia

Theo AFP, nhiệm vụ của ngoại trưởng Ý trong chuyến thăm Bắc Kinh lần này sẽ không dễ dàng. Thủ tướng Ý Giorgia Meloni theo dự kiến, sẽ có chuyến công du Trung Quốc vào trung tuần tháng 10/2023, và nhân dịp này, bà sẽ hợp thức hóa việc rút Ý ra khỏi dự án BRI - Belt and Road Initiative - Những Con Đường Tơ Lụa Mới.

Lorenzo Codogno, cựu kinh tế gia trưởng của bộ Tài Chính Ý phân tích, « quyết định rút khỏi dự án đã được chính quyền Trung Quốc chấp thuận về mặt nguyên tắc. Nữ thủ tướng Ý sẽ có thông báo chính thức trong chuyến công du sắp tới, như một sự thể hiện thái độ tôn trọng đối với các lãnh đạo Trung Quốc. »

Tuy vậy, Nghị Viện Ý cũng khuyến nghị ngoại trưởng Tajani « phải có một đánh giá và đưa ra quyết định có nên tiếp tục hay không tham gia vào dự án BRI ».

Hôm qua, phát biểu tại diễn đàn kinh tế do The European House – Ambrosetti tổ chức, ngoại trưởng Ý nhận định rằng dự án Con đường Tơ lụa Mới đã không tạo ra những kết quả như mong muốn. Kim ngạch xuất khẩu của Ý sang Trung Quốc trong năm 2022 chỉ ở mức 16,5 tỷ euro, thấp hơn mức sang các nước láng giềng là Pháp và Đức từ gần 1,4 đến hơn 6,4 lần.

AFP nhắc lại, năm 2019, khi phải oằn mình gánh khoản nợ công, Ý là quốc gia trong khối G7 duy nhất tham gia BRI, và bị các nước phản đối mô tả như là con ngựa thành Troie. Theo nguyên tắc, thỏa thuận Ý - Trung sẽ được tự động gia hạn vào tháng 3/2024 trừ phi Ý quyết định thoái lui vào cuối năm 2023.

G7 huy động 600 tỉ đô la cạnh tranh với dự án “Một vành đai một con đường” Trung Quốc

Đăng ngày: 08/07/2022 - 14:14

Capture à partir de :[RFI](#)

“*Muộn còn hơn không*”, nhóm G7 lập dự án Hợp tác đối tác về Cơ sở hạ tầng và Đầu tư toàn cầu (PGII), đặt mục tiêu huy động đến 600 tỉ đô la đầu tư vào cơ sở hạ tầng của các nước đang phát triển, chủ yếu ở nam bán cầu.



Bốn nước khách mời của G7 từ 26-28/06/2022 tại Đức. Từ trái sang phải : Tổng thống Nam Phi Cyril Ramaphosa, tổng thống Aentina Alberto Angel Fernandez, chủ tịch vùng Bayern (Đức) Markus Soder, thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và tổng thống Senegal Macky Sall, tại Munich, ngày 26/06/2022. © AP/Tobias Hase

Tại thượng đỉnh G7 ở Đức (26-28/06/2022), các nguyên thủ khẳng định chỉ cung cấp thêm “*một lựa chọn*” cho các nước đang phát triển, dù không nhắc đến việc cạnh tranh với Sáng kiến Một vành đai Một con đường - BRI của Trung Quốc, được triển khai ồ ạt từ năm 2013.

Mỹ cam kết ngân sách 200 tỉ đô la

G7 đặt ra mục tiêu huy động 600 tỉ đô la từ nay đến năm 2027 để đầu tư vào cơ sở hạ tầng trên thế giới trong khuôn khổ Hợp tác đối tác về Cơ sở hạ tầng và Đầu tư toàn cầu (Partnership for Global Infrastructure and Investment, PGII). Hoa Kỳ cam kết 200 tỉ đô la trong vòng 5 năm. Liên Hiệp Châu Âu sẽ huy động 300 tỉ đô la. Các nước Ý, Canada và Nhật Bản cũng nêu những dự án riêng trong đó có nhiều dự án đã được triển khai. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu : Hoa Kỳ và G7 cho biết sẽ tìm cách huy động thêm vốn ở những đối tác có chung ý tưởng, các ngân hàng phát triển đa quốc gia, các định chế tài chính, các quỹ đầu tư...

Trong thông cáo ngày 26/06, Nhà Trắng nhấn mạnh : “*Hợp tác đối tác về Cơ sở hạ tầng và Đầu tư toàn cầu đề xuất những dự án mang tính cách mạng để bù lấp những thiếu hụt về cơ sở hạ tầng ở những nước đang phát triển, củng cố nền kinh tế thế giới và chuỗi cung ứng toàn cầu và thúc đẩy an ninh của Hoa Kỳ*”.

Cụ thể, PGII tập trung vào 4 trụ cột chính : đấu tranh chống biến đổi khí hậu và tăng cường an ninh năng lượng thế giới ; phát triển, mở rộng và triển khai những mạng lưới và cơ sở hạ tầng được bảo đảm an ninh về công nghệ thông tin và truyền thông (TIC) ; thúc đẩy bình đẳng và công bằng giới ; phát triển và hiện đại hóa cơ sở hạ tầng cho các hệ thống y tế và đóng góp cho an toàn dịch tế thế giới.

Có thể thấy Washington không che giấu lợi ích riêng của mỗi nước tham gia, ví dụ “*đáp ứng những nhu cầu lớn của các nước có thu nhập thấp hoặc trung bình, nhưng cũng là để hỗ trợ Hoa Kỳ và vì lợi ích kinh tế, an ninh quốc gia của các đồng minh*”. Tổng thống Joe Biden nhấn mạnh : “*Đó không phải là giúp đỡ hay rủ lòng thương. Đó là đầu tư có lợi cho cả thế giới*”.

Còn theo chủ tịch Ủy Ban Châu Âu Ursula von der Leyen, các nước đối tác của phương Tây “*có lựa chọn*”, giữa một bên là những “*dự án đầu tư phản ánh những giá trị dân chủ và bao gồm những tiêu chuẩn khắt khe nhất đối với môi trường và người lao động*” và bên kia là đầu tư của Bắc Kinh, dù bà không nêu đích danh. Nói một cách khác, các nước đang phát triển không bị thúc ép chọn giữa phương Tây và Trung Quốc mà đây là “*đề xuất một cách nhìn khác và một cách tiếp cận khác*”, theo một quan chức Mỹ ẩn danh.

Ưu tiên châu Phi hạ Sahara

Hoa Kỳ và G7 khẳng định “*đề xuất những lựa chọn tốt nhất*” cho các nước đang phát triển, chủ yếu ở châu Phi hạ Sahara, được coi là “*ưu tiên quan trọng*”, nhưng cũng không quên các khu vực “*vô cùng quan trọng*” Trung Mỹ, Đông Nam Á, Trung Á. Tầm quan trọng của những nước này có thể được thấy qua danh sách khách mời bên lề thượng đỉnh G7 : Indonesia, Ấn Độ, Nam Phi, Senegal, Argentina. Giáo sư quan hệ quốc tế Bertrand Badie, trường Sciences Po, phân tích trên RFI ngày 26/06 :

“Theo truyền thống của G7, nước tổ chức có quyền gợi ý một số khách mời, thường là những nước nam bán cầu và trong số đó một phần lớn là những nước đang phát triển. Truyền thống này vẫn được tiếp nối và hiện giờ mang giá trị rất đặc biệt. Chúng ta đang tập trung vào việc thiết lập lại thế giới, trước tiên là phải định hình lại mối quan hệ với các nước nam bán cầu, đặc biệt là những nước đang trỗi dậy”.

Còn theo ông Sébastien Treyer, giám đốc tổ chức tư vấn IDDRI, đằng sau những nước khách mời này, còn có một ý nghĩa khác :

“Trong số những nước này lại có rất nhiều nước “không liên kết”, từ chối ủng hộ nghị quyết của các nước phương Tây phản đối cuộc xâm lược Ukraina của Nga. Điều này cho thấy cuộc khủng hoảng niềm tin sâu sắc vào châu Âu và Hoa Kỳ, phản ánh sự nghi ngờ về những cam kết không được tôn trọng của những nước này về mặt tài trợ cho khí hậu. Những nước này cũng thể hiện lo ngại về việc hai cực đang được hình thành, họ luôn bị thiệt khi phải chọn bên”.

Trung Quốc chỉ trích G7 hứa nhiều hơn làm

Những lời hứa đầu tư của G7 vào các nước đang phát triển có thể là khởi đầu tốt, theo phó chủ tịch của tổ chức phi lợi nhuận Global Citizen, bà Friederike Roder. Nhưng các nước G7 mới chỉ dành trung bình 0,32% GDP để hỗ trợ phát triển, trong khi họ đã hứa dành gấp đôi, có nghĩa là 0,7%. Theo bà, nếu không có những nước đang phát triển, sẽ không có sự phục hồi bền vững nền kinh tế thế giới.

G7 không ngừng nhấn mạnh đến “sự minh bạch”. Dự án PGII sẽ “cung cấp những công trình hạ tầng chất lượng và bền vững”, “dựa trên các giá trị, có hiệu quả tích cực, đôi bên cùng có lợi”, không như những bẫy nợ trong Sáng kiến Một vành đai Một con đường (BRI) của Trung Quốc. Bắc Kinh vẫn bị phương Tây cáo buộc là thực hiện những dự án thông qua các khoản vay ít ưu đãi, thiếu minh bạch, thậm chí nguy hiểm và càng làm trầm trọng thêm vấn đề nợ của những nước đã quá khó khăn.

Từ năm 2013, Trung Quốc đầu tư ồ ạt vào hơn 100 nước, chủ yếu là các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, châu Mỹ Latinh, trong khuôn khổ Sáng kiến Một vành đai Một con đường. Một quan chức Mỹ ẩn danh, được AFP trích dẫn, cho biết : *“Rất nhiều nước đã nhận được vốn vay hoặc các khoản đầu tư của dự án BRI, vài năm sau mới hiểu ra rằng họ còn bị nợ nhiều*

hơn, trong khi GDP nước họ không tăng đáng kể và những khoản đầu tư đó được cho là không tác động đến người dân”.

Về phía Trung Quốc, ngoài việc bác bỏ những cáo buộc của G7 và Hoa Kỳ, người phát ngôn bộ Ngoại Giao Triệu Lập Kiên (Zhao Lijian), khẳng định : *“Sáng kiến Một vành đai Một con đường (BRI) có thể sẽ góp phần giúp 7,6 triệu người thoát bần cùng và 32 triệu người thoát nghèo đói ở mức trung từ năm 2015 đến 2030”,* trái với dự án PGII của G7 chỉ *“là mảnh khoé phục vụ cho những tính toán địa-chính trị và làm vấy bẩn BRI nhân danh quảng bá cho phát triển cơ sở hạ tầng”.*

Ông Triệu Lập Kiên nhắc lại dự án *“đầu voi đuôi chuột”* B3W (Build Back Better World) được Mỹ thông báo năm 2021 để phát triển cơ sở hạ tầng thế giới theo cách khác với BRI. Tuy nhiên, nếu nhìn vào những dự án được tổng thống Mỹ nêu trong thông cáo ngày 26/06, có thể thấy nhiều dự án, chủ yếu liên quan đến năng lượng tại châu Phi hạ Sahara, đã được triển khai trong những năm trước và tiếp tục được tiến hành trong khuôn khổ PGII.

Dù các nước phương Tây, đặc biệt là nhóm G7, tỏ ra lạc quan và quyết tâm, nhưng rất nhiều yếu tố khách quan có thể tác động đến vai trò của G7 trong việc phục hồi kinh tế thế giới. Cụ thể, trong bài viết ngày 24/06, hai chuyên gia Viện Nghiên cứu Quốc tế Hoàng gia Anh - Chatham House, nhận định : *“Cuộc xâm lược Ukraina của Nga, việc phục hồi kinh tế bất trắc hậu Covid-19 đe dọa phá hỏng những tiến bộ của G7 trong chương trình này”* và việc *“các quốc gia tài trợ thay đổi ưu tiên do những sự kiện đang diễn ra ở Ukraina cũng có thể gây ra những thay đổi mới”.* Do đó, *“các cường quốc nên đồng hành cùng nhau để tăng thêm lợi ích cho các nước thụ hưởng”.*

(Tổng hợp AFP, Le Point, Nhà Trắng)

Chiến tranh lạnh Mỹ – Trung, cuộc chiến Ukraine và xung đột Đài Loan

Capture à partir de : [baotienngdan](https://baotienngdan.com)

Project-Syndicate phỏng vấn **Joseph S. Nye, Jr.**

Đỗ Kim Thêm dịch

6-6-2023

Tuần này, trong chuyên mục Say More, Project-Syndicate phỏng vấn Joseph S. Nye, Jr. về các đề tài quyền lực Trung Quốc, chính trị Hoa Kỳ, chiến tranh lạnh mới, cuộc chiến Ukraine và xung đột Đài Loan. Sau đây là bản dịch.

Project Syndicate: *Một thời điểm then chốt trong sự xuất hiện của “quyền lực mềm” – một thuật ngữ mà ông đặt ra – như một khái niệm về chính sách đối ngoại được chấp nhận rộng rãi, xảy ra vào năm 2007, khi cựu Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào trình bày tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) toàn quốc lần thứ 17, rằng đất nước phải phát triển nó. Sau đó, các quan chức Trung Quốc đã tiếp xúc riêng với ông để tìm lời khuyên về cách thực hiện. Trung Quốc chú ý đến lời khuyên của ông ở mức độ nào, đặc biệt đối với các nước đang phát triển, và điều đó có đang thay đổi dưới thời của Tập Cận Bình không?*

Joseph S. Nye, Jr.: Quyền lực mềm là khả năng đạt được những gì bạn muốn thông qua sự thu hút, thay vì ép buộc hoặc trả tiền. Trung Quốc có được quyền lực mềm từ trong nền văn hóa truyền thống, thành quả kinh tế đầy ấn tượng và các chương trình viện trợ. Nhưng ít nhất Trung Quốc có hai vấn đề trách nhiệm mà nó đang làm suy yếu khả năng tạo ra quyền lực mềm.

Thứ nhất, Trung Quốc thiếu một xã hội dân sự cởi mở – một nguồn chủ yếu trong việc gây thu hút – do ĐCSTQ khẳng định duy trì sự kiểm soát chặt chẽ đối với đời sống của người dân và cơ hội cho việc lập các hội tự nguyện độc lập. Thứ hai, Trung Quốc duy trì – và chầm ngòi – cho các căng thẳng và xung đột với các nước láng giềng, thường về các vấn đề lãnh

thổ. Học viện Khổng Tử ở New Delhi không thể làm gì để gia tăng sức hấp dẫn của Trung Quốc nếu quân đội Trung Quốc giết chết binh sĩ Ấn Độ ở biên giới có tranh chấp ở Himalaya.

PS: Tháng 10 năm ngoái, ông đã nghiên cứu đến “các nguyên nhân sâu xa, trung hạn và trực tiếp” của cuộc chiến Ukraine, và nhấn mạnh rằng, có tất cả các yếu tố cho một dấu hiệu nguy hiểm mà nó không bảo đảm rằng sẽ là một. Kể từ khi Nga xâm lược Ukraine, các lo ngại về một cuộc xâm lược Đài Loan của Trung Quốc – và khả năng tiềm tàng là một cuộc chiến giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ – đã gia tăng ráo riết. Khi nhận ra rằng “không có tương lai duy nhất, mà là một loạt các tương lai với các xác suất khác nhau mà hành động của chúng ta có thể ảnh hưởng”, vậy “nguyên nhân sâu xa, trung hạn và tức thời” của một cuộc xung đột về Đài Loan có thể là gì?

JSN: Các nguyên nhân sâu xa của một cuộc chiến còn tiềm tàng đối với Đài Loan nằm trong cuộc nội chiến Trung Quốc (1927-49). Các lực lượng Cộng sản đã đánh bại chính phủ Quốc gia do Quốc Dân Đảng lãnh đạo ở đại lục, nhưng không chiếm được Đài Loan, nơi mà ĐCSTQ coi là một tỉnh nổi loạn. Tổng thống Mỹ Richard Nixon và Chủ tịch Mao Trạch Đông đã quyết định theo công thức “một Trung Quốc” để trì hoãn giải pháp cho cuộc xung đột. Để duy trì hiện trạng này, Mỹ đã cố gắng không chỉ ngăn chặn Trung Quốc sử dụng vũ lực mà còn ngăn chặn Đài Loan khiêu khích Trung Quốc bằng cách đưa ra tuyên bố chính thức về nền độc lập.

Nguyên nhân trung hạn là sự gia tăng sức mạnh quân sự của Trung Quốc trong khu vực và ý thức ngày càng tăng về bản sắc dân tộc của dân chúng Đài Loan. Nguyên nhân trực tiếp – tia lửa sẽ sẵn sàng đốt cháy Đài Loan – có thể là một sự kiện bất ngờ nào đó thúc đẩy Trung Quốc hành động, chẳng hạn như phong tỏa một tàu Trung Quốc bị đánh chìm. Tôi không nghĩ rằng cuộc xâm lược của Nga vào Ukraine thay đổi sự tính toán này nhiều.

PS: Ông viết hồi tháng Ba rằng: “Nếu mỗi quan hệ Trung-Mỹ là một canh bạc, người ta có thể nói rằng, Mỹ và các đồng minh lâu năm của họ đã được xử lý tốt, đặc biệt trong bối cảnh những thách thức chính trị, dân số và nhân khẩu ngày càng tăng của Trung Quốc”. Tuy nhiên, ông lo ngại rằng “một nền chính trị dựa theo đảng phái” ở Mỹ đang “tạo ra một sự cuồng loạn” sẽ ngăn cản việc thực hiện “chiến lược chiến thắng” của Mỹ. Chính trị quốc nội đã bóp méo chính sách Trung Quốc của Mỹ như thế nào – một trong số rất ít lĩnh vực của việc thỏa thuận lưỡng đảng – và ông nghĩ những rủi ro chính trị nào có khả năng trở thành hiện thực trong tương lai, đặc biệt là khi Mỹ chuẩn bị cho cuộc bầu cử tổng thống sắp tới?

JSN: Sự cạnh tranh gay gắt trong chính trị quốc nội của Mỹ đã thúc đẩy việc bồi nhọ Trung Quốc leo thang liên tục và thảo luận về một cuộc chiến tranh lạnh mới. Trong khi sự cạnh tranh Mỹ-Trung không thể bỏ qua, việc bồi nhọ là một sự hướng dẫn tệ hại cho chiến lược. Mỹ và Trung Quốc tương thuộc nhiều hơn nếu so với Mỹ và Liên Xô trong thời Chiến tranh Lạnh, với mỗi quan hệ của họ trải dài trong lĩnh vực kinh tế, khí hậu và y tế. Một chiến lược rõ ràng sẽ quan tâm đến điều đó. Ví dụ như khi cấm các doanh nghiệp Trung Quốc thực hiện sự trao đổi ‘nhạy cảm’ có thể là hợp lý, nhưng không có nghĩa là chúng ta nên cấm các tấm pin có chứa năng lượng mặt trời của Trung Quốc.

PS: Gần đây, ông ghi nhận: “Ukraine cho thấy quyền lực mềm vẫn còn phù hợp”. Tuy nhiên, đối với Liên minh châu Âu, cuộc chiến Ukraine đã làm nổi bật tầm quan trọng của “quyền lực cứng” về quân sự. Liệu Liên minh châu Âu có đang đi đúng hướng để phát triển một chiến lược “[quyền lực thông minh](#)” cân bằng mà nó kết hợp các yếu tố cứng và mềm?

JSN: Sức mạnh thông minh là khả năng kết hợp sức mạnh cứng và mềm trong một chiến lược hiệu quả, trong đó chúng củng cố lẫn nhau. Trước cuộc xâm lược toàn diện của Nga vào

Ukraine năm ngoái, tôi đã nói với những người bạn châu Âu của tôi rằng, trong khi tôi ngưỡng mộ quyền lực mềm của họ, họ cần kết hợp nó với sức mạnh cứng hơn. Vladimir Putin dường như đã khắc phục được vấn đề đó một cách vô tình.

PS: Ý tưởng về quyền lực mềm bắt nguồn từ những nỗ lực của ông để thách thức với quan điểm mà nó vốn đã thu hút trong thập niên 1980, khi cho rằng Hoa Kỳ đang suy thoái. Kể từ đầu thế kỷ, các cuộc chiến do Mỹ lãnh đạo ở Iraq và Afghanistan, sự trỗi dậy của Trung Quốc như một cường quốc, và thách thức của Nga đối với khối NATO và phương Tây đã làm sống lại câu chuyện đó. Lần này có khác không?

JSN: Kể từ khi Hoa Kỳ trở thành một cường quốc toàn cầu, vượt trội vào năm 1945, đã có một số giai đoạn khi Hoa Kỳ được cho là suy tàn. Các nhận thức về Hoa Kỳ là theo chu kỳ. Sức thu hút của chúng ta đã giảm sau cuộc xâm lược Iraq, nhưng đã tăng trở lại trong nhiệm kỳ tổng thống của Barack Obama. Các cuộc thăm dò cho thấy sự sụt giảm tương tự trong những năm Donald Trump cầm quyền, với chiến thắng của Joe Biden vào năm 2020 mang lại một sự gia tăng khác. Tôi nghĩ rằng các chu kỳ như vậy sẽ tiếp tục.

PS: Trong cuốn sách năm 2020 của ông, [Do Morals Matter? Presidents and Foreign Policy from FDR to Trump](#), ông lập ra một bảng điểm cho các quyết định về đạo đức của mỗi tổng thống. Ông Biden vừa tuyên bố sẽ tái tranh cử vào năm tới. Ông đánh giá như thế nào về thành tựu của Biden cho đến nay?

JSN: Điểm trung thực duy nhất là “không đủ”. Về mặt tiêu cực, việc rút quân ra khỏi Afghanistan đã được xử lý một cách vụng về, và Biden đã thất bại trong việc đưa ra một chính sách thương mại thuyết phục được châu Á. Về mặt tích cực, Biden đã khôi phục niềm tin trong các liên minh của chúng ta, tái gia nhập các tổ chức quốc tế, coi trọng vấn đề biến đổi khí hậu và

xử lý tốt tình hình Ukraine. Cho đến nay, điểm cộng vượt xa điểm trừ, nhưng điểm tổng kết là vẫn chưa đạt được.

Joseph S. Nye, Jr., là giáo sư Đại học Harvard, Cựu trợ lý Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ. Cuốn sách gần đây nhất của ông có tựa đề: [**Do Morals Matter? Presidents and Foreign Policy from FDR to Trump**](#) do Nhà xuất bản Đại học Oxford ấn hành năm 2020.

Bài liên quan: [**Trung Quốc đã đạt đến tột đỉnh? — Liệu cuộc chiến Đài Loan sẽ xảy ra? — Sự phát triển của chiến lược Trung Quốc của Mỹ — Nguyên nhân nào gây ra cuộc chiến Ukraine?**](#)

Tại sao chiến tranh với Trung Quốc về Đài Loan có thể hủy hoại nền kinh tế toàn cầu

July 1, 2023

Capture à partir de :[baocalitoday](#)



Đài Loan sản xuất chip bộ nhớ tiên tiến nhất thế giới — bộ não bên trong mọi sản phẩm công nghệ từ điện thoại thông minh và ô tô hiện đại đến trí tuệ nhân tạo và máy bay chiến đấu.

Một cuộc xung đột quân sự đối với Đài Loan sẽ khiến nền kinh tế toàn cầu thụt lùi hàng thập kỷ vì chuỗi cung ứng các chất bán dẫn quan trọng bị gián đoạn nghiêm trọng, theo người đứng

đầu một trong những nhà sản xuất vi mạch hàng đầu của hòn đảo này.

Đài Loan, một nền dân chủ tự trị cách Trung Quốc khoảng 160 km, sản xuất các vi mạch tiên tiến nhất thế giới — bộ não bên trong mọi sản phẩm công nghệ từ điện thoại thông minh và xe hơi hiện đại đến trí tuệ nhân tạo và máy bay chiến đấu.

Trung Quốc tuyên bố Đài Loan là lãnh thổ của mình và tuyên bố sẽ sẵn sàng sử dụng vũ lực để kiểm soát hòn đảo này, mặc dù họ không đưa ra bất kỳ mốc thời gian nào cho việc đó. Về mặt chính thức, Hoa Kỳ không khuyến khích xung đột nhưng có lập trường trung lập, mặc dù Tổng thống Joe Biden đã nhiều lần gợi ý rằng ông sẽ can thiệp để bảo vệ Đài Loan.

Miin Wu, người sáng lập và giám đốc điều hành của nhà sản xuất chip Đài Loan Macronix, cho biết nếu ngành công nghiệp bị gián đoạn bởi xung đột quân sự, thì tác động đối với nền kinh tế toàn cầu sẽ là “**rất lớn**”.

“**Ý kiến của tôi là, bạn sẽ lùi lại ít nhất 20 năm,**” ông nói tại phòng trưng bày của công ty tại Công viên Khoa học Hsinchu ở tây bắc Đài Loan.

Hòn đảo này là một trung tâm chế tạo vi mạch, sản xuất 60% chất bán dẫn của thế giới — và khoảng 93% chất bán dẫn tiên tiến nhất, theo báo cáo năm 2021 của Boston Consulting Group. Mỹ, Hàn Quốc và Trung Quốc cũng sản xuất chất bán dẫn, nhưng Đài Loan thống trị thị trường trị giá gần 600 tỷ USD vào năm ngoái.

Những kỳ quan công nghệ này bao gồm các mẫu nhỏ, được đo bằng nanomet, được khắc trên các lát silicon mỏng gọi là “**tấm bán dẫn**”.

Wu, 75 tuổi, đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập ngành công nghiệp chip của Đài Loan khi ông thành lập công ty của mình vào năm 1989, đã có hơn một thập kỷ làm việc tại Thung

lũng Silicon, bao gồm cả vị trí quản lý cấp cao tại Intel. Ông ấy đã mang theo khoảng 40 kỹ sư cao cấp của Đài Loan về nước.

Khuôn viên Macronix có bầu không khí của Thung lũng Silicon, với các nhân viên luân chuyển giữa công việc và phòng tập thể dục tại chỗ, khu trượt patin và công viên rộng lớn. Các màn hình trong phòng trưng bày của công ty giải thích cách sản xuất chip và giới thiệu các sản phẩm mà chúng được sử dụng, từ máy chơi game Fitbits và Nintendo cho đến ô tô và thiết bị y tế.

“Tôi nghĩ điều duy nhất tôi muốn làm là phát triển công nghệ dựa trên tiêu chuẩn của Mỹ và sau đó tiến lên,” Wu nói.

Ông nói rằng ông chưa bao giờ lường trước được rằng chất bán dẫn sẽ trở thành một trong những ngành công nghiệp quan trọng nhất trên thế giới – và là ngành hiện đang là tâm điểm của căng thẳng gia tăng giữa Mỹ và Trung Quốc, hai nền kinh tế lớn nhất hành tinh.

Quan hệ giữa hai nước đã xuống dốc trong những năm gần đây do tranh chấp nảy sinh về một loạt vấn đề bao gồm thương mại, nhân quyền và cuộc chiến của Nga ở Ukraine, cũng như Đài Loan, chính phủ mà Hoa Kỳ không chính thức công nhận nhưng là ràng buộc bởi pháp luật để cung cấp với vũ khí phòng thủ.

Ngành công nghiệp bán dẫn của Đài Loan đã được mô tả như một **“lá chắn silicon”** giúp Hoa Kỳ và những người ủng hộ khác có thêm động lực để thúc đẩy an ninh của hòn đảo trước các mối đe dọa ngày càng tăng từ Trung Quốc.

Kể từ khi Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa được thành lập vào năm 1949 sau một cuộc nội chiến, Đảng Cộng sản cầm quyền của họ đã tuyên bố chủ quyền đối với hòn đảo, nơi các lực lượng Quốc gia bị đánh bại đã thành lập một chính phủ đối địch.

Giống như những người tiền nhiệm, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình nói rằng Trung Quốc mong muốn “**thống nhất hòa bình**” với Đài Loan nhưng không loại trừ việc sử dụng vũ lực.

Hoa Kỳ có chính sách “**mơ hồ chiến lược**” từ lâu về cách họ sẽ phản ứng nếu Trung Quốc tấn công Đài Loan, ý tưởng là để ngăn chặn Bắc Kinh xâm lược và ngăn cản Đài Bắc làm điều gì đó – như tuyên bố độc lập – có thể gây ra phản ứng quân sự từ hàng xóm lớn của họ.

Bất kỳ sự bất ổn nào ở eo biển Đài Loan “**do leo thang căng thẳng, tai nạn hoặc sử dụng vũ lực sẽ có những tác động lớn về kinh tế và an ninh đối với khu vực và toàn cầu**”, theo nội dung cuộc điện đàm của Bộ Ngoại giao vào tuần trước giữa Thứ trưởng Ngoại giao Victoria Nuland và đại diện châu Âu của bà.

Tuy nhiên, Biden dường như tránh xa sự mơ hồ chiến lược khi nhiều lần nói rằng Washington sẽ can thiệp để bảo vệ Đài Loan. Mỗi lần như vậy, Tòa Bạch Ốc sau đó đều nói rằng chính sách của Mỹ đối với hòn đảo này không thay đổi.

Mặc dù Đài Loan có thể nhỏ, nhưng Malcolm Penn, giám đốc điều hành của công ty tư vấn ngành bán dẫn Anh Future Horizons, đồng ý với Wu rằng một cuộc chiến tranh giành hòn đảo này sẽ “**khiến thế giới phải quỳ gối**” vì nguồn cung chip toàn cầu bị gián đoạn.

Và nó sẽ gây tổn hại cho Trung Quốc cũng như bất kỳ ai khác.

Robert Tsao, một tỷ phú Đài Loan kiếm bộn tiền từ chất bán dẫn, đồng ý rằng một cuộc chiến sẽ “**hủy hoại mọi thứ**” và là “**thảm họa đối với lợi ích quốc tế**” của Mỹ và thế giới.

Là một phần trong yêu sách lãnh thổ của mình, Trung Quốc cũng nói rằng họ sở hữu hầu hết Biển Đông, một tuyến đường vận chuyển quan trọng với nhiều tài nguyên thiên nhiên. Tuyên bố chủ quyền này không được luật pháp quốc tế công nhận và những nỗ lực của Washington nhằm chứng minh điều này bằng cách cho tàu thuyền và máy bay bay qua khu vực đã gặp phải

sự phản đối của các tàu và máy bay Trung Quốc đối với những vị khách không mời mà đến ở sân sau của họ.

Trong bối cảnh đó, chính quyền Biden cho biết họ muốn “**giảm rủi ro**” cho mối quan hệ với Trung Quốc – giữ cho thương mại về cơ bản là mở nhưng hạn chế một số lĩnh vực mà Washington tin rằng có thể giúp Trung Quốc chiếm thế thượng phong khi nói đến an ninh quốc gia hoặc định hướng tương lai.

Năm ngoái, Biden đã áp đặt một loạt các biện pháp kiểm soát xuất khẩu sâu rộng được thiết kế để chặn Trung Quốc tiếp cận một số loại chip bán dẫn được sản xuất bằng công nghệ của Mỹ.

Các biện pháp kiểm soát xuất khẩu này và các hạn chế công nghệ khác có tác động đối với các công ty trên toàn thế giới và Macronix cũng không ngoại lệ. Giống như các nhà sản xuất chip khác của Đài Loan, họ bị cấm bán chip tiên tiến cho Trung Quốc, đối tác thương mại lớn nhất của hòn đảo này.

Trung Quốc đã chỉ trích các biện pháp kiểm soát xuất khẩu là lạm dụng các biện pháp thương mại nhằm bảo vệ “**quyền bá chủ công nghệ**” của Hoa Kỳ. Nhiều nhân vật trong ngành đồng ý rằng nỗ lực kiểm soát thị trường của Washington là phản tác dụng.

Penn tại Future Horizons cho biết, các biện pháp kiểm soát xuất khẩu của Hoa Kỳ sẽ “**làm chậm nhưng không ngăn Trung Quốc**” đạt được sự ngang bằng về công nghệ.

“**Có thể mất 10 năm, nhưng họ sẽ làm được: Họ có nguồn lực để làm điều đó, họ có bí quyết khoa học, họ có tiền, họ có thị trường,**” anh nói.

Penn là một trong những chuyên gia chỉ trích sâu sắc các biện pháp kiểm soát xuất khẩu của Washington, gọi chúng là phản tác dụng. Và tuần này, giám đốc tài chính của công ty công nghệ Mỹ Nvidia, Colette Kress, cho biết tại một hội nghị nhà đầu tư rằng việc đưa ra các hạn chế mới sẽ dẫn đến “**việc mất**

vĩnh viễn cơ hội cho ngành công nghiệp Hoa Kỳ cạnh tranh và dẫn đầu tại một trong những thị trường lớn nhất thế giới.“

Hoa Kỳ, nơi sản xuất khoảng 10% chip bán dẫn của thế giới và không phải là loại tiên tiến nhất, cũng đang cố gắng thúc đẩy sản xuất trong nước, đưa ra các ưu đãi về thuế cho các dự án như nhà máy trị giá 40 tỷ USD do gã khổng lồ chip Đài Loan TSMC xây dựng ở Arizona.

Nhưng việc xây dựng một ngành công nghiệp phức tạp như vậy sẽ mất nhiều thời gian, Wu nói. **“Tôi sẽ nói là 10 năm,”** anh ấy nói thêm.

Cuối cùng, ông nói, sự ổn định của ngành công nghiệp bán dẫn — và khả năng tiếp cận của mọi người với các thiết bị do nó cung cấp — phụ thuộc vào các nhà lãnh đạo của Trung Quốc, Đài Loan và Hoa Kỳ.

“Họ phải đưa ra quyết định đúng đắn với sự khôn ngoan của mình,” Wu nói. **“Đó là giải pháp.”**

Việt Linh (Theo Asia Times)